

BỘ TÀI CHÍNH**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**Số: **13839**/BTC-CTHà Nội, ngày **05** tháng 9 năm 2025

V/v đăng tải Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý, phản biện xã hội của cơ quan, tổ chức, cá nhân về hồ sơ dự án Luật Quản lý thuế (sửa đổi).

Kính gửi: Công Thông tin điện tử Chính phủ.

Ngày 15/8/2025, Bộ Tài chính đã có công văn số 12624/BTC-CT lấy ý kiến về hồ sơ dự án Luật Quản lý thuế (sửa đổi) gửi các Đoàn đại biểu Quốc hội; các Bộ, cơ quan ngang Bộ; cơ quan thuộc Chính phủ; Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam và đăng tải trên Cổng TTĐT Chính phủ, Cổng TTĐT Bộ Tài chính để lấy ý kiến rộng rãi các đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của dự án luật, ý kiến phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Bộ Tài chính đã nhận được ý kiến góp ý của các Đoàn Đại biểu Quốc hội, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hiệp hội, doanh nghiệp, các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân đối với hồ sơ dự án Luật Quản lý thuế (sửa đổi).

Bộ Tài chính đã tổng hợp giải trình, tiếp thu đầy đủ các ý kiến góp ý, phản biện xã hội và đang hoàn thiện hồ sơ dự án Luật Quản lý thuế (sửa đổi) để trình Chính phủ.

Căn cứ quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tài chính xin gửi Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý, phản biện xã hội của cơ quan, tổ chức, cá nhân về hồ sơ dự án Luật Quản lý thuế (sửa đổi) để Cổng Thông tin điện tử Chính phủ đăng tải theo quy định.

Trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Quý cơ quan./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Thứ trưởng Cao Anh Tuấn (để b/c);
- Cục trưởng (để b/c);
- Cổng TTĐT Bộ Tài chính (để đăng tải);
- Vụ PC - BTC;
- Cục HQ - BTC;
- Lưu: VT, CT (VT, CS).

(3b)

**TL. BỘ TRƯỞNG
KT. CỤC TRƯỞNG CỤC THUẾ
PHÓ CỤC TRƯỞNG**

**Đặng Ngọc Minh**



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 05 tháng 9 năm 2025

**BẢN TỔNG HỢP Ý KIẾN, TIẾP THU, GIẢI TRÌNH Ý KIẾN GÓP Ý, PHẢN BIỆN XÃ HỘI ĐỐI VỚI HỒ SƠ DỰ ÁN
LUẬT QUẢN LÝ THUẾ (SỬA ĐỔI)**

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Cơ quan chủ trì soạn thảo đã tổ chức lấy ý kiến đối với Hồ sơ dự án Luật Quản lý thuế (sửa đổi).

1. Tổng số cơ quan, tổ chức, cá nhân đã gửi xin ý kiến và tổng số ý kiến nhận được:

Ngày 15/8/2025, Bộ Tài chính đã ban hành Công văn số 12624/BTC-CT gửi các Đoàn đại biểu Quốc hội; các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, 34 UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam; đồng thời đăng tải trên Cổng TTĐT Chính phủ, Cổng TTĐT Bộ Tài chính để lấy ý kiến rộng rãi các đối tượng chịu sự tác động đối với bộ hồ sơ Dự án Luật Quản lý thuế (sửa đổi). Đến 04/9/2025, Bộ Tài chính đã nhận được ý kiến tham gia của **41 đơn vị, tổ chức**.

2. Kết quả cụ thể như sau:

- Các bộ, ngành, cơ quan, tổ chức có ý kiến nhất trí, không có ý kiến bổ sung (13 đơn vị) bao gồm:

- + Các Đoàn đại biểu Quốc hội: Sơn La, An Giang, Lào Cai, Quảng Trị;
 - + Các Bộ ngành, cơ quan thuộc Chính phủ: Bộ Quốc Phòng, Viện Hàn lâm Khoa học Công nghệ Việt Nam, Thông tấn xã Việt Nam;
 - + UBND các tỉnh, thành phố: Vĩnh Long (giao STC), Đắk Lắk (giao Thuế tỉnh), Lào Cai, Lạng Sơn, Gia Lai;
 - + Các tổ chức: Liên hiệp các tổ chức hữu nghị VN;
- và chưa nhận được ý kiến góp ý trên Cổng TTĐT Chính phủ.

- Các bộ, ngành, địa phương, tổ chức cơ bản nhất trí và có một số ý kiến cụ thể (28 đơn vị) bao gồm:

- + Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- + Các Đoàn đại biểu Quốc hội: Ninh Bình, Cà Mau, Tuyên Quang, Điện Biên, Khánh Hòa, Vĩnh Long, Bắc Ninh, Nghệ An;
- + Các Bộ ngành, cơ quan thuộc Chính phủ: Bộ Ngoại giao, Bộ NN&MT, Viện Hàn lâm khoa học xã hội VN, Bộ Dân tộc và Tôn giáo, Bộ Công An;
- + UBND các tỉnh, thành phố: TP HCM (giao Thuế TP HCM), Quảng Ninh (giao Thuế tỉnh Quảng Ninh), Bắc Ninh (giao Thuế tỉnh Bắc Ninh), TP Hà Nội (Giao Thuế TP Hà Nội), Hà Tĩnh (STC), Đồng Tháp, Cà Mau (giao Thuế tỉnh Cà Mau), Thái Nguyên (giao Thuế tỉnh Thái Nguyên), Hải Phòng (giao Thuế TP Hải Phòng), Quảng Ngãi (giao Thuế tỉnh Quảng Ngãi);

+ *Tổ chức khác*: Eurofins Việt Nam; Công ty TNHH kế toán và tư vấn thuế Trọng Tín, Tập đoàn Công nghiệp-Viễn thông quân đội, Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam, Tập đoàn Vingroup- Công ty CP.

Trên cơ sở ý kiến của các bộ, ngành, địa phương, tổ chức, Bộ Tài chính đã tổng hợp đầy đủ các ý kiến góp ý và giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý như sau:

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
Một số ý kiến góp ý chung về Dự thảo			
Đánh giá tính tương thích dự thảo Luật đối với các điều ước quốc tế	Bộ Ngoại giao	Về đánh giá tính tương thích dự thảo Luật đối với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên: Bộ Tài chính đã thực hiện việc rà soát các điều ước quốc tế có liên quan mà Việt Nam là thành viên như các Hiệp định song phương về tránh đánh thuế hai lần, Hiệp định đa phương thực hiện các biện pháp liên quan đến Hiệp định thuế về ngăn ngừa xói mòn cơ sở tính thuế và chuyển lợi nhuận, Hiệp định đa phương về hỗ trợ hành chính thuế (MAAC). Tuy nhiên, đề nghị Bộ Tài chính bổ sung rà soát các cam kết liên quan đến minh bạch, không phân biệt đối xử về chính sách thuế trong WTO, các FTA; quy định chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu, trao đổi thông tin về thuế...để có đánh giá toàn diện, bảo đảm các nội dung dự thảo Luật không trái với các cam kết quốc tế của Việt Nam.	Tiếp thu và đã bổ sung thêm các cam kết quốc tế khác có liên quan đến lĩnh vực thuế vào nội dung đánh giá tính tương thích dự thảo Luật đối với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên để bảo đảm các nội dung dự thảo Luật QLT không trái với các cam kết quốc tế của Việt Nam.
Rà soát Chương VII, Chương VIII	Bộ Dân tộc và tôn giáo	Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát kỹ các quy định tại Chương VII (khieu nại, tố cáo, giải quyết tranh chấp) và quy định tại Chương VIII (xử lý vi phạm hành chính về quản lý thuế và cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế) đảm bảo thống nhất, đồng bộ với quy định của Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo, Luật Tổ tụng hành chính, Luật Xử lý vi phạm hành chính và các luật có liên	Tiếp thu, rà soát các quy định tại Chương VII (khieu nại, tố cáo, giải quyết tranh chấp) và quy định tại Chương VIII (xử lý vi phạm hành chính về quản lý thuế và cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế)) đảm bảo thống nhất, đồng bộ với quy định pháp luật có liên quan.

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		quan.	
	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	- Đề nghị Bộ Tài chính rà soát, chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo Luật theo hướng bám sát và thể chế hoá đúng, đầy đủ các chủ trương, chính sách, định hướng của các cấp có thẩm quyền; bảo đảm tính hợp pháp, tính thống nhất, tính khả thi, không tạo “khe hở” để lạm dụng (nếu có), trong đó bảo đảm tính phù hợp, thống nhất với quy định của các luật liên quan; đánh giá tác động kỹ lưỡng, đầy đủ các nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung; bảo đảm bao quát giải quyết được những vấn đề vướng mắc, cấp bách cho phát triển kinh tế - xã hội. - Nghị quyết số 69-NQ/TW ngày 19 tháng 7 năm 2025 Hội nghị lần thứ 12 Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII, trong đó đã cơ bản thống nhất với một số nội dung đề xuất của Đảng ủy Chính phủ về một số vấn đề mới đặt ra từ thực tiễn thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW, Bộ Nông nghiệp và Môi trường đang dự thảo Luật Đất đai (sửa đổi) theo hướng quy định bảng giá đất là căn cứ để tính tiền sử dụng đất, tiền thuê đất. Tuy nhiên, để chính sách này đạt hiệu quả, cần có các chính sách về thuế đối với các hoạt động sản xuất, kinh doanh có sử dụng đất nhằm điều tiết phân giá trị tăng thêm từ đất để đảm bảo hài hòa lợi ích giữa Nhà nước, người sử dụng đất và nhà đầu tư. Do đó, Bộ Nông nghiệp và Môi trường đề nghị Bộ Tài chính nghiên cứu, đề xuất các chính sách về thuế cho phù hợp với việc sửa đổi các quy định của dự thảo Luật Đất đai (sửa đổi).	Những nội dung đề xuất của Bộ NN&MT liên quan đến các chính sách về thuế cho phù hợp với việc sửa đổi các quy định của dự thảo Luật Đất đai (sửa đổi) sẽ được nghiên cứu để đưa vào các Luật chính sách có liên quan, không đưa vào dự thảo Luật QLT.
Về việc bỏ thuế khoản, phân cấp,	Viện hàn lâm khoa	Dựa trên phân tích hồ sơ, chúng tôi nhận thấy một số điểm cần thảo luận sâu hơn hoặc lưu ý trong quá trình triển khai:	Rà soát, hoàn thiện dự thảo luật

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
phân quyền, chuyển đổi số	học xã hội Việt Nam	- Về việc bỏ thuế khoán: Đây là một cái cách lớn và tích cực, tuy nhiên, tính khả thi cần được xem xét kỹ lưỡng. Thách thức: Năng lực tự khai, tự nộp, và thực hiện chế độ kê toán, hóa đơn của hàng triệu hộ kinh doanh là một vấn đề lớn. Việc này đòi hỏi một nỗ lực không lồ từ cơ quan thuế trong việc hỗ trợ, tập huấn và cung cấp công cụ. Rủi ro: Nếu không có lộ trình và giải pháp hỗ trợ đủ mạnh, có thể dẫn đến tình trạng gia tăng nợ thuế, sai sót trong kê khai hoặc thậm chí là một bộ phận hộ kinh doanh ngừng hoạt động do không đáp ứng được yêu cầu. - Về phân cấp, phân quyền cho Chính phủ và Bộ Tài chính: Ưu điểm: Giao Chính phủ và Bộ Tài chính quy định chi tiết nhiều nội dung giúp luật linh hoạt, dễ dàng cập nhật khi thực tiễn thay đổi. Điều này đòi hỏi các văn bản dưới luật (Nghị định, Thông tư) phải được ban hành kịp thời, đầy đủ và rõ ràng ngay khi luật có hiệu lực để tránh khoảng trống pháp lý. Việc giám sát để đảm bảo áp dụng thống nhất trên cả nước cũng rất quan trọng. - Về chuyển đổi số và chia sẻ dữ liệu: Yêu cầu: Sự thành công của luật phụ thuộc rất lớn vào hạ tầng công nghệ thông tin không chỉ của ngành thuế mà còn của các bộ, ngành liên quan, ngân hàng, và các nền tảng số. Quan ngại: Vấn đề bảo mật thông tin và an toàn dữ liệu cá nhân của người nộp thuế cần được đặt lên hàng đầu khi thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu trên quy mô lớn. Các quy định về an toàn thông tin tại Điều 51 là cần thiết nhưng việc triển khai trên thực tế cần các quy chuẩn kỹ thuật và cơ chế giám sát chặt chẽ.	

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
Các ý kiến đóng góp cụ thể vào Dự thảo Luật			
Điều 1	Đoàn ĐB QH tỉnh Vĩnh Long	1. Phạm vi điều chỉnh (Điều 1) Đề nghị cần cụ thể hoá nội dung “các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước” bao gồm những khoản thu nào để đảm bảo tính minh bạch, thống nhất trong triển khai thực hiện và tránh hiểu nhầm hoặc bỏ sót đối tượng quản lý. Đồng thời, hiện nay phát sinh nhiều loại hình kinh doanh mới, nếu không làm rõ sẽ tạo khoảng trống pháp lý và thất thu ngân sách.	Tại khoản 2 Điều 4 dự thảo đã có quy định: 2. <i>Khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước do cơ quan quản lý thuế quản lý thu là các khoản thu được quy định tại khoản 1 Điều 36 Luật này</i> Và tại điểm b, khoản 1 Điều 36 cũng đã quy định chi tiết: b) <i>Các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước do cơ quan quản lý thuế quản lý thu gồm: Phí và lệ phí theo quy định của Luật Phí và lệ phí; Tiền sử dụng đất; Tiền thuê đất; Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; Tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước; Tiền sử dụng khu vực biển; Tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính do cơ quan quản lý thuế thực hiện theo quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính; Thu từ chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập; Thu từ chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng quyền mua cổ phần, quyền góp vốn nhà nước tại doanh nghiệp; Lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ theo quy định của Doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn Điều lệ; Cổ tức và lợi nhuận được chia cho phần vốn nhà nước tại Doanh nghiệp theo quy định; Tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa theo quy định của pháp luật về đất đai; Tiền chậm nộp và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.</i>
điểm a, b khoản 1 Điều 2	UBND tỉnh Bắc Ninh	Đề nghị sửa đổi, bổ sung điểm a, b khoản 1 Điều 2 Dự thảo Luật Quản lý thuế, như sau: <i>“1. Người nộp thuế bao gồm:</i> a) <i>Tổ chức, hộ gia đình, hộ kinh doanh, cá nhân, cá</i>	Tiếp thu hoàn thiện tại điểm a, b, c khoản 1 Điều 2 theo hướng: 1. <i>Người nộp thuế bao gồm:</i> a) <i>Tổ chức, hộ gia đình, hộ kinh doanh, cá nhân, cá nhân kinh doanh là người nộp thuế theo quy định của</i>

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		nhân kinh doanh hộ, cá nhân hoạt động sản xuất, kinh doanh, xuất khẩu, nhập khẩu, là người nộp thuế theo quy định của pháp luật về thuế; b) <i>Tổ chức nước ngoài có cơ sở thường trú hoặc không có cơ sở thường trú tại Việt Nam, cá nhân ở nước ngoài là đối tượng không cư trú tại Việt Nam có phát sinh thu nhập chịu thuế tại Việt Nam; tổ chức nước ngoài, cá nhân ở nước ngoài là đối tượng không cư trú tại Việt Nam có hoạt động kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử, nền tảng số khác có phát sinh thu nhập chịu thuế tại Việt Nam là người nộp thuế theo quy định của pháp luật về thuế.</i>	pháp luật về thuế; b) <i>Tổ chức nước ngoài có cơ sở thường trú hoặc không có cơ sở thường trú tại Việt Nam, cá nhân nước ngoài không cư trú có thu nhập chịu thuế phát sinh tại Việt Nam là người nộp thuế theo quy định của pháp luật về thuế;</i> c) <i>Tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài có hoạt động kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử, nền tảng số khác có phát sinh thu nhập chịu thuế tại Việt Nam là người nộp thuế theo quy định của pháp luật về thuế;</i>
Điều 2	Đoàn ĐBQH tỉnh Nghệ An	Về đối tượng áp dụng (Điều 2) Tại điểm b khoản 1, đề xuất bổ sung cụm từ “nền tảng số khác” để đầy đủ hơn đối tượng nộp thuế, cụ thể viết lại như sau: <i>“b) Tổ chức, cá nhân nước ngoài có phát sinh thu nhập chịu thuế tại Việt Nam, tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài có hoạt động kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử, nền tảng số khác là người nộp thuế theo quy định của pháp luật về thuế;”</i>	Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo theo hướng: 1. Người nộp thuế bao gồm: a) <i>Tổ chức, hộ gia đình, hộ kinh doanh, cá nhân, cá nhân kinh doanh là người nộp thuế theo quy định của pháp luật về thuế;</i> b) <i>Tổ chức nước ngoài có cơ sở thường trú hoặc không có cơ sở thường trú tại Việt Nam, cá nhân nước ngoài không cư trú tại Việt Nam có thu nhập chịu thuế phát sinh tại Việt Nam là người nộp thuế theo quy định của pháp luật về thuế;</i> c) <i>Tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài có hoạt động kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử, nền tảng số khác có thu nhập chịu thuế phát sinh tại Việt Nam là người nộp thuế theo quy định của pháp luật về thuế;</i>
khoản 5 Điều 2	UBND tỉnh Bắc Ninh	Đề nghị sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 2 Dự thảo, như sau:	Tiếp thu hoàn thiện tại khoản 5 Điều 2

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<i>“5. Chính phủ quy định chi tiết khoản 1, khoản 2 Điều này”</i>	
Điểm a Khoản 1 Điều 2	Công ty TNHH kế toán và tư vấn thuế Trọng Tín	Thứ nhất: Điểm a Khoản 1 Điều 2 về Đối tượng nộp thuế cần làm rõ khái niệm “hộ”. “Hộ” được hiểu là Hộ gia đình theo quy định tại Điều 101 Bộ luật Dân sự 2015 (Quy định về chủ thể tham gia giao dịch dân sự của “Hộ gia đình”) và “Hộ kinh doanh” theo quy định tại Khoản 1 Điều 82 Nghị định 168/2025/NĐ-CP. Bên cạnh đó, Điều 2 Luật Quản lý thuế số 38 hiện hành quy định người nộp thuế bao gồm: Tổ chức, hộ gia đình, hộ kinh doanh và cá nhân nộp/khấu trừ thuế theo quy định của pháp luật về thuế và nộp các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước. Ngoài ra, Pháp luật cho phép cá nhân hành nghề độc lập trong lĩnh vực thiết kế, giám sát xây dựng... được quy định tại điều 158 Luật xây dựng 2014 được sửa đổi bởi Khoản 57 Điều 1 Luật Xây dựng sửa đổi 2020 hoặc cá nhân hành nghề độc lập về dịch vụ lưu trữ theo quy định tại khoản 2 Điều 36 Luật Lưu trữ 2011. Đồng thời Khoản 2 Điều 2 thông tư 40/2021/TT-BTC quy định người nộp thuế bao gồm cá nhân hành nghề độc lập nộp thuế tương tự hộ kinh doanh. Vì vậy, cần thiết làm rõ khái niệm “hộ” và bổ sung thêm đối tượng nộp thuế là “cá nhân hành nghề độc lập theo quy định của pháp luật” tại Điều 2 Dự thảo Luật quản lý thuế để đảm bảo bao quát, rõ ràng và phù hợp với Pháp luật có liên quan và Pháp luật quản lý thuế như sau: <i>“Điều 2. Đối tượng áp dụng</i> <i>1. Người nộp thuế bao gồm: a) Tổ chức, hộ gia đình,</i>	Tiếp thu hoàn thiện khoản 1 Điều 2 dự thảo Luật như sau: <i>a) Tổ chức, hộ gia đình, hộ kinh doanh, cá nhân, cá nhân kinh doanh là người nộp thuế theo quy định của pháp luật về thuế;</i> Tại các luật thuế đã quy định cụ thể về người nộp thuế nên tại dự thảo Luật chỉ cần quy định khung và dẫn chiếu đến pháp luật về thuế. - Về đối tượng “Cá nhân hành nghề độc lập”: Quy định tại Điều 2 Thông tư 40/2021/TT-BTC hiện hành không xác định “cá nhân hành nghề độc lập” là một đối tượng riêng mà vẫn thuộc nhóm đối tượng là “hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh” như sau: <i>“1. Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh là cá nhân cư trú có hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc tất cả các lĩnh vực, ngành nghề sản xuất, kinh doanh theo quy định của pháp luật, bao gồm cả một số trường hợp sau:</i> <i>a) Hành nghề độc lập trong những lĩnh vực, ngành nghề được cấp giấy phép hoặc chứng chỉ hành nghề theo quy định của pháp luật;... ”</i> Như vậy, cụm từ “hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh” hiểu là đã bao gồm “Cá nhân hành nghề độc lập”. Với định hướng xây dựng Luật khung nên quy định cần mang tính bao quát, đến văn bản dưới Luật sẽ hướng dẫn cụ thể hơn (tương tự như Thông tư 40/2021/TT-BTC hiện hành).

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<i>hộ kinh doanh, cá nhân hành nghề độc lập theo quy định của pháp luật, hộ, cá nhân hoạt động sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu là người nộp thuế theo quy định của pháp luật về thuế;”</i>	
Điều 2	Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam	Đề xuất sửa đổi: “Điều 2. Đối tượng áp dụng 1. Người nộp thuế bao gồm: a) Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh hoạt động sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu là người nộp thuế theo quy định của pháp luật về thuế;” Lý do: Để thống nhất với đối tượng “hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh” được quy định ở các nội dung sau (Ví dụ như Điều 10, Điều 11, Điều 13, .v.v..), đảm bảo tính thống nhất trong văn bản pháp luật và giảm thiểu khả năng gây hiểu nhầm.	Tiếp thu, hoàn thiện điểm a, khoản 1 Điều 2
Điều 2	Đoàn DB QH tỉnh Vĩnh Long	Đối tượng áp dụng (Điều 2) Nhìn chung, các đối tượng được quy định trong Luật Quản lý thuế sửa đổi đã cơ bản đầy đủ và phù hợp với thực tiễn hiện tại. Tuy nhiên, để pháp luật theo kịp với sự thay đổi nhanh chóng của công nghệ và các mô hình kinh doanh mới, đề nghị Ban soạn thảo cần tiếp tục nghiên cứu và bổ sung các quy định chi tiết về trách nhiệm của các nhà cung cấp nền tảng số và các đối tượng hoạt động trong nền kinh tế chia sẻ để giúp nâng cao hiệu quả và tính công bằng trong quản lý thuế	Tại điểm g) khoản 3 Điều 38 về Nhiệm vụ, trách nhiệm và quyền hạn của tổ chức, cá nhân khác trong quản lý thuế đã quy định: g) Tổ chức quản lý nền tảng thương mại điện tử, tổ chức cung cấp dịch vụ logistic, các tổ chức thế quốc tế, tổ chức nước ngoài cung cấp dịch vụ thanh toán, dịch vụ trung gian thanh toán, dịch vụ xử lý giao dịch điện tử cho các tổ chức, cá nhân tại Việt Nam có trách nhiệm cung cấp thông tin định kỳ hoặc theo yêu cầu cho cơ quan quản lý thuế;
Điều 2	UBND TP Hải Phòng	1.1. Điểm a khoản 1 Điều 2 quy định Người nộp thuế “Điều 2. Đối tượng áp dụng 1. Người nộp thuế bao gồm:	Ban soạn thảo hoàn thiện điểm a khoản 1 Điều 2 theo hướng: a) Tổ chức, hộ gia đình, hộ kinh doanh, cá nhân, cá

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	(Thuế TP Hải Phòng)	<i>a) Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, hộ; cá nhân hoạt động sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu là người nộp thuế theo quy định của pháp luật về thuế;</i> Thuế thành phố Hải Phòng đề xuất: Đề nghị Ban soạn thảo sửa đổi như sau: Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, hộ là người nộp thuế theo quy định của pháp luật về thuế Lí do: Để khái niệm đối tượng áp dụng phạm vi áp dụng Luật Quản lý thuế đối với người nộp thuế được bao quát.	<i>nhân kinh doanh là người nộp thuế theo quy định của pháp luật về thuế;</i>
Điểm a khoản 2 Điều 2	UBND TP Hải Phòng (Thuế TP Hải Phòng)	1.2. Điểm a khoản 2 Điều 2 quy định Cơ quan thuế quản lý <i>“Điều 2. Đối tượng áp dụng</i> 2. Cơ quan thuế quản lý bao gồm: <i>a) Cơ quan Thuế bao gồm Cục Thuế và cơ quan thuế thuộc Cục Thuế; Thuế tỉnh, thành phố; Thuế cơ sở;”</i> Thuế thành phố Hải Phòng đề xuất: Đề nghị Ban soạn thảo sửa đổi như sau: <i>Cơ quan Thuế bao gồm Cục Thuế và cơ quan thuế thuộc Cục Thuế; Thuế tỉnh, thành phố và Thuế cơ sở thuộc Cục Thuế;</i> Lí do: Hệ thống quản lý của ngành Thuế là ngành dọc.	Tiếp thu, hoàn thiện điểm a khoản 2 Điều 2
Điều 2	Đoàn ĐBQH tỉnh Điện Biên	Tại điểm a khoản 1: Đề nghị bỏ từ “nhập khẩu” để đảm bảo thống nhất với khái niệm về thuế tại khoản 1 Điều 4 dự thảo Luật, mặt khác hoạt động sản xuất, kinh doanh đã bao gồm nhập khẩu, xuất khẩu. Viết lại điểm này như sau: <i>“a) Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, hộ, cá nhân hoạt động sản xuất, kinh doanh là người nộp thuế theo quy định của pháp luật về thuế;”</i>	Tiếp thu, hoàn thiện điểm a, khoản 1 Điều 2
Điều 3	Đoàn ĐBQH	2. Về phân nhóm người nộp thuế trong quản lý thuế	

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	tỉnh Ninh Bình	(Điều 3) Đây là một nội dung mới so với Luật Quản lý thuế hiện hành, việc bổ sung quy định này là hoàn toàn phù hợp với thực tiễn và kinh nghiệm quốc tế. Tuy nhiên, việc phân nhóm người nộp thuế sẽ gây ảnh hưởng đến mức độ tín nhiệm của doanh nghiệp, và việc phân nhóm không chính xác sẽ ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Vì vậy, các tiêu chí phân loại phải được công bố công khai, minh bạch để người nộp thuế có thể tự đánh giá và tuân thủ tốt hơn. Đồng thời, cần nghiên cứu quy định về việc khiếu nại, tố cáo đối với việc phân nhóm người nộp thuế, vì việc phân nhóm người nộp thuế có thể coi như một “quyết định hành chính” và việc khiếu nại, tố cáo đối với việc phân nhóm là hoàn toàn phù hợp với quy định về khiếu nại, tố cáo và cũng là chế định để doanh nghiệp có thể giám sát, phản biện lại việc thực hiện phân loại của cơ quan thuế.	Tại Điều 3 dự thảo Luật đã tiếp thu hoàn thiện lại để làm rõ mục đích của việc phân nhóm người nộp thuế, tiêu chí để làm căn cứ phân nhóm người nộp thuế. Đồng thời cũng giao Bộ Tài chính quy định chi tiết Điều này. Theo đó, mục đích của việc <i>phân nhóm người nộp thuế</i> là việc cơ quan thuế phân chia người nộp thuế thành những nhóm có đặc điểm chung để áp dụng các biện pháp quản lý, quy trình nghiệp vụ phù hợp với từng phân nhóm người nộp thuế và sau khi Luật được ban hành, Bộ Tài chính sẽ phải ban hành thông tư hướng dẫn chi tiết trong đó có các tiêu chí phân loại cụ thể để người nộp thuế cũng như cơ quan quản lý thuế thống nhất thực hiện.
Về chậm nộp thuế	Đoàn ĐBQH tỉnh Ninh Bình	3. Về chậm nộp thuế Nhằm nâng cao hiệu quả của hoạt động thu thuế và giảm thiểu rủi ro, cần nghiên cứu quy định về đối tượng được phép chậm nộp thuế. Quy định hiện hành chỉ yêu cầu về nộp tiền chậm nộp thuế, không quy định về đối tượng được phép chậm nộp, thời gian được chậm nộp. Việc không quy định rõ về đối tượng được phép chậm nộp, thời gian được phép chậm nộp làm phát sinh rủi ro về thuế đối với nhóm đối tượng có nguy cơ phá sản, tạo kẽ hở để trốn thuế thông qua các hoạt động chuyển giao giữa công ty mẹ và các công ty con.	Tại khoản 2 Điều 6 dự thảo Luật quy định nguyên tắc “Người nộp thuế có nghĩa vụ nộp thuế theo quy định của pháp luật” và tại khoản 8 Điều 12 dự thảo Luật giao thẩm quyền cho Chính phủ quy định chi tiết các trường hợp không phải nộp hồ sơ khai thuế; kê tính thuế; thời hạn nộp hồ sơ khai thuế; Tại khoản 6 Điều 14 dự thảo Luật đã quy định cụ thể các trường hợp được gia hạn nộp thuế. Như vậy, nội dung tại dự thảo luật đã bảo đảm quan điểm xây dựng luật khung và phân quyền cho Chính phủ quy định các nội dung cụ thể về tổ chức thực hiện
Điều 3	UBND tỉnh	Bổ sung và kết cấu lại cho đồng nhất về phân nhóm NNT trong quản lý thuế tại Điều 3 dự thảo:	Tiếp thu hoàn thiện khoản 1 Điều 3 và khoản 1 Điều 5 để không trùng lặp.

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	Quảng Ninh	- Đề xuất bổ sung: Cơ quan quản lý thuế quản lý thuế sử dụng hệ thống thông tin quản lý thuế để áp dụng các biện pháp, quy trình nghiệp vụ phù hợp để quản lý thuế theo rủi ro. Lý do: Ứng dụng công nghệ số, thực hiện áp dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong việc áp dụng các biện pháp, quy trình nghiệp vụ quản lý thuế, quản lý rủi ro để giảm trừ trách nhiệm của công chức thuế. - Kết cấu lại cho đồng nhất về phân nhóm NNT tại điều 3 và điều 5 dự thảo: + Tại khoản 1 Điều 3 đã có phân nhóm NNT trong quản lý thuế đã có nội dung: “1. Cơ quan thuế thực hiện phân nhóm người nộp thuế theo các tiêu chí quản lý rủi ro, quản lý tuân thủ và chức năng quản lý thuế;” + Tại khoản 1 Điều 5 nội dung quản lý thuế cũng đề cập tới nội dung “1. Cơ quan thuế thực hiện quản lý người nộp thuế theo phân nhóm, căn cứ quy mô, ngành nghề, mức độ rủi ro và mức độ tuân thủ pháp luật về thuế để áp dụng biện pháp, quy trình nghiệp vụ quản lý phù hợp và phân bổ nguồn lực” Đề nghị kết cấu vào khoản 1 Điều 3, không nêu lại nội dung tại khoản 1 Điều 5 để tránh trùng lặp về nội dung.	

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
Điều 3	Đoàn ĐBQH tỉnh Tuyên Quang, Đoàn ĐBQH tỉnh Bắc Ninh	Về phân nhóm người nộp thuế trong quản lý thuế (Điều 3) Đề nghị quy định rõ tiêu chí phân nhóm người nộp thuế theo doanh thu, ngành nghề, phương thức kinh doanh (truyền thông/online). Việc này giúp áp dụng quản lý rủi ro phù hợp, giảm phiền hà cho doanh nghiệp nhỏ, siêu nhỏ, đồng thời tập trung giám sát nhóm rủi ro cao.	Tiếp thu, bổ sung quy định về tiêu chí phân nhóm tại khoản 2 Điều 3 như sau: <i>Ngành nghề, lĩnh vực, đặc thù, phương thức hoạt động.</i>
Điều 4	Đoàn ĐBQH tỉnh Vĩnh Long	Giải thích từ ngữ (Điều 4) Quy định tại khoản 10 Điều 4 của dự thảo Luật còn mang tính chung chung chưa rõ ràng, vì việc xác định cụ thể mức độ rủi ro về thuế trong thực tiễn là rất khó thực hiện. Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo cần nghiên cứu quy định cụ thể mức độ rủi ro ngay trong dự thảo luật này để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ tránh gây hiểu nhầm trong áp dụng thực hiện.	Khái niệm “rủi ro về thuế” được quy định trong phần giải thích từ ngữ của dự thảo luật với mục đích xác định phạm vi, bản chất của rủi ro trong quản lý thuế, chứ không nhằm lượng hóa mức độ ngay trong luật. Việc xác định mức độ rủi ro cụ thể (thấp, trung bình, cao) phụ thuộc vào hệ thống tiêu chí, phương pháp đánh giá và thay đổi theo từng giai đoạn, loại hình người nộp thuế, lĩnh vực sản xuất kinh doanh. Đây là vấn đề nghiệp vụ, cần quy định chi tiết trong nghị định, thông tư hoặc hướng dẫn của cơ quan thuế, thay vì quy định cứng trong luật. Thực tiễn quốc tế cũng cho thấy các nước chỉ đưa ra nguyên tắc chung về quản lý rủi ro trong luật, còn tiêu chí, mức độ và mô hình phân loại rủi ro được cơ quan thuế xây dựng, cập nhật định kỳ để bảo đảm tính linh hoạt và phù hợp với thực tiễn quản lý. Do đó, quy định trong dự thảo luật hiện nay là cần thiết, đủ rõ để tạo căn cứ pháp lý, đồng thời để mở cho cơ quan quản lý ban hành văn bản dưới luật quy định cụ thể.
Khoản 18 Điều 4	Đoàn ĐBQH Khánh Hòa	Giải thích từ ngữ (Điều 4) Tại khoản 18: <i>Hoàn thành nghĩa vụ thuế là việc thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ có liên quan đến hồ sơ thuế, không còn nghĩa vụ thuế phải nộp theo quy định.</i>	Tiếp thu sửa đổi, bổ sung dự thảo Luật theo hướng bổ sung giải thích từ ngữ: “20. Hoàn thành nghĩa vụ thuế là việc thực hiện đầy

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		Kiến nghị điều chỉnh thành: <i>Hoàn thành nghĩa vụ thuế là việc thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ có liên quan đến hồ sơ thuế, không còn tiền thuế phải nộp theo quy định.</i> Lý do: phù hợp quy định tại khoản 15 Điều 4 dự thảo Luật Quản lý thuế.	<i>đủ các nghĩa vụ có liên quan đến hồ sơ thuế, bao gồm cả hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế.</i> 21. <i>Hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế là việc nộp đủ số tiền thuế phải nộp, số tiền chậm nộp, tiền phạt vi phạm pháp luật về thuế và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước.</i>
Điều 4	Đoàn ĐBQH tỉnh Nghệ An	Về giải thích từ ngữ (Điều 4) Tại khoản 31, đề nghị thay cụm từ “bị thiệt hại vật chất” thành “bị ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất, kinh doanh”, bởi nhiều trường hợp người nộp thuế không bị thiệt hại về vật chất do thiên tai, dịch bệnh,... nhưng không gửi được tờ khai hoặc không thực hiện được các nghĩa vụ thuế khác trong thời gian thiên tai, dịch bệnh, ...Cụ thể viết lại như sau: <i>“31. Trường hợp bất khả kháng là người nộp thuế bị ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất, kinh doanh do gặp thiên tai, thảm họa, dịch bệnh, hỏa hoạn, tai nạn bất ngờ và các trường hợp bất khả kháng khác theo quy định của Chính phủ.”</i>	Tiếp thu hoàn thiện tại khoản 33 dự thảo Luật
Điều 4	Tập đoàn Công nghiệp-Viễn thông quân đội	Dự thảo rút gọn nhiều nội dung quan trọng so với Luật 38/2019/QH14 có thể gây khó hiểu và có thể có quan điểm khác nhau trong phân loại các khoản thu Ngân sách Nhà nước ở các văn bản dưới Luật. Đề xuất giữ nguyên nội dung giải thích từ ngữ về “Các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước do cơ quan quản lý thuế quản lý thu” và “Các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước không do cơ quan quản lý	- Tiếp thu bổ sung tại khoản 2, khoản 3 Điều 4 dự thảo Luật như sau: “ 2. <i>Khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước do cơ quan quản lý thuế quản lý thu là các khoản thu được quy định tại khoản 1 Điều 36 luật này;</i> 3. <i>Khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước không do cơ quan quản lý thuế quản lý thu là các khoản thu</i>

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		thuế quản lý thu" như tại Luật Quản lý thuế hiện hành và làm rõ thêm khoản Lợi nhuận còn lại, cổ tức và lợi nhuận được chia của các DN có vốn Nhà nước là một khoản thu ngân sách nhà nước do đây là một khoản thu có giá trị rất lớn. Nội dung đề nghị bổ sung thêm ngay sau khoản 1 điều 4 như sau: <i>"1a. Các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước do cơ quan quản lý thuế quản lý thu bao gồm:</i> <i>a) Phí và lệ phí theo quy định của Luật Phí và lệ phí;</i> <i>b) Tiền sử dụng đất nộp ngân sách nhà nước;</i> <i>c) Tiền thuê đất, thuê mặt nước;</i> <i>d) Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản;</i> <i>đ) Tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước;</i> <i>e) Tiền nộp ngân sách nhà nước từ bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;</i> <i>g) Tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế và hải quan;</i> <i>h) Lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ theo quy định của Doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn Điều lệ; cổ tức và lợi nhuận được chia cho phần vốn nhà nước tại Doanh nghiệp theo quy định;</i> <i>i) Tiền chậm nộp và các khoản thu khác theo quy định của pháp luật.</i> Căn cứ, lý do đề xuất: Lợi nhuận còn lại, cổ tức và lợi nhuận được chia của các DN có vốn Nhà nước nộp về Ngân sách Nhà nước qua cơ quan thuế là một khoản thu có giá trị rất lớn và nhiều năm nay khoản thu này đã giao cố định cho CQT quản lý thu. Do vậy Lợi nhuận còn lại cần	<i>được quy định tại khoản 6 Điều 37"</i> Đồng thời, bổ sung "Lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ theo quy định của Doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn Điều lệ; cổ tức và lợi nhuận được chia cho phần vốn nhà nước tại Doanh nghiệp theo quy định;" vào nội dung quy định "các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước do cơ quan quản lý thuế quản lý thu" tại điểm b khoản 1 Điều 36 do đây cũng là một khoản thu NSNN và đang được hướng dẫn khai nộp tại NĐ126.

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		thiết được nêu rõ trong Luật.	
Điều 4.	UBND TP Hải Phòng (Thuế TP Hải Phòng)	2. Điều 4. Giải thích từ ngữ <i>“Điều 4. Giải thích từ ngữ</i> 29. <i>Mã định danh khoản phải nộp (IID) là một dãy các ký tự được tạo trên hệ thống ứng dụng quản lý thuế của ngành thuế, có tính duy nhất cho từng khoản phải nộp của người nộp thuế.”</i> Thuế thành phố Hải Phòng đề xuất: Đề nghị Ban soạn thảo sửa đổi như sau: Mã định danh khoản phải nộp (IID) là một dãy các ký tự được tạo trên hệ thống ứng dụng của cơ quan quản lý thuế, có tính duy nhất cho từng khoản phải nộp của người nộp thuế. Lí do: Mã định danh khoản nộp áp dụng cho các cơ quan quản lý thuế bao gồm cả cơ quan hải quan.	Tiếp thu hoàn thiện dự thảo Luật: <i>“Mã định danh khoản phải nộp là một dãy các ký tự được tạo trên hệ thống thông tin quản lý thuế, có tính duy nhất cho từng khoản phải nộp của người nộp thuế.”</i> Đồng thời bổ sung giải thích từ ngữ về hệ thống thông tin quản lý thuế là <i>“hệ thống tập trung, tích hợp trên nền tảng dữ liệu số, có chức năng thu thập, xử lý, lưu trữ, cập nhật và quản lý thông tin, dữ liệu về thuế; cung cấp các dịch vụ số cho người nộp thuế; hỗ trợ quản lý thuế bằng phương thức điện tử, bao gồm việc ban hành văn bản hành chính thuế tự động”</i>.
Điều 4	UBND tỉnh Hà Tĩnh (Sở Tài chính)	Tại Điều 4: Giải thích từ ngữ của Dự thảo đề nghị bổ sung thêm nội dung <i>“32. Các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước”</i> để phù hợp với nội dung của điểm b khoản 1 Điều 36 và nội dung của Luật.	Tiếp thu tại khoản 2 Điều 4
Khoản 1 Điều 5	UBND tỉnh Hà Tĩnh (Sở Tài chính)	Tại khoản 1 Điều 5 của Dự thảo, đề nghị cơ quan soạn thảo sửa đổi: <i>“Điều 5. Nội dung quản lý thuế</i> 1. <i>Cơ quan thuế thực hiện quản lý người nộp thuế theo phân nhóm để áp dụng biện pháp, quy trình nghiệp vụ quản lý phù hợp và phân bổ nguồn lực hiệu quả.”</i> Lý do đề nghị: Vì các tiêu chí phân nhóm người nộp thuế trong quản lý thuế đã được quy định đầy đủ tại Điều 3, nên không cần thiết lập lại nội dung <i>“căn cứ quy mô, ngành</i>	Tiếp thu theo hướng sửa lại khoản 1 Điều 5 và tại Điều 3 để đảm bảo thống nhất.

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<i>ngành, mức độ rủi ro và mức độ tuân thủ pháp luật về thuế”.</i>	
Điều 5	Đoàn ĐBQH tỉnh Điện Biên	Tại khoản 1 Điều 5 quy định: “1. Cơ quan thuế thực hiện quản lý người nộp thuế theo phân nhóm, căn cứ quy mô, ngành nghề, mức độ rủi ro và mức độ tuân thủ pháp luật về thuế để áp dụng biện pháp, quy trình nghiệp vụ quản lý phù hợp và phân bổ nguồn lực hiệu quả.” Theo quy định này, việc cơ quan thuế chỉ căn cứ quy mô, ngành nghề, mức độ rủi ro và mức độ tuân thủ pháp luật về thuế để quản lý người nộp thuế là chưa bao hàm hết các tiêu chí về phân nhóm người nộp thuế trong quản lý thuế quy định tại Điều 3 dự thảo Luật dẫn đến việc không thống nhất giữa các quy định. Ví dụ: Ngoài tiêu chí quy mô, ngành nghề còn có tiêu chí lĩnh vực hoạt động, loại hình pháp lý, sở hữu, đặc thù hoạt động, các tiêu chí khác... Ngoài tiêu chí mức độ rủi ro và mức độ tuân thủ pháp luật về thuế còn cần căn cứ vào chức năng quản lý thuế. Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu quy định lại nội dung khoản 1 Điều 5 như sau để đảm bảo đầy đủ, thống nhất với quy định tại Điều 3 dự thảo Luật: <i>“1. Cơ quan thuế thực hiện quản lý người nộp thuế theo phân nhóm người nộp thuế để áp dụng biện pháp, quy trình nghiệp vụ quản lý phù hợp và phân bổ nguồn lực hiệu quả.”.</i>	Tiếp thu, hoàn thiện khoản 1 Điều 5 và Điều 3 để đảm bảo đầy đủ, thống nhất
Điều 6	Đoàn ĐBQH Khánh Hòa	Nguyên tắc về quản lý thuế (Điều 6) - Tại khoản 2: Quy định về nghĩa vụ của người nộp thuế và có phần trùng lặp nội dung về nghĩa vụ của người nộp thuế được	Tiếp thu, để hoàn thiện quy định tại khoản 2 Điều 6 để quy định về nguyên tắc khai thuế, tính thuế mà người nộp thuế thực hiện; không quy định nội dung liên quan đến trách nhiệm của người nộp thuế để tránh trùng lặp.

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		quy định tại khoản 2 Điều 35. - Tại Khoản 4: Quy định về 05 nguyên tắc cụ thể trong quản lý thuế, tuy nhiên chỉ gọi tên các nguyên tắc, trong khi nội dung của các nguyên tắc này lại được nêu ở khoản 11, khoản 12, khoản 26 và khoản 27 Điều 4 (Giải thích từ ngữ): Vì vậy kiến nghị chuyển phần giải thích từ ngữ ở khoản 11, khoản 12, khoản 26 và khoản 27 Điều 4 về phần nguyên tắc tại khoản 4 Điều 6 để làm rõ hơn nội dung tại Điều 6.	
Điều 7	Đoàn ĐBQH Khánh Hòa	Bảo mật, công khai thông tin người nộp thuế (Điều 7) - Tại khoản 1: Cơ quan quản lý thuế, công chức quản lý thuế, người đã là công chức quản lý thuế... ”. Kiến nghị điều chỉnh thành: Cơ quan quản lý thuế, công chức quản lý thuế, người từng là công chức quản lý thuế... ” Lý do: nhằm chính xác hơn về mặt ý nghĩa, “từng là công chức quản lý thuế ” có nghĩa là trước đây là công chức quản lý thuế nhưng hiện tại không còn là công chức quản lý thuế.	Tiếp thu kiến nghị, theo đó sửa khoản 1 Điều 7 như sau: “ <i>Cơ quan quản lý thuế, công chức quản lý thuế, người từng là công chức quản lý thuế... ” ..</i>
Điều 7	Đoàn ĐBQH tỉnh Nghệ An	Về bảo mật, công khai thông tin người nộp thuế (Điều 7) Tại khoản 3, đề nghị sửa phần tiêu đề nhằm xác định rõ cơ quan thực hiện, cụ thể viết lại như sau: “3. <i>Cơ quan quản lý thuế thực hiện công khai thông tin người nộp thuế trong các trường hợp sau:</i> ”	Ban soạn thảo đã tiếp thu, hoàn thiện khoản 3 Điều 7 như sau: “3. <i>Cơ quan quản lý thuế thực hiện công khai thông tin người nộp thuế trong các trường hợp sau:</i> ”
Điểm a Khoản 3 Điều 7	Công ty TNHH kế toán và tư vấn thuế Trọng Tín	Thứ hai: Cần bổ sung các điều kiện thuộc trường hợp công khai thông tin người nộp thuế tại Điểm a Khoản 3 Điều 7 Dự thảo Luật quản lý thuế Công ty tán thành và đồng ý với quy định công khai thông tin vi phạm pháp luật của người nộp thuế là phù hợp với các nguyên tắc xử lý vi phạm pháp luật đồng thời đem	Dự thảo Luật Quản lý thuế chỉ quy định khung, không quy định chi tiết. Đồng thời, tại khoản 5 Điều 7 dự thảo Luật đã quy định Chính phủ quy định chi tiết nội dung về công khai thông tin NNT. Do đó, nội dung đề xuất của Công ty sẽ được nghiên cứu khi xây dựng Nghị định, khi đó xác định trường hợp nào được xác định là chây ỳ, trốn

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		lại hiệu quả cao trong công tác tuyên truyền, giáo dục và cảnh báo vi phạm pháp luật. Tuy nhiên, cần bổ sung điều kiện người nộp thuế, chủ ý không nộp tiền thuế... sau khi cơ quan thuế đã thực hiện các biện pháp cưỡng chế nợ thuế để đảm bảo đúng pháp luật đồng thời tránh lạm dụng, tùy nghi. Theo đó, Điều a Khoản 3 Điều 7 Dự thảo Luật quản lý thuế cần bổ sung như sau: <i>“3. Các trường hợp công khai thông tin người nộp thuế</i> <i>a) Trốn thuế, chủ ý không nộp tiền thuế và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước không đúng thời hạn; nợ tiền thuế và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước sau khi cơ quan thuế đã thực hiện các biện pháp cưỡng chế nợ thuế theo quy định của pháp luật quản lý thuế;”</i>	thuế cần phải công khai.
Điều 8	Đoàn ĐBQH Khánh Hòa	4. Các hành vi bị nghiêm cấm trong quản lý thuế (Điều 8) Nội dung tại Điều 8 gồm 07 khoản, tuy nhiên nội dung giữa các khoản chưa được phân biệt rõ ràng: hành vi bị nghiêm cấm đối với công chức quản lý thuế và người nộp thuế được sắp xếp xen kẽ nhau. Bên cạnh đó những hành vi được nêu tại các khoản ở Điều này có sự trùng lặp. Ví dụ: tại khoản 1 Điều 8 quy định nghiêm cấm hành vi thông đồng, móc nối, bao che giữa người nộp thuế và công chức quản lý thuế, cơ quan quản lý thuế để gian lận hoàn thuế; khoản 4 Điều 8 quy định về những hành vi vi phạm về hóa đơn; khoản 6 Điều 8 quy định các hành vi bị nghiêm cấm trong khấu trừ, hoàn thuế giá trị gia tăng theo quy định của Luật Thuế giá trị gia tăng. Đồng thời những hành vi tại khoản 1 và khoản 4 Điều này cũng đã được quy định cụ thể tại Điều 13 Luật Thuế giá trị gia tăng số 48/2024/QH15 ngày	Tiếp thu hoàn thiện tại Điều 8 dự thảo Luật theo hướng ngắn gọn, tránh trùng lặp

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		26/11/2024. Vi vậy, kiến nghị sắp xếp lại nội dung tại các khoản của Điều 8 theo hướng tổng quát hơn, thay vì đi vào chi tiết như dự thảo Luật.	
Khoản 1, Điều 8	Bộ Công An	- Tại khoản 1, Điều 8 đề nghị bổ sung cụm từ " chức vụ, quyền hạn " sau cụm từ " Lợi dụng " để phù hợp với nội hàm của điều luật.	Tiếp thu hoàn thiện tại khoản 1 Điều 8 dự thảo Luật.
Khoản 2 Điều 9	UBND TP HCM; UBND tỉnh Quảng Ninh, UBND tỉnh Bắc Ninh	Hiện nay, cùng với chủ trương tinh gọn bộ máy, cơ quan thuế các cấp cũng đã được sắp xếp theo hướng tinh gọn, hoạt động ngày càng hiệu lực, hiệu quả. Tuy nhiên, yêu cầu quản lý thuế trong giai đoạn chuyển đổi số ngày càng cao, phức tạp và đa dạng hơn, đòi hỏi đội ngũ cán bộ thuế phải vừa có chuyên môn sâu, vừa am hiểu công nghệ, vừa có bản lĩnh và tinh thần trách nhiệm cao. Quá trình chuyển đổi số trong ngành thuế cũng là một nhiệm vụ trọng tâm, lâu dài, cần được bảo đảm bền vững về nguồn lực tài chính. Vì vậy, dự thảo Luật cần quy định rõ lực lượng quản lý thuế được áp dụng chế độ đãi ngộ phù hợp với tính chất đặc thù của công tác quản lý thuế cũng như được nhà nước bảo đảm nguồn lực tài chính để thực hiện hiện đại hóa và phục vụ các nhiệm vụ công tác chuyên môn để nâng cao tính hiệu lực hiệu quả. Trên tinh thần đó, Thuế Thành phố kiến nghị đề xuất sửa đổi quy định liên quan như sau: 1. Tại Khoản 2 Điều 9 về Xây dựng lực lượng quản lý thuế "2. Chế độ phục vụ, chức danh, tiêu chuẩn, lương, chế độ đãi ngộ, phù hiệu, cấp hiệu, trang phục, biển hiệu của công chức quản lý thuế khác thực hiện theo quy định của pháp luật."	Tiếp thu và trên cơ sở tham khảo quy định của Luật Thanh tra để hoàn thiện khoản 2, 4,5 Điều 9 dự thảo Luật theo hướng: <i>2. Công chức quản lý thuế được áp dụng chế độ chức danh, tiêu chuẩn, lương, chế độ đãi ngộ, phù hiệu, cấp hiệu, trang phục, biển hiệu của công chức quản lý thuế nhằm bảo đảm tính đặc thù của công tác quản lý thuế, khuyến khích, nâng cao trách nhiệm, tính chuyên nghiệp và hiệu quả thực thi công vụ.</i> <i>4. Nhà nước bảo đảm các nguồn lực tài chính cho hoạt động của lực lượng quản lý thuế, cơ quan quản lý thuế; trong đó ưu tiên bố trí ngân sách nhà nước hằng năm để xây dựng và vận hành hệ thống công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong quản lý thuế, hóa đơn điện tử, cơ sở vật chất, trang thiết bị và các nhiệm vụ chuyên môn phục vụ công tác để nâng cao hiệu quả quản lý thuế.</i> <i>5. Cơ quan quản lý thuế thực hiện thu ngân sách nhà nước vượt so với dự toán thu ngân sách nhà nước hằng năm được Quốc hội giao cho cơ quan quản lý thuế thì được bố trí dự toán chi ngân sách nhà nước để chi thường, bổ sung thu nhập cho công chức, người lao động và phải lập dự toán hằng năm báo cáo Quốc</i>

VẤN ĐỀ; ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		Đề xuất sửa đổi, bổ sung: <i>“2. Lực lượng quản lý thuế được áp dụng chế độ phục vụ, chức danh, tiêu chuẩn, lương, chế độ đãi ngộ, phù hiệu, cấp hiệu, trang phục, biển hiệu của công chức quản lý thuế khác thực hiện theo quy định của pháp luật nhằm bảo đảm tính đặc thù của công tác quản lý thuế, khuyến khích, nâng cao trách nhiệm, tính chuyên nghiệp và hiệu quả thực thi công vụ”.</i>	<i>hội theo quy định.</i>
Khoản 1 Điều 9	UBND TP Hà Nội (Thuế TP Hà Nội)	2. Tại Khoản 1 Điều 9 quy định về xây dựng lực lượng quản lý thuế <i>“1. Lực lượng quản lý thuế được được xây dựng trong sạch, vững mạnh; có đạo đức công vụ, tinh thần phục vụ người nộp thuế, tuân thủ kỷ luật, kỷ cương hành chính; được trang bị và làm chủ kỹ thuật hiện đại, hoạt động hiệu lực và hiệu quả.”</i> - Đề xuất sửa đổi: <i>“Lực lượng quản lý thuế được áp dụng chế độ chức danh, tiêu chuẩn, lương, <u>phụ cấp</u> và các chế độ liên quan đến tiền lương, chế độ đãi ngộ, phù hiệu, cấp hiệu, trang phục, biển hiệu của công chức quản lý thuế nhằm bảo đảm tính đặc thù của công tác quản lý thuế, khuyến khích, nâng cao trách nhiệm, tính chuyên nghiệp và hiệu quả thực thi công vụ”.</i> - Lý do đề xuất: Đảm bảo đầy đủ quyền của cán bộ, công chức về tiền lương, tiền thưởng và các chế độ liên quan đến tiền lương.	Về xây dựng lực lượng quản lý thuế (tại Điều 9 dự thảo Luật): Khoản 2 Điều 9 dự thảo luật đã được hoàn thiện theo hướng <i>“2. Công chức quản lý thuế được áp dụng chế độ chức danh, tiêu chuẩn, lương, chế độ đãi ngộ, phù hiệu, cấp hiệu, trang phục, biển hiệu của công chức quản lý thuế nhằm bảo đảm tính đặc thù của công tác quản lý thuế, khuyến khích, nâng cao trách nhiệm, tính chuyên nghiệp và hiệu quả thực thi công vụ.”</i>

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
khoản 2, khoản 4 Điều 9	UBND tỉnh Cà Mau (Thuế tỉnh Cà Mau)	Tại khoản 2 Điều 9 của dự thảo quy định: <i>“2. Chế độ phục vụ, chức danh, tiêu chuẩn, lương, chế độ đãi ngộ, phù hiệu, cấp hiệu, trang phục, biển hiệu của công chức quản lý thuế khác thực hiện theo quy định của pháp luật.”</i> Đề nghị ban soạn thảo cân nhắc lược bỏ từ “khác” sau cụm từ công chức quản lý thuế để đảm bảo tính rõ ràng, thống nhất và tránh gây lúng túng trong việc xác định phạm vi điều chỉnh.	Tiếp thu, hoàn thiện khoản 2, khoản 5 Điều 9 như sau: <i>2. Công chức quản lý thuế được áp dụng chế độ chức danh, tiêu chuẩn, lương, chế độ đãi ngộ, phù hiệu, cấp hiệu, trang phục, biển hiệu của công chức quản lý thuế nhằm bảo đảm tính đặc thù của công tác quản lý thuế, khuyến khích, nâng cao trách nhiệm, tính chuyên nghiệp và hiệu quả thực thi công vụ.</i> <i>6. Chính phủ quy định chi tiết khoản 2, khoản 4, khoản 5 Điều này.</i>
		Tại khoản 4 Điều 9 dự thảo Luật quy định <i>“4. Chính phủ quy định về phù hiệu, cấp hiệu, trang phục, biển hiệu của công chức quản lý thuế quy định tại khoản 3 điều này”.</i> Đề nghị Ban soạn thảo xem xét lại nội dung dẫn chiếu đến “khoản 3” vì khoản này chỉ quy định về công tác đào tạo, bồi dưỡng, xây dựng đội ngũ công chức quản lý thuế, không liên quan đến các nội dung về phù hiệu, cấp hiệu, trang phục và biển hiệu. Trong khi đó, các nội dung này đã được quy định tại khoản 2 và xác định rõ là “thực hiện theo quy định của pháp luật”. Do vậy, nếu khoản 4 tiếp tục giao Chính phủ quy định những nội dung trên thì có thể dẫn đến trùng lặp.	
Điều 9	Đoàn ĐBQH Khánh Hòa	5. Xây dựng lực lượng quản lý thuế (Điều 9) Tại khoản 2: Chế độ phục vụ chức danh, tiêu chuẩn, lương, chế độ đãi ngộ, chế độ phục vụ, phù hiệu, cấp hiệu, trang phục, biển hiệu của công chức quản lý thuế khác thực hiện theo quy	Tiếp thu và trên cơ sở tham khảo quy định của Luật Thanh tra để hoàn thiện khoản 2, 4,5 Điều 9 dự thảo Luật theo hướng: <i>2. Công chức quản lý thuế được áp dụng chế độ chức danh, tiêu chuẩn, lương, chế độ đãi ngộ, phù hiệu,</i>

VẤN ĐỀ; ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU; GIẢI TRÌNH
		định của pháp luật. Kiến nghị điều chỉnh thành: <i>Chế độ chức danh, tiêu chuẩn, lương, phụ cấp và các chế độ liên quan đến tiền lương, chế độ đãi ngộ, chế độ phục vụ, phù hiệu, cấp hiệu, trang phục, biển hiệu, thẻ công chức của công chức quản lý thuế nhằm đảm bảo tính đặc thù của công tác quản lý thuế, khuyến khích, nâng cao trách nhiệm, tính chuyên nghiệp và hiệu quả thực thi công vụ.</i> Lý do: Quản lý thuế là một trong những ngành đặc thù và cực kỳ quan trọng nên cần có chính sách đặc biệt nhằm đảm bảo thu hút được nguồn nhân lực có chất lượng cho công tác quản lý thuế.	<i>cấp hiệu, trang phục, biển hiệu của công chức quản lý thuế nhằm bảo đảm tính đặc thù của công tác quản lý thuế, khuyến khích, nâng cao trách nhiệm, tính chuyên nghiệp và hiệu quả thực thi công vụ.</i> 4. Nhà nước bảo đảm các nguồn lực tài chính cho hoạt động của lực lượng quản lý thuế, cơ quan quản lý thuế; trong đó ưu tiên bố trí ngân sách nhà nước hằng năm để xây dựng và vận hành hệ thống công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong quản lý thuế, hóa đơn điện tử, cơ sở vật chất, trang thiết bị và các nhiệm vụ chuyên môn phục vụ công tác để nâng cao hiệu quả quản lý thuế. 5. Cơ quan quản lý thuế thực hiện thu ngân sách nhà nước vượt so với dự toán thu ngân sách nhà nước hằng năm được Quốc hội giao cho cơ quan quản lý thuế thì được bố trí dự toán chi ngân sách nhà nước để chi thường, bổ sung thu nhập cho công chức, người lao động và phải lập dự toán hằng năm báo cáo Quốc hội theo quy định.
Điều 9	Đoàn DBQH tỉnh Điện Biên	Tại khoản 4: Đề nghị sửa lại như sau để đảm bảo dẫn chiếu quy định được chính xác: <i>"4. Chính phủ quy định về phù hiệu, cấp hiệu, trang phục, biển hiệu của công chức quản lý thuế quy định tại khoản 2 điều này."</i>	Tiếp thu, hoàn thiện theo hướng: 6. Chính phủ quy định chi tiết khoản 2, khoản 4, khoản 5 Điều này.
Điều 9	Bộ Công An	- Tại Điều 9 (xây dựng lực lượng quản lý thuế). Với việc sắp xếp tinh gọn bộ máy của cơ quan thuế các cấp thì cần xây dựng và củng cố lực lượng quản lý thuế cũng như phát triển hệ thống CNTT hiện đại nhằm đạt được mục tiêu ứng dụng CNTT và chuyển đổi số toàn diện trong quản lý thuế.	Tiếp thu hoàn thiện tại khoản 5 Điều 9 dự thảo Luật: 5. Cơ quan quản lý thuế thực hiện thu ngân sách nhà nước vượt so với dự toán thu ngân sách nhà nước hằng năm được Quốc hội giao cho cơ quan quản lý thuế thì được bố trí dự toán chi ngân sách nhà nước để

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		Tuy nhiên, nội dung dự thảo Luật này chưa quy định rõ chế độ đại ngộ và nguồn lực tài chính để nâng cao tính hiệu lực hiệu quả của công chức quản lý thuế và cơ quan quản lý thuế. Qua nghiên cứu Luật Thanh tra năm 2025 tại khoản 3 Điều 59 quy định “Cơ quan thanh tra được trích một phần từ các khoản tiền thu hồi, phát hiện qua thanh tra sau khi nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định của Ủy ban Thường vụ Quốc hội để chi cho hoạt động và nâng cao năng lực của cơ quan thanh tra”. Do vậy, cơ quan soạn thảo cần nghiên cứu, tham khảo quy định trên để bổ sung quy định cơ quan thuế được thường vượt thu (trên cơ sở số giao thu ngân sách nhà nước vượt so với dự toán thu hằng năm được Quốc hội giao cho cơ quan thuế thực hiện) để phục vụ chi cho hoạt động và nâng cao năng lực cho cơ quan quản lý thuế và giao cho Chính phủ quy định cụ thể tỷ lệ được trích vượt thu phải được lập dự toán hằng năm và phải được Quốc hội thông qua.	chi thường, bổ sung thu nhập cho công chức, người lao động và phải lập dự toán hằng năm báo cáo Quốc hội theo quy định.
Điều 10	Đoàn ĐBQH Khánh Hòa	Đăng ký thuế (Điều 10) Kiến nghị bổ sung nội dung sau vào khoản 5 Điều 10: <i>Chính phủ quy định chi tiết khoản 4 Điều này.</i>	Khoản 4 Điều 10 dự thảo đã quy định: “4. Thời hạn đăng ký thuế; ... <u>thực hiện theo quy định của Chính phủ.</u>” Do đó, không cần thiết nhắc lại ở khoản 5 Điều 10 nữa.
Điều 10	UBND TP Hà Nội (Thuế TP Hà Nội)	Về đăng ký thuế lần đầu đối với các tổ chức không hoạt động theo Luật doanh nghiệp Đề nghị bổ sung quy định đối với các trường hợp do các cơ quan quản lý nhà nước cấp giấy phép thành lập: Để đảm bảo tất cả các đối tượng phát sinh nghĩa vụ thuế được theo dõi đầy đủ và đồng bộ về thông tin đăng ký thuế, đề nghị bổ sung quy định và hướng dẫn thực hiện về việc các cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy phép thành lập	Tiếp thu theo hướng bổ sung đối tượng “tổ chức” tại khoản 2 Điều 10 để bao quát các trường hợp khác: “2. Doanh nghiệp, tổ chức, hợp tác xã, tổ hợp tác, đơn vị phụ thuộc, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh thực hiện đăng ký thuế quy định tại khoản 1 Điều này cùng với việc đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hợp tác xã, đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hoạt động, kinh doanh theo cơ chế một cửa liên thông.”

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		tổ chức thực hiện kết nối truyền nhận dữ liệu điện tử để thực hiện cơ chế đăng ký thuế với cơ quan thuế trên các hệ thống liên thông giữa các cơ quan.	
Điều 11	Đoàn ĐBQH tỉnh Điện Biên	Tại khoản 1: Đề nghị bổ sung cụm từ “của cá nhân, chủ hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh” vào sau cụm từ “số định danh cá nhân” để quy định được rõ ràng. Viết lại khoản này như sau: “1. Mã số thuế của cá nhân, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh là số định danh cá nhân của cá nhân, chủ hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh được cấp theo quy định của pháp luật về căn cước.”	Tiếp thu như sau: “1. Mã số thuế của cá nhân, hộ gia đình, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh là số định danh cá nhân của cá nhân, chủ hộ gia đình, chủ hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh được cấp theo quy định của pháp luật về căn cước.”
Khoản 5 Điều 12	UBND TP Hà Nội (giao Thuế TP Hà Nội)	Tại Khoản 5 Điều 12 dự thảo quy định về Khai thuế, tính thuế, khấu trừ thuế Tại Khoản 5 Điều 12 dự thảo quy định: “5. Người nộp thuế phát hiện hồ sơ khai thuế đã nộp cho cơ quan thuế có sai, sót thì được khai bổ sung hồ sơ khai thuế, hồ sơ gia hạn nộp hồ sơ khai thuế trong thời hạn 05 năm kể từ ngày hết thời hạn nộp hồ sơ khai thuế của kỳ tính thuế có sai, sót nhưng trước khi cơ quan thuế, cơ quan có thẩm quyền công bố quyết định thanh tra, kiểm tra tại trụ sở của người nộp thuế. Chính phủ quy định các trường hợp được khai bổ sung sau khi cơ quan thuế, cơ quan có thẩm quyền đã công bố quyết định thanh tra, kiểm tra tại trụ sở của người nộp thuế.” - Đề xuất bổ sung nội dung: Trường hợp Luật khác có quy định về kê khai bổ sung hồ sơ khai thuế khác với quy định của Luật này thì thực hiện theo quy định của Luật này.	Tại khoản 3 Điều 6 dự thảo Luật đã được hoàn thiện “3. Cơ quan quản lý thuế, cơ quan nhà nước, tổ chức khác của nhà nước được giao nhiệm vụ quản lý thu ngân sách nhà nước thực hiện việc quản lý thu thuế và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan. Trường hợp cùng một nội dung về quản lý thuế được quy định tại cả Luật này và Luật, Nghị quyết khác của Quốc hội thì thực hiện theo quy định của Luật này.

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		- Lý do đề xuất: Đề thống nhất các quy định về kê khai bổ sung hồ sơ khai thuế về một văn bản quy phạm pháp luật. Hiện nay, Luật GTGT số 48/2025/QH15, Nghị định 70/2025/NĐ-CP đều đang quy định về nội dung này.	
khoản 2 Điều 12	UBND tỉnh Bắc Ninh	Đề nghị sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 12 Dự thảo, như sau: <i>“Điều 12. Khai thuế, tính thuế, khấu trừ thuế</i> <i>2. Nhà cung cấp nước ngoài Tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài có hoạt động kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử, nền tảng số và các dịch vụ khác thì trực tiếp hoặc ủy quyền thực hiện việc khai, nộp thuế tại Việt Nam, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này”.</i>	Tiếp thu hoàn thiện tại khoản 2 Điều 12
Thời hạn khai bổ sung hồ sơ thuế ngắn hơn quy định cũ (Khoản 5 Điều 12)	Eurofins Việt Nam	Dự thảo Luật đề xuất giảm thời hạn khai bổ sung hồ sơ khai thuế từ 10 năm xuống còn 5 năm kể từ ngày hết thời hạn nộp hồ sơ khai thuế của kỳ tính thuế có sai sót. Ý kiến của DN: - Mất cơ hội điều chỉnh: Doanh nghiệp có thể mất quyền điều chỉnh các sai sót đã xảy ra từ 5 đến 10 năm trước đó, gây ra các khoản truy thu thuế không thể điều chỉnh và xử phạt hành chính. - Rủi ro truy thu và xử phạt: Nếu cơ quan thuế phát hiện sai sót trong giai đoạn 5-10 năm sau khi hết thời hiệu khai bổ sung, doanh nghiệp vẫn có thể bị truy thu thuế và tiền chậm nộp trong vòng 10 năm trở lại.	- Sửa đổi quy định về kê khai bổ sung hồ sơ khai thuế theo hướng giảm thời gian kê khai bổ sung từ 10 năm xuống 05 năm để thống nhất với thời hiệu xử lý vi phạm hành chính về thuế (05 năm kể từ ngày xảy ra hành vi vi phạm); phù hợp với thông lệ quốc tế (Singapore, Nhật Bản, Đức, Hàn Quốc cho phép kê khai bổ sung từ 3 đến 5 năm); nâng cao trách nhiệm kê khai trung thực, đầy đủ, chính xác của người nộp thuế; giảm tải số lượng hồ sơ khai thuế cơ quan thuế phải lưu trữ, tạo điều kiện cho chuyển đổi số và xử lý hồ sơ thuế điện tử một cách nhanh chóng và hiệu quả.

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		Kiến nghị: Cần cân nhắc lại thời hiệu khai bổ sung cho phù hợp với thông lệ quốc tế và thực tiễn kinh doanh của doanh nghiệp, đồng thời đảm bảo công bằng giữa quyền điều chỉnh của người nộp thuế và quyền truy thu của cơ quan thuế.	
Khoản 5 Điều 12	Công ty TNHH kế toán và tư vấn thuế Trọng Tín	Thứ ba: Cần quy định cụ thể về kê khai điều chỉnh hồ sơ thuế tại Khoản 5 Điều 12 Dự thảo Luật quản lý thuế Công ty tán thành và đồng ý với quy định kê khai bổ sung trong thời hạn 05 năm kể từ đây người nộp thuế tự giác tuân thủ pháp luật cũng như giảm thủ tục hành chính, tiết giảm các nguồn lực tài nguyên quốc gia trong việc lưu trữ dữ liệu do kê khai điều chỉnh với thời gian dài 10 năm như Luật quản lý thuế số 38. Tuy nhiên, Pháp luật quản lý thuế đang quy định không truy thu trong 10 năm, không xử phạt trong thời gian từ 05 năm đến 10 năm. Như vậy, việc chỉ cho kê khai điều chỉnh trong 05 năm nhưng Luật chưa có quy định về xử lý các sai sót thực tế xảy ra trong thời gian 05 năm đến 10 năm sẽ dẫn đến khó khăn trong áp dụng Luật trong thực tế và có thể dẫn đến lạm dụng hoặc tùy nghi khi áp dụng. Bên cạnh đó, pháp luật kế toán hiện hành cũng không có quy định về thời hạn và hạn chế việc điều chỉnh sai, sót đối với báo cáo tài chính và báo cáo kế toán. Vì vậy, Luật quản lý thuế cần thiết quy định và hướng dẫn rõ trong trường hợp này không điều chỉnh hồ sơ khai thuế nhưng cần phải có quy định xử lý. Theo đó, chúng tôi cho rằng những sai, sót của người nộp thuế trong thời gian 05 năm đến 10 năm làm tăng nghĩa vụ thuế hoặc làm giảm số thuế được hoàn sẽ được điều chỉnh “Phi hồi tố” tức là được ghi nhận nghĩa thuế vào năm phát hiện đồng thời người nộp thuế phải nộp vào	Tại khoản 5 Điều 12 dự thảo Luật quy định: “5. Người nộp thuế phát hiện hồ sơ khai thuế đã nộp cho cơ quan thuế có sai, sót thì được khai bổ sung hồ sơ khai thuế trong thời hạn 05 năm kể từ ngày hết thời hạn nộp hồ sơ khai thuế của kỳ tính thuế có sai, sót nhưng trước khi cơ quan thuế, cơ quan có thẩm quyền công bố quyết định thanh tra, kiểm tra. Chính phủ quy định các trường hợp được khai bổ sung sau khi cơ quan thuế, cơ quan có thẩm quyền đã công bố quyết định thanh tra, kiểm tra.” Việc sửa đổi quy định về kê khai bổ sung hồ sơ khai thuế (giảm thời gian kê khai bổ sung từ 10 năm xuống còn 05 năm) là phù hợp với thời hiệu xử lý vi phạm hành chính về thuế và tránh trường hợp doanh nghiệp lợi dụng quy định khai bổ sung hồ sơ khai thuế để thực hiện hành vi gian lận thuế.

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		ngân sách số thuế tăng thêm hoặc số thuế đã được hoàn và tự tính tiền chậm nộp theo quy định vào ngân sách nhà nước trừ trường hợp là hành vi gian lận, trốn thuế. Quy định này là phù hợp với thực tế, vừa tạo thuận lợi cho người nộp thuế, giảm thủ tục hành chính, giảm hồ sơ kê khai điều chỉnh cũng như giảm nguồn lực dữ liệu quốc gia từ đó nâng cao, hiệu lực, hiệu quả của công tác thu, nộp thuế. Khi đó, Khoản 5 Điều 12 Dự thảo Luật quản lý thuế được sửa như sau: Phương án 1: Quy định tại Luật quản lý thuế về xử lý sai, sót trong thời hạn 05 năm đến 10 năm. <i>“5. Người nộp thuế phát hiện hồ sơ khai thuế đã nộp cho cơ quan thuế có sai, sót thì được khai bổ sung hồ sơ khai thuế, hồ sơ gia hạn nộp hồ sơ khai thuế trong thời hạn 05 năm kể từ ngày hết thời hạn nộp hồ sơ khai thuế của kỳ tính thuế có sai, sót nhưng trước khi cơ quan thuế, cơ quan có thẩm quyền công bố quyết định thanh tra, kiểm tra tại trụ sở của người nộp thuế.</i> <i>Người nộp thuế không thực hiện khai bổ sung hồ sơ khai thuế, hồ sơ gia hạn nộp hồ sơ khai thuế đã nộp cho cơ quan thuế có sai, sót trong thời hạn 05 năm đến 10 năm kể từ ngày hết thời hạn nộp hồ sơ khai thuế của kỳ tính thuế có sai, sót. Trước khi cơ quan thuế, cơ quan có thẩm quyền công bố quyết định thanh tra, kiểm tra tại trụ sở của người nộp thuế người nộp thuế kê khai nghĩa vụ thuế có sai, sót vào kỳ phát hiện sai, sót và có nghĩa vụ nộp đầy đủ số thuế phát sinh tăng hoặc số thuế đã được hoàn giảm đồng thời tính tiền chậm nộp theo quy định.</i> <i>Chính phủ quy định các trường hợp được khai bổ sung</i>	

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<i>sau khi cơ quan thuế, cơ quan có thẩm quyền đã công bố quyết định thanh tra, kiểm tra tại trụ sở của người nộp thuế”.</i> Phương án 2: Giao Chính phủ hướng dẫn về xử lý sai, sót trong thời hạn 05 năm đến 10 năm. <i>“5. Người nộp thuế phát hiện hồ sơ khai thuế đã nộp cho cơ quan thuế có sai, sót thì được khai bổ sung hồ sơ khai thuế, hồ sơ gia hạn nộp hồ sơ khai thuế trong thời hạn 05 năm kể từ ngày hết thời hạn nộp hồ sơ khai thuế của kỳ tính thuế có sai, sót nhưng trước khi cơ quan thuế, cơ quan có thẩm quyền công bố quyết định thanh tra, kiểm tra tại trụ sở của người nộp thuế.</i> <i>Chính phủ quy định các trường hợp được khai bổ sung sau khi cơ quan thuế, cơ quan có thẩm quyền đã công bố quyết định thanh tra, kiểm tra tại trụ sở của người nộp thuế và trường hợp sai, sót trong thời hạn từ 05 năm đến 10 năm”.</i>	
Khoản 4 Điều 12	Tập đoàn Công nghiệp- Viễn thông quân đội	Nội dung Dự thảo: 4. Người nộp thuế không có khả năng nộp hồ sơ khai thuế đúng thời hạn do nguyên nhân bất khả kháng được gia hạn nộp hồ sơ khai thuế. Thời gian gia hạn không quá 30 ngày đối với trường hợp khai thuế tháng, quý, năm, từng lần phát sinh nghĩa vụ thuế; không quá 60 ngày đối với trường hợp khai quyết toán thuế kể từ ngày hết thời hạn nộp hồ sơ khai thuế. Thực tế ví dụ như dịch Covid những năm trước, nhiều NNT không thể thực hiện nộp hồ sơ khai thuế đúng thời gian gia hạn (30 hay 60 ngày). Đề xuất bổ sung thêm nội dung gia hạn với các trường hợp đặc biệt. Nội dung cụ thể như sau: <i>“4. Người nộp thuế không có khả năng nộp hồ sơ khai thuế đúng thời hạn do nguyên nhân bất khả kháng được</i>	- Hiện nay, việc nộp hồ sơ khai thuế đã cơ bản được thực hiện hoàn toàn trên môi trường điện tử. - Đồng thời, Tại khoản 33 Điều 4 dự thảo Luật đã quy định: <i>“Trường hợp bất khả kháng là người nộp thuế bị thiệt hại vật chất do gặp thiên tai, thảm họa, dịch bệnh, hỏa hoạn, tai nạn bất ngờ và các trường hợp bất khả kháng khác theo quy định của Chính phủ”.</i> Như vậy, các trường hợp bất khả kháng đã bao gồm nguyên nhân bất khả kháng như dịch bệnh, thiên tai, dịch họa. Đề xuất của Công ty giao Bộ Tài chính quy định thời gian gia hạn trong một số trường hợp cũng sẽ bị giới hạn bởi thời gian gia hạn nộp HSKT đã được quy định cụ thể

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		gia hạn nộp hồ sơ khai thuế. Thời gian gia hạn không quá 30 ngày đối với trường hợp khai thuế tháng, quý, năm, từng lần phát sinh nghĩa vụ thuế; không quá 60 ngày đối với trường hợp khai quyết toán thuế kể từ ngày hết thời hạn nộp hồ sơ khai thuế. Với các trường hợp đặc biệt như dịch bệnh, thiên tai, dịch họa,... thời gian gia hạn do Bộ Tài chính quy định chi tiết." Căn cứ, lý do đề xuất: Tại Khoản 9 điều 12 này có quy định giao Bộ Tài chính quy định chi tiết nhưng chưa thể hiện rõ nội dung sẽ có quy định cho các trường hợp đặc biệt.	tại Luật.
Khoản 5 Điều 12	UBND TP HCM	Tại Khoản 5 Điều 12 "5. Người nộp thuế phát hiện hồ sơ khai thuế đã nộp cho cơ quan thuế có sai, sót thì được khai bổ sung hồ sơ khai thuế, hồ sơ gia hạn nộp hồ sơ khai thuế trong thời hạn 05 năm kể từ ngày hết thời hạn nộp hồ sơ khai thuế của kỳ tính thuế có sai, sót nhưng trước khi cơ quan thuế, cơ quan có thẩm quyền công bố quyết định thanh tra, kiểm tra tại trụ sở của người nộp thuế. Chính phủ quy định các trường hợp được khai bổ sung sau khi cơ quan thuế, cơ quan có thẩm quyền đã công bố quyết định thanh tra, kiểm tra tại trụ sở của người nộp thuế." Đề xuất sửa đổi: "5. Người nộp thuế phát hiện hồ sơ khai thuế đã nộp cho cơ quan thuế có sai, sót thì được khai bổ sung hồ sơ khai thuế, hồ sơ gia hạn nộp hồ sơ khai thuế trong thời hạn 05 năm kể từ ngày hết thời hạn nộp hồ sơ khai thuế của kỳ tính thuế có sai, sót nhưng trước khi cơ quan thuế, cơ quan có thẩm quyền công bố quyết định thanh tra, kiểm tra tại trụ sở của người nộp thuế. Chính phủ quy định các trường hợp được khai bổ sung khi quá thời hạn 5 năm	- Về bỏ cụm từ "tại trụ sở của người nộp thuế": tiếp thu. - Tại dự thảo Luật đã hoàn thiện theo hướng " 5. Người nộp thuế phát hiện hồ sơ khai thuế đã nộp cho cơ quan thuế có sai, sót thì được khai bổ sung hồ sơ khai thuế trong thời hạn 05 năm kể từ ngày hết thời hạn nộp hồ sơ khai thuế của kỳ tính thuế có sai, sót nhưng trước khi cơ quan thuế, cơ quan có thẩm quyền công bố quyết định thanh tra, kiểm tra. Chính phủ quy định các trường hợp được khai bổ sung sau khi cơ quan thuế, cơ quan có thẩm quyền đã công bố quyết định thanh tra, kiểm tra.

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<i>hoặc sau khi cơ quan thuế, cơ quan có thẩm quyền đã công bố quyết định thanh tra, kiểm tra tại trụ sở của người nộp thuế."</i> Lý do: Theo quy định thời gian người nộp thuế được kê khai bổ sung là 5 năm do trường hợp NNT tự phát hiện hồ sơ khai thuế đã nộp cho cơ quan thuế có sai, sót. Đề xuất bổ sung quy định Chính phủ quy định các trường hợp được khai bổ sung khi quá thời hạn 5 năm nhưng trước khi cơ quan thuế, cơ quan có thẩm quyền công bố quyết định thanh tra, kiểm tra tại trụ sở người nộp thuế. Ngoài ra đề xuất tăng thời gian thành 10 năm để phù hợp với thời gian truy thu thuế khi kiểm tra thuế.	
Khoản 5 Điều 12	Tập đoàn Công nghiệp-Viễn thông quân đội	Nội dung Dự thảo: 5. <i>Người nộp thuế phát hiện hồ sơ khai thuế đã nộp cho cơ quan thuế có sai, sót thì được khai bổ sung hồ sơ khai thuế, hồ sơ gia hạn nộp hồ sơ khai thuế trong thời hạn 05 năm kể từ ngày hết thời hạn nộp hồ sơ khai thuế của kỳ tính thuế có sai, sót ...</i> Thực tế có trường hợp đã có kết luận của Cơ quan có thẩm quyền nhưng Cơ quan thanh kiểm tra khác khi kiểm tra ở kỳ khác lại có kết luận dẫn tới ảnh hưởng tới số liệu xác định nghĩa vụ thuế tại kỳ đã có kết luận. Hoặc có trường hợp cơ quan kiểm tra chuyên ngành với nội dung kiểm tra là chuyên ngành khác nhưng có tác động làm ảnh hưởng đến nghĩa vụ thuế của kỳ đã kiểm tra. Từ đó NNT cần được quyền khai bổ sung cho các kỳ này. Ví dụ: DN đã có Kiểm toán Nhà nước giai đoạn 2021-2023. Sau đó có đoàn Thanh tra khác kiểm tra giai đoạn 2016-2020 có nội dung kết luận của kỳ kiểm tra nhưng đồng thời dẫn tới số liệu 2021-2023 bị thay đổi theo => Cơ sở tính thuế của năm 2021-2023 đã thay đổi => DN cần được quyền Kê khai bổ sung giai đoạn 2021-2023.	Việc sửa đổi quy định về kê khai bổ sung hồ sơ khai thuế theo hướng giảm thời gian kê khai bổ sung từ 10 năm xuống 05 năm là cần thiết để thống nhất với thời hiệu xử lý vi phạm hành chính về thuế (05 năm kể từ ngày xảy ra hành vi vi phạm); phù hợp với thông lệ quốc tế (Singapore, Nhật Bản, Đức, Hàn Quốc cho phép kê khai bổ sung từ 3 đến 5 năm); nâng cao trách nhiệm kê khai trung thực, đầy đủ, chính xác của người nộp thuế; giảm tải số lượng hồ sơ khai thuế cơ quan thuế phải lưu trữ, tạo điều kiện cho chuyển đổi số và xử lý hồ sơ thuế điện tử một cách nhanh chóng và hiệu quả.

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		Đề xuất sửa mức thời gian được khai bổ sung hồ sơ khai thuế là 10 năm thay vì giảm xuống 5 năm như dự thảo, đồng thời bổ sung thêm nội dung với các trường hợp được khai bổ sung sau thanh kiểm tra. Nội dung cụ thể như sau: <i>"5. Người nộp thuế phát hiện hồ sơ khai thuế đã nộp cho cơ quan thuế có sai, sót thì được khai bổ sung hồ sơ khai thuế, hồ sơ gia hạn nộp hồ sơ khai thuế trong thời hạn 05 10 năm kể từ ngày hết thời hạn nộp hồ sơ khai thuế của kỳ tính thuế có sai, sót nhưng trước khi cơ quan thuế, cơ quan có thẩm quyền công bố quyết định thanh tra, kiểm tra tại trụ sở của người nộp thuế. Chính phủ quy định các trường hợp được khai bổ sung sau khi cơ quan thuế, cơ quan có thẩm quyền đã công bố quyết định thanh tra, kiểm tra tại trụ sở của người nộp thuế và trường hợp sau khi cơ quan thuế, cơ quan có thẩm quyền đã ban hành kết luận, quyết định xử lý về thuế nhưng Cơ quan thanh kiểm tra khác khi kiểm tra ở kỳ khác/chuyên ngành khác lại có kết luận làm ảnh hưởng tới số liệu xác định nghĩa vụ thuế tại kỳ đã kiểm tra.</i> Căn cứ, lý do đề xuất: - Luật 38/201/QH14 hiện hành quy định thời gian được khai bổ sung là 10 năm. Việc dự thảo mới giảm thời gian kê khai bổ sung từ 10 năm xuống 05 năm có thể hướng tới phù hợp với thông lệ về quản lý thuế của các nước phát triển nhưng chưa phù hợp với thực tế hiện tại của Việt Nam. Trong điều kiện khi công tác thanh kiểm tra của cơ quan thuế, cơ quan thanh kiểm tra khác theo chức năng chưa được kịp thời (nhân sự mỏng, chưa đảm bảo có thể hoàn thành quyết toán thuế, thanh tra chuyên ngành định kỳ mỗi 5 năm cho DN) nên sẽ gây vướng mắc trong thực tế triển khai. => Do vậy nên giữ nguyên theo quy định	

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		hiện tại. - Bổ sung nội dung để làm rõ hơn các trường hợp Chính phủ sẽ được quy định chi tiết, bao gồm trường hợp kê khai điều chỉnh sau khi cơ quan thuế, cơ quan có thẩm quyền đã ban hành kết luận, quyết định xử lý về thuế. Người nộp thuế được kê khai bổ sung các kỳ đã thanh kiểm tra trong trường hợp Cơ quan thanh kiểm tra khác kiểm tra kỳ khác/chuyên ngành khác nhưng dẫn đến thay đổi cơ sở tính thuế của kỳ đã có kết luận thanh kiểm tra.	
Khoản 8 Điều 12	Tập đoàn Công nghiệp-Viên thông quân đội	Nội dung Dự thảo: 8. Chính phủ quy định chi tiết khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 5, khoản 6, khoản 7 Điều này và các nội dung sau: các trường hợp không phải nộp hồ sơ khai thuế; thời hạn nộp hồ sơ khai thuế; việc khai thuế, tính thuế, nộp thuế đối với hoạt động dầu khí và bán dầu khí; tỷ giá khai thuế quy đổi; việc kê khai, xác định giá tính thuế đối với giao dịch liên kết; báo cáo lợi nhuận liên quốc gia trong trường hợp người nộp thuế là công ty mẹ tối cao của tập đoàn tại Việt Nam có phát sinh giao dịch liên kết xuyên biên giới và có mức doanh thu hợp nhất toàn cầu vượt mức quy định hoặc người nộp thuế có công ty mẹ tối cao tại nước ngoài mà công ty mẹ tối cao có nghĩa vụ lập báo cáo lợi nhuận liên quốc gia theo quy định của nước sở tại; Dự thảo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu mới còn một số nội dung chưa đầy đủ và rõ ràng, cần thiết được Luật hóa thêm nội dung giao Chính phủ quy định. Đề xuất bổ sung vào cuối khoản 8 điều 12 nội dung như sau: "8. Chính phủ quy định chi tiết khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 5, khoản 6, khoản 7 Điều này và các nội dung sau: các trường hợp ... theo quy định của nước sở	Ngày 28/8/2025, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 238/2025/NĐ-CP. Tại Khoản 2 Điều 4 Nghị định quy định: "2. Trường hợp tập đoàn đa quốc gia có nhiều hơn một đơn vị hợp thành tại Việt Nam thì đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai có trách nhiệm xác định nghĩa vụ theo quy định về QDMTT cho tất cả các đơn vị hợp thành tại Việt Nam của tập đoàn đa quốc gia đó. Tập đoàn đa quốc gia có các đơn vị hợp thành thuộc đối tượng áp dụng QDMTT tự quyết định việc phân bổ thuế bổ sung phải nộp theo QDMTT giữa các đơn vị hợp thành tại Việt Nam và kê khai thông tin số thuế phân bổ tại Tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung (Mẫu số 01/TNDN-QDMTT) ban hành kèm theo Nghị định này." Do vậy phân bổ thuế nộp bổ sung theo quy định thuế tối thiểu toàn cầu cho các đơn vị hợp thành tại Việt Nam thực hiện theo ND này. Quy định nêu trên tại Nghị định 236/2025/NĐ-CP là phù hợp vì các Tập đoàn đa quốc gia có các đặc điểm khác nhau về số lượng đơn vị hợp thành, cơ cấu sở hữu, hình thức hoạt động, thời gian hoạt động...nên không quy

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<i>tại; nguyên tắc phân bổ thuế nộp bổ sung theo quy định thuế tối thiểu toàn cầu cho các đơn vị hợp thành tại Việt Nam."</i> Đề xuất bổ sung nguyên tắc phân bổ thuế nộp bổ sung theo quy định thuế tối thiểu toàn cầu cho các đơn vị hợp thành tại Việt Nam, đảm bảo đồng nhất với quan điểm quản lý, nguyên tắc phân bổ thuế TNDN và các loại thuế khác trong Luật Quản lý thuế. Lý do: + Tại Điều 4 "Nguyên tắc áp dụng QDMTT" dự thảo Nghị định hướng dẫn chi tiết về thuế tối thiểu toàn cầu tại văn bản số 12367/BTC-TCT ngày 12/11/2024 của Bộ Tài chính có quy định: "Tập đoàn đa quốc gia có các đơn vị hợp thành thuộc đối tượng áp dụng QDMTT tự quyết định việc phân bổ thuế nộp bổ sung phải nộp theo QDMTT giữa các đơn vị hợp thành tại Việt Nam và kê khai thông tin số thuế phân bổ tại Tờ khai ..." DN tự quyết định phân bổ thuế tối thiểu toàn cầu nộp bổ sung là chưa hợp lý do việc kê khai được tổng hợp trên cơ sở số liệu của các đơn vị hợp thành, có đơn vị lãi, đơn vị lỗ, các đơn vị hợp thành có cơ sở tính thuế khác nhau, không thể chuyển thuế phải nộp bổ sung giữa pháp nhân này sang pháp nhân khác. + Cần thiết bổ sung nguyên tắc phân bổ thuế nộp bổ sung theo quy định thuế tối thiểu toàn cầu để đảm bảo bao quát hết các loại thuế và đảm bảo đồng nhất với quan điểm quản lý, nguyên tắc phân bổ thuế TNDN và các loại thuế khác trong Luật Quản lý thuế.	định tiêu chí cụ thể để phân bổ thuế nộp bổ sung phải nộp theo QDMTT. Các Tập đoàn tự quyết định việc phân bổ thuế nộp bổ sung này dựa trên các điều kiện thực tế của Tập đoàn tại Việt Nam và chỉ kê khai thông tin phân bổ tại Tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp nộp bổ sung.
Khoản 9 Điều 12	Tập đoàn Công nghiệp-	Nội dung dự thảo: <i>9. Bộ Tài chính quy định chi tiết khoản 4 Điều này và các nội dung sau: <u>việc khai thuế, tính thuế, phân bổ nghĩa vụ thuế phải nộp; hồ sơ khai thuế;</u></i>	Quan điểm xây dựng luật khung do vậy, các nội dung chi tiết thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Tài chính sẽ được giao cho Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể. Các ý

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	Viễn thông quân đội	<i>hình thức nộp hồ sơ khai thuế; cơ quan quản lý thuế tiếp nhận, xử lý hồ sơ khai thuế; trình tự, thủ tục cơ quan quản lý thuế tính thuế, thông báo thuế.</i> Đánh giá, vướng mắc: 1. Vướng mắc trong việc xác định khi nào người nộp thuế được xem xét là trường hợp người nộp thuế hạch toán tập trung tại trụ sở chính. Cả văn bản về thuế và kế toán không có định nghĩa cho thuật ngữ này. 2. Hiện chưa có quy định cụ thể về sử dụng Hóa đơn trường hợp đơn vị phụ thuộc kê khai thuế chung với Tập đoàn, nên có quan điểm khác nhau ngay cả trong Cơ quan thuế về việc sử dụng hóa đơn, kê khai thuế, khấu trừ thuế GTGT. 3. Hiện văn bản pháp luật về thuế có hướng dẫn cho một số hoạt động, chưa hướng dẫn đối với địa điểm kinh doanh là cơ sở cung cấp dịch vụ, cơ sở thương mại. Các trường hợp được phân bổ thuế TNDN cũng chưa hướng dẫn đủ cho các tình huống người nộp thuế có địa điểm kinh doanh ở địa phương khác là cơ sở cung cấp dịch vụ, cơ sở thương mại. Bên cạnh đó cần thiết Luật hóa các nguyên tắc phân bổ các sắc thuế đối với các hoạt động, ngành nghề, chỉ thực hiện phân cấp cho Bộ Tài chính quy định về phương pháp phân bổ, tỷ lệ phân bổ cụ thể và các trường hợp không phải phân bổ phù hợp với điều kiện phát triển của từng thời kỳ. Đề xuất bổ sung vào khoản 9 điều 12 của dự thảo một số nội dung theo quan điểm của cơ quan soạn thảo trong việc cho phép Người nộp thuế được lựa chọn kê khai tập trung tại trụ sở chính hoặc kê khai tại cơ quan thuế quản lý khoản thu như tại dự thảo kèm theo công văn 7960/BTC-	kiến của Tập đoàn sẽ được nghiên cứu khi xây dựng Thông tư hướng dẫn luật.

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		CT ngày 06/6/2025 đã đề xuất và đề xuất bổ sung thêm 1 số nội dung mang tính nguyên tắc khác đề Luật hóa các quan điểm quản lý, làm cơ sở cho Chính phủ/Bộ Tài chính quy định các nội dung chi tiết hơn cho từng thời kỳ. Nội dung cụ thể như sau: <i>"9. Bộ Tài chính quy định chi tiết khoản 4 Điều này và các nội dung sau: việc khai thuế, tính thuế, phân bổ nghĩa vụ thuế phải nộp; hồ sơ khai thuế; hình thức nộp hồ sơ khai thuế; cơ quan quản lý thuế tiếp nhận, xử lý hồ sơ khai thuế; trình tự, thủ tục cơ quan quản lý thuế tính thuế, thông báo thuế. Việc quy định chi tiết dựa trên cơ sở đảm bảo các nguyên tắc như sau:</i> a) Người nộp thuế thực hiện kê khai, tính thuế với <u>cơ quan thuế quản lý trực tiếp người nộp thuế</u> hoặc <u>cơ quan thuế quản lý khoản thu</u>. a1) Trường hợp Người nộp thuế có đơn vị phụ thuộc <u>cùng địa bàn</u> với Trụ sở chính thì kê khai qua trụ sở chính và <u>sử dụng chung hóa đơn</u>; trường hợp có nhu cầu kê khai riêng thì đăng ký kê khai riêng và <u>sử dụng hóa đơn riêng</u>. a2) Trường hợp Người nộp thuế có đơn vị phụ thuộc tại đơn vị hành chính <u>cấp tỉnh khác</u> nơi có trụ sở chính <u>thuộc trường hợp phải phân bổ thuế</u> thì người nộp thuế khai thuế tại <u>cơ quan thuế quản lý trực tiếp trụ sở chính</u> và tính thuế, phân bổ nghĩa vụ thuế phải nộp theo từng địa phương nơi được hưởng nguồn thu ngân sách nhà nước. b) Phân bổ nghĩa vụ thuế của người nộp thuế hạch toán tập trung có đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh tại tỉnh khác nơi có trụ sở chính: b1) Đối với thuế GTGT, thuế TNDN: Người nộp thuế có hoạt động SXKD tại các đơn vị hành chính cấp tỉnh khác nơi có trụ sở chính phải thực hiện phân bổ nghĩa vụ	

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		thuế phải nộp, bao gồm các Đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh là cơ sở sản xuất; <u><i>cơ sở cung cấp dịch vụ và cơ sở thương mại.</i></u> Đối với người nộp thuế kinh doanh dịch vụ viễn thông có chi nhánh hạch toán phụ thuộc ở tỉnh khác với nơi đóng trụ sở chính <u><i>cùng tham gia</i></u> kinh doanh dịch vụ viễn thông cước trả sau theo quy định thì người nộp thuế nộp hồ sơ khai thuế tại trụ sở chính và phân bổ thuế giá trị gia tăng phải nộp cho địa phương nơi phát sinh Doanh thu. b2) Đối với thuế nộp thuế tài nguyên: Các trường hợp phân bổ: Hoạt động sản xuất thủy điện có hồ thủy điện nằm trên nhiều tỉnh. b3) Đối với thuế bảo vệ môi trường: Các trường hợp phân bổ: Xăng dầu; Than khai thác và tiêu thụ nội địa. b4) Đối với thuế tiêu thụ đặc biệt: Các trường hợp phân bổ: Hoạt động kinh doanh xổ số điện toán. b5) Đối với thuế thu nhập cá nhân: Các trường hợp phân bổ: b5.1) Khấu trừ thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công được trả tại trụ sở chính cho người lao động làm việc tại đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh tại tỉnh khác. b5.2) Khấu trừ thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ trúng thưởng của cá nhân trúng thưởng xổ số điện toán. Phương pháp phân bổ, tỷ lệ phân bổ cụ thể và các trường hợp <i>không phải phân bổ</i> nghĩa vụ thuế phải nộp theo quy định của Bộ Tài chính tại từng thời kỳ.” Căn cứ, lý do:	

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		Đề xuất bổ sung nội dung về mặt nguyên tắc để thể hiện rõ hơn quan điểm của Quốc hội, từ đó đồng nhất cách hiểu và làm cơ sở cho Chính phủ/Bộ Tài chính quy định các nội dung chi tiết hơn cho từng thời kỳ. Cụ thể là:-Quan điểm đưa ra tại dự thảo kèm theo công văn 7960/BTC-CT ngày 06/6/2025 đã đề xuất là: <u>bổ quy định về “hạch toán tập trung tại trụ sở chính”</u>, việc kê khai thuế thực hiện theo nguyên tắc chung là khai thuế tại CQT quản lý trực tiếp <u>hoặc</u> CQT quản lý khoản thu.- Bổ sung nội dung thể hiện rõ quan điểm đối với NNT có đơn vị phụ thuộc cùng địa bàn với Trụ sở chính thì <u>mặc định</u> kê khai qua trụ sở chính, trường hợp có nhu cầu kê khai riêng thì mới phải đăng ký riêng như nội dung tại thông tư 156/2013/TT-BTC trước đây. Lý do: các đơn vị phụ thuộc chỉ thực hiện 1 phần chức năng kinh doanh của trụ sở chính nên không đảm bảo hạch toán đầy đủ thuế GTGT đầu vào, đầu ra phát sinh. Thông tư 156/2013/TT-BTC trước đây quy định rõ đơn vị phụ thuộc cùng địa bàn kê khai thuế chung với Trụ sở chính, nếu có nhu cầu kê khai riêng phải đăng ký riêng và sử dụng hóa đơn riêng. Hiện nay Nghị định 123/2020/NĐ-CP, 126/2020/NĐ-CP; Thông tư 78/2021/TT-BTC, 80/2021/TT-BTC không quy định cụ thể dẫn tới có sự khác biệt trong quan điểm về sử dụng hóa đơn.) 'Luật hóa các nội dung quan trọng về trường hợp phân bổ thuế hiện tại đang được quy định tại Thông tư 80/2021/TT-BTC. Trong đó có bổ sung rõ nội dung quy định với hoạt động kinh doanh dịch vụ viễn thông do hoạt động này có đặc thù của việc cung cấp dịch vụ không hoàn toàn gắn liền với sự hiện diện của nhân sự cung cấp dịch vụ nhưng bản chất nguồn thu là từ khách hàng tại các địa phương. Từ đó cần thiết có sự phân bổ giá trị thuế GTGT	

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
Điều 12	Tập đoàn Vingroup- Công ty CP	(loại thuế trực tiếp liên quan) từ Doanh thu thu được cho các địa phương. Điều 12, dự thảo Luật chưa quy định cụ thể về các TH được khai bổ sung hồ sơ khai thuế Đề xuất: Bổ sung cơ chế và quy định cho phép doanh nghiệp được kê khai điều chỉnh đối với trường hợp: - Hồ sơ thuộc phạm vi, thời kỳ đã thanh tra, kiểm tra thuế nêu tại quyết định thanh tra, kiểm tra thuế và - Hồ sơ thuộc phạm vi, thời kỳ thanh tra, kiểm tra thuế nhưng sau khi cơ quan thuế, cơ quan có thẩm quyền đã ban hành kết luận xử lý thuế mà việc khai bổ sung dẫn đến <u>giảm</u> số tiền thuế phải nộp, <u>tăng</u> số tiền thuế được hoàn. Lý do: Trên thực tế, việc kê khai điều chỉnh có thể dẫn đến các trường hợp: (i) giảm số tiền thuế phải nộp hoặc làm tăng số tiền thuế được khấu trừ, tăng số tiền thuế được miễn, giảm, hoàn; (ii) tăng số tiền thuế phải nộp hoặc làm giảm số tiền thuế được khấu trừ, giảm số tiền thuế được miễn, giảm, hoàn; (iii) không làm thay đổi số tiền thuế phải nộp, số tiền thuế được khấu trừ, số tiền thuế được miễn, giảm, hoàn. Quy định trước đây (khoản 3 Điều 47 Luật Quản lý thuế 2019) cho phép người nộp thuế trong trường hợp phát hiện hồ sơ khai thuế có sai, sót nếu khai bổ sung làm giảm số tiền thuế phải nộp hoặc làm tăng số tiền thuế được khấu trừ, tăng số tiền thuế được miễn, giảm, hoàn thì thực hiện theo quy định về giải quyết khiếu nại về thuế. Tuy nhiên	Tại khoản 5 Điều 12 quy định giao Chính phủ quy định các trường hợp được khai bổ sung sau khi cơ quan thuế, cơ quan có thẩm quyền đã công bố quyết định thanh tra, kiểm tra. Về đề xuất của doanh nghiệp, cơ quan soạn thảo sẽ nghiên cứu, xem xét trong quá trình xây dựng Nghị định quy định Luật Quản lý thuế.

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		dự thảo hiện tại đã bãi bỏ quy định này gây ra cách hiểu khác nhau hoặc quy định không rõ ràng, gây bất lợi và chưa đảm công bằng cho người nộp thuế.	
Điều 13	Đoàn ĐBQH tỉnh Nghệ An	Về khai thuế, tính thuế, khấu trừ thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh (Điều 13). Đề xuất bổ sung thêm 01 khoản quy định đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh có phát sinh doanh thu, thu nhập từ việc sản xuất, cung cấp dịch vụ (video, chạy quảng cáo, gia công phần mềm...) qua các nền tảng số như Youtube, Tiktok, Zalo..., cụ thể như sau: <i>"5. Trường hợp có phát sinh doanh thu, thu nhập từ việc sản xuất, cung cấp dịch vụ qua các nền tảng số, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh căn cứ vào mức doanh thu, thu nhập thực tế phát sinh tự xác định phương pháp tính thuế, số thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập cá nhân phải nộp theo quy định pháp luật thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân."</i>	Tại khoản 1 Điều 13 dự thảo Luật quy định: <i>"Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh căn cứ mức doanh thu thực tế hàng năm từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ tự xác định thuộc đối tượng không chịu thuế, đối tượng chịu thuế theo quy định của pháp luật về thuế."</i> Quy định trên đã bao gồm hoạt động sản xuất, cung cấp dịch vụ qua nền tảng số.
Kê khai bổ sung hồ sơ khai thuế	Bộ Công An	- Việc sửa đổi quy định về kê khai bổ sung hồ sơ khai thuế (giảm thời gian kê khai bổ sung từ 10 năm xuống còn 05 năm) là phù hợp với thời hiệu xử lý vi phạm hành chính về thuế. Tuy nhiên, trong thực tế điều tra các tội phạm "trốn thuế", "mua bán trái phép hóa đơn", nhiều đối tượng lợi dụng quy định này để tránh bị xử lý hình sự. Vì vậy, cơ quan soạn thảo cần nghiên cứu bổ sung quy định nhằm phòng ngừa việc lợi dụng quy định kê khai bổ sung hồ sơ khai thuế để thực hiện hành vi "trốn thuế", "mua bán trái phép hóa đơn".	Tại Luật Quản lý thuế hiện hành đang quy định người nộp thuế được khai bổ sung hồ sơ khai thuế trong thời hạn 10 năm, trước khi cơ quan thuế, cơ quan có thẩm quyền công bố quyết định thanh tra, kiểm tra. Để tránh việc lợi dụng quy định này để không bị xử phạt tội "trốn thuế", "mua bán trái phép hóa đơn" và để phù hợp với thời hiệu xử lý vi phạm hành chính về thuế, tại dự thảo Luật Quản lý thuế (sửa đổi) đã giảm thời gian kê khai bổ sung từ 10 năm xuống còn 05 năm). Trong thực tế, việc hạch toán, kế toán, kê khai, nộp thuế không thể tránh khỏi sai sót, nhiều trường hợp sai

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			sót không phải do cố ý. Việc quy định cho phép người nộp thuế khai bổ sung hồ sơ khai thuế nhằm khuyến khích người nộp thuế tự kiểm tra, tự phát hiện sai sót để sửa sai.
Khoản 1 Điều 13	Công ty TNHH kế toán và tư vấn thuế Trọng Tín	<i>Thứ tư: Cần bổ sung hỗ trợ từ cơ quan thuế đối với hộ kinh doanh trong việc khai thuế, tính thuế</i> Hiện nay phần lớn hộ kinh doanh được đăng ký thành lập theo quy định của pháp luật doanh nghiệp tại Nghị định 168/2025/NĐ-CP, do đó hộ kinh doanh không phải thực hiện nghĩa vụ đăng ký thuế do mã số hộ kinh doanh đồng thời là mã số thuế và mã số định danh của cá nhân từ ngày 01/07/2025 đã tạo thuận lợi cho hộ kinh doanh. Tuy nhiên, do nhận thức pháp luật của một số hộ kinh doanh còn hạn chế đặc biệt đối với các đối tượng hộ kinh doanh yếu thế chưa hiểu rõ các quy định của pháp luật về kê khai, nộp thuế. Vì vậy, để người nộp thuế hiểu rõ, đầy đủ quy định từ đó tự nguyện và chủ động thực hiện nghĩa vụ thuế tốt nhất cơ quan thuế cần “thông báo nghĩa vụ khai, nộp thuế” thông qua phương tiện điện tử tự động cho người nộp thuế bên cạnh các chính sách hỗ trợ khác như Dự thảo luật đã quy định. Khi đó, Khoản 1 Điều 13 về khai thuế tại Dự thảo Luật quản lý thuế được sửa như sau: <i>“Điều 13. Khai thuế, tính thuế, khấu trừ thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh</i> <i>1. Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh thực hiện khai thuế theo từng loại thuế theo tháng, quý, năm, theo từng lần phát sinh nghĩa vụ thuế và khi quyết toán thuế. Cơ quan thuế căn cứ vào cơ sở dữ liệu quản lý để hỗ trợ và</i>	Tại khoản 2 Điều 6 dự thảo Luật quy định nguyên tắc quản lý thuế: <i>“2. Người nộp thuế có nghĩa vụ nộp thuế, tự xác định nghĩa vụ thuế phải nộp, tự kê khai thuế và tự nộp thuế vào ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về thuế, quản lý thuế và pháp luật khác, trừ trường hợp do cơ quan quản lý thuế tính thuế, thông báo thuế theo quy định của pháp luật.”</i> Theo quy định trên, việc xác định nghĩa vụ thuế phải nộp, khai thuế, nộp thuế do người nộp thuế tự xác định, tự khai, tự nộp. Tại khoản 2 Điều 13 dự thảo luật quy định “<i>Cơ quan thuế căn cứ vào cơ sở dữ liệu quản lý để hỗ trợ hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh trong việc khai thuế và tính thuế</i>” là phù hợp với nguyên tắc trên.

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<i>thông báo nghĩa vụ khai thuế, nộp thuế tự động thông qua phương tiện điện tử đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh trong việc khai thuế và tính thuế.”</i>	
Điểm a, khoản 2, Điều 13	UBND TP Hà Nội (Thuế TP Hà Nội)	Tại Điểm a, khoản 2, Điều 13 dự thảo quy định về khai thuế, tính thuế, khấu trừ thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh - Đề xuất sửa thành: “Trường hợp tự xác định có mức doanh thu hàng năm thuộc trường hợp đối tượng không chịu thuế theo quy định của pháp luật về thuế, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh phải kê khai doanh thu thực tế phát sinh theo quy định của Chính Phủ” - Lý do đề xuất: Đảm bảo tính nhất quán với quy định của Luật thuế GTGT số 48/2024/QH15.	Tiếp thu, hoàn thiện điểm a khoản 1 Điều 13 như sau: a) Trường hợp tự xác định có mức doanh thu hàng năm từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc trường hợp đối tượng không chịu thuế theo quy định của pháp luật về thuế, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh phải kê khai doanh thu thực tế phát sinh với cơ quan thuế theo quy định của Chính phủ;
Khoản 4 Điều 13	UBND tỉnh Hà Tĩnh (Sở Tài chính)	Tại khoản 4 Điều 13 của Dự thảo: “Điều 13. Khai thuế, tính thuế, khấu trừ thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh 4. Đối với hộ, cá nhân kinh doanh có hoạt động kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử: ...” Đề nghị cơ quan soạn thảo sửa đổi: “Điều 13. Khai thuế, tính thuế, khấu trừ thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh 4. Đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh có hoạt động kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử: ...”	Tiếp thu, hoàn thiện tại khoản 3 Điều 13

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		Lý do đề nghị: Để đảm bảo sự phù hợp và thống nhất với nội dung chung được quy định tại Khoản và Điều này.	
Khoản 8 Điều 14	UBND tỉnh Hà Tĩnh (Sở Tài chính)	Tại khoản 8 Điều 14 của Dự thảo, đề nghị cơ quan soạn thảo sửa đổi: <i>“Điều 14. Nộp thuế, gia hạn nộp thuế và các khoản thu ngân sách nhà nước</i> <i>8. Bộ Tài chính quy định chi tiết khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5, khoản 6 Điều này và về việc tra soát và xử lý chứng từ nộp thuế, việc giải quyết hồ sơ gia hạn nộp thuế và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước trừ trường hợp quy định tại điểm a.4 khoản 6 Điều này.”</i> Lý do đề nghị: Để đảm bảo sự thống nhất trong quy định và tránh trùng lặp về thẩm quyền, đề nghị điều bỏ nội dung <i>“các khoản 1”</i> tại khoản 8 Điều này, do tại Khoản 7 Điều này đã xác định rõ thẩm quyền của Chính phủ.	Tiếp thu hoàn thiện dự thảo Luật theo hướng: <i>“8. Bộ Tài chính quy định chi tiết các khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5, khoản 6 Điều này và các nội dung: về việc tra soát, xử lý chứng từ nộp thuế; việc giải quyết hồ sơ gia hạn nộp thuế và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước trừ trường hợp quy định tại điểm a.4 khoản 6 Điều này.”</i>
Khoản 1, khoản 2 Điều 14	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Tại khoản 1, khoản 2 Điều 14 dự thảo Luật quy định về thời hạn nộp thuế, phương thức nộp thuế, gia hạn nộp thuế và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước, đề nghị giao Chính phủ quy định chi tiết, do Luật chỉ nên quy định khung, đối với các nội dung chi tiết về trình tự, thủ tục thực hiện đề nghị giao Chính phủ hoặc Bộ trưởng quy định.	Cơ bản đã tiếp thu theo hướng Dự thảo Luật quy định các nguyên tắc chung và khung chung để thực hiện. Khoản 7, khoản 8 Điều 14 dự thảo Luật đã phân cấp giao Chính phủ, Bộ Tài chính quy định chi tiết nội dung về trình tự, thủ tục, cụ thể: <i>“7. Chính phủ quy định chi tiết khoản 1 Điều này và các nội dung: thời hạn cơ quan, tổ chức thu tiền thuế nộp tiền vào ngân sách nhà nước; thời gian gia hạn nộp thuế; hồ sơ, thủ tục gia hạn nộp thuế đối với trường hợp quy định tại điểm d khoản 6 Điều này.</i> <i>8. Bộ Tài chính quy định chi tiết các khoản 1, khoản 2,</i>

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			khoản 3, khoản 4, khoản 5, khoản 6 Điều này và các nội dung: việc tra soát và xử lý chứng từ nộp thuế, việc giải quyết hồ sơ gia hạn nộp thuế trừ trường hợp quy định tại điểm d khoản 6 Điều này.”
điểm a, b khoản 2 Điều 14	UBND tỉnh Bắc Ninh	Đề nghị sửa đổi, bổ sung điểm a, b khoản 2 Điều 14 Dự thảo, như sau: “Điều 14. Nộp thuế, gia hạn nộp thuế và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước 2. Người nộp thuế nộp tiền thuế theo một trong các phương thức sau: a) Nộp thuế điện tử qua Hệ thống thông tin điện tử của Chính phủ; dịch vụ thanh toán điện tử của tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán, tổ chức dịch vụ khác có kết nối trực tiếp hoặc gián tiếp với hệ thống thông tin quản lý thuế thu của cơ quan quản lý thuế hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật; b) Nộp thuế trực tiếp tại tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán, tổ chức dịch vụ khác có kết nối trực tiếp hoặc gián tiếp với hệ thống thông tin quản lý thuế thu của cơ quan quản lý thuế hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật; cơ quan quản lý thuế; tổ chức được cơ quan quản lý thuế ủy nhiệm thu thuế”.	Tiếp thu hoàn thiện tại điểm a, b khoản 2 Điều 14 như sau: 2. Người nộp thuế nộp tiền thuế theo một trong các phương thức sau: a) Nộp thuế điện tử qua Hệ thống thông tin điện tử của Chính phủ; dịch vụ thanh toán điện tử của tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán, tổ chức dịch vụ khác có kết nối trực tiếp hoặc gián tiếp với hệ thống thông tin quản lý thuế của cơ quan quản lý thuế hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật; b) Nộp thuế trực tiếp tại tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán, tổ chức dịch vụ khác có kết nối trực tiếp hoặc gián tiếp với hệ thống thông tin quản lý thuế của cơ quan quản lý thuế hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật; cơ quan quản lý thuế; tổ chức được cơ quan quản lý thuế ủy nhiệm thu thuế.

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
Điều 14	Đoàn ĐB QH tỉnh Vĩnh Long	Nộp thuế, gia hạn nộp thuế và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước (Điều 14) Tại điểm a khoản 1 Điều 14 quy định “<i>Trường hợp người nộp thuế tự tính thuế thì thời hạn nộp thuế chậm nhất là ngày cuối cùng của thời hạn nộp hồ sơ khai thuế...</i>”, quy định như dự thảo chưa phù hợp, vì có nhiều loại thuế và kỳ hạn tính thuế khác nhau. Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo cần nghiên cứu quy định chi tiết thời hạn nộp thuế cho từng loại hình thuế nhằm đảm bảo tính linh hoạt và phù hợp với đặc điểm từng loại hình hoạt động kinh doanh	Điều 14 Dự thảo Luật quy định thời hạn nộp thuế của các trường hợp tương ứng với các trường hợp NNT tự khai thuế, tính thuế và trường hợp CQT hoặc CQNN có thẩm quyền tính thuế, thông báo tại Điều 12 Dự thảo Luật. Việc quy định chi tiết về thời hạn nộp hồ sơ khai thuế, thời hạn nộp thuế trên thông báo, quyết định thuế khoản 8, khoản 9 Điều 12 dự thảo Luật đã phân cấp giao Chính phủ, Bộ Tài chính quy định.
Điều 14	UBND TP Hải Phòng (Thuế TP Hải Phòng)	3. Điều 14. Nộp thuế, gia hạn nộp thuế và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước “Điều 14. Nộp thuế, gia hạn nộp thuế và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước 2. Người nộp thuế nộp tiền thuế theo một trong các phương thức sau: b) Nộp thuế trực tiếp tại tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán, tổ chức dịch vụ khác có kết nối với hệ thống thông tin quản lý thu của cơ quan quản lý thuế hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật; cơ quan quản lý thuế; tổ chức được cơ quan quản lý thuế ủy nhiệm thu thuế.” Thuế thành phố Hải Phòng đề xuất: Đề nghị Ban soạn thảo sửa đổi như sau: Nộp thuế trực tiếp tại tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán, tổ chức dịch vụ khác có kết nối trực tiếp hoặc gián tiếp với hệ thống thông tin quản lý thuế của cơ quan quản lý thuế hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật; cơ quan quản lý thuế; tổ chức được cơ quan quản lý thuế ủy nhiệm thu thuế.	Tiếp thu hoàn thiện dự thảo Luật theo hướng bổ sung quy định về việc kết nối trực tiếp hoặc gián tiếp để đảm bảo việc thu nộp NSNN giảm sai/sót phải tra soát (thực tế rất nhiều các khoản nộp NSNN thực hiện qua các kênh không kết nối hoặc không truy vấn thông tin do CQT cung cấp dẫn đến phát sinh nhiều sai sót phải tra soát, tổn nhiều nguồn lực): “a) Nộp thuế điện tử qua Hệ thống thông tin điện tử của Chính phủ; dịch vụ thanh toán điện tử của tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán, tổ chức dịch vụ khác có kết nối trực tiếp hoặc gián tiếp với hệ thống thông tin quản lý thuế của cơ quan quản lý thuế hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật; b) Nộp thuế trực tiếp tại tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán, tổ chức dịch vụ khác có kết nối trực tiếp hoặc gián tiếp với hệ thống thông tin quản lý thuế của cơ quan quản lý thuế hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật; cơ quan quản lý thuế; tổ chức được

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		Lí do: Hiện nay, một số ngân hàng thương mại vẫn chưa có hệ thống kết nối truyền nhận trực tiếp để người nộp thuế có thể nộp thuế điện tử tới Cơ quan thuế.	<i>cơ quan quản lý thuế ủy nhiệm thu thuế."</i>
Khoản 3 Điều 14	UBND tỉnh Quảng Ngãi (Thuế tỉnh Quảng Ngãi)	Tại khoản 3 Điều 14 dự thảo Luật Quản lý thuế quy định: "Đồng tiền nộp thuế là đồng tiền khai thuế. Người nộp thuế khai bằng đồng tiền nào thì nộp bằng đồng tiền đó". Đề nghị bỏ cụm từ: "Người nộp thuế khai thuế bằng đồng tiền nào thì nộp thuế bằng đồng tiền đó", người nộp thuế chỉ được nộp thuế bằng ngoại tệ tự do chuyển đổi đối với các trường hợp theo khoản 1, Điều 4, Thông tư số 80/2021/TT-BTC và để đồng nhất với pháp luật ngoại hối (Pháp lệnh Ngoại hối ngày 13/12/2005 và Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Ngoại hối ngày 18/3/2013; Thông tư số 32/2013/TT-NHNN ngày 26/12/2013 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn thực hiện quy định hạn chế sử dụng ngoại hối trên lãnh thổ Việt Nam).	Việc nộp thuế đầy đủ, đúng hạn là nghĩa vụ của người nộp thuế. Việc nộp thuế gắn với nghĩa vụ phải nộp thuế theo hồ sơ khai thuế. Tại khoản 6 Điều 12 dự thảo Luật quy định và phân cấp giao Chính phủ quy định các trường hợp kê khai bằng ngoại tệ: "<i>6. Đồng tiền khai thuế là Đồng Việt Nam, trừ trường hợp khai thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu và các trường hợp được khai bằng ngoại tệ khác theo quy định của Chính phủ."</i> Do đó, để đảm bảo việc theo dõi nghĩa vụ thuế, hoàn thành nghĩa vụ thuế của NNT (hạn chế các trường hợp sai, sót do kê khai một loại tiền, nộp bằng một loại tiền khác cũng như việc theo dõi, xử lý quy đổi tỷ giá ngoại tệ trong theo dõi nghĩa vụ thuế), dự thảo khoản 3 Điều 14 Luật quy định "<i>3. Đồng tiền nộp thuế là đồng tiền khai thuế. Người nộp thuế khai bằng đồng tiền nào thì nộp bằng đồng tiền đó"</i>

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
Khoản 3 Điều 15	UBND TP Hà Nội (Thuế TP Hà Nội)	4. Tại Khoản 3 Điều 15 dự thảo quy định xử lý số tiền thuế nộp thừa: <i>“3. Không hoàn trả số tiền thuế nộp thừa trong các trường hợp sau đây:</i> ... <i>b) Số tiền thuế nộp thừa quá thời hạn 10 năm kể từ ngày nộp tiền vào ngân sách nhà nước mà người nộp thuế không bù trừ nghĩa vụ thuế và không hoàn thuế;”</i> Đề xuất: Tại dự thảo Luật quy định về thời hạn hoàn nộp thừa là 10 năm. Tuy nhiên, chưa có quy định về thời hạn hoàn thuế đối với các trường hợp khác (hoàn GTGT, hoàn thuế đối với trường hợp miễn trừ ngoại giao,...). Do đó đề nghị bổ sung quy định không hoàn thuế đối với khoản đề nghị hoàn thuế quá thời hạn 10 năm.	Điều 15 Dự thảo quy định về xử lý số tiền thuế nộp thừa. Quy định về hoàn thuế được thể hiện tại Điều 19, theo đó gồm trường hợp hoàn thuế theo pháp luật thuế (GTGT, TTĐB, TNCN...) và hoàn nộp thừa.
Khoản 1 Điều 15	Tập đoàn Công nghiệp-Viên thông quân đội	Dự thảo quy định: <i>1. Người nộp thuế có số tiền thuế nộp thừa được bù trừ số tiền thuế nộp thừa với số tiền thuế phải nộp theo mã định danh khoản phải nộp hoặc được đề nghị hoàn trả số tiền thuế nộp thừa.</i> Đề nghị bổ sung nội dung tại khoản 1 điều 15 về nguyên tắc bù trừ cho phép xử lý bù trừ giữa các khoản nộp thừa với các khoản phải nộp của cùng 1 DN (theo đầu mối cùng một Mã số thuế), không phân biệt số nộp thừa của từng sắc thuế, từng loại phí, lệ phí hay các khoản phải nộp NSNN khác. Nội dung cụ thể như sau: <i>“1. Người nộp thuế có số tiền thuế nộp thừa được bù trừ số tiền thuế nộp thừa với số tiền thuế phải nộp theo mã định danh khoản phải nộp hoặc được đề nghị hoàn trả số</i>	Mục tiêu của quy định này nhằm đáp ứng được thực tế phát sinh và như cầu bù trừ tiền thuế theo ý kiến của đề xuất. Tuy nhiên do Dự thảo Luật quy định về nguyên tắc xử lý số tiền thuế nộp thừa và đã giao Bộ Tài chính quy định chi tiết Điều này và các nội dung sau: hồ sơ, thủ tục, thẩm quyền xử lý số tiền thuế nộp thừa; thời điểm xác định số tiền thuế nộp thừa.

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<i>tiền thuế nộp thừa.</i> <i>Nguyên tắc xử lý bù trừ giữa các khoản nộp thừa với các khoản phải nộp là theo đầu mỗi cùng một Mã số thuế, không phân biệt số nộp thừa của từng sắc thuế, từng loại phí, lệ phí hay các khoản phải nộp NSNN khác.</i> <i>Trường hợp người nộp thuế không đề nghị hoàn trả số thuế nộp thừa, thì số tiền nộp thừa được cộng vào số thuế nộp của (các) kỳ tiếp theo."</i> Bên cạnh đó, đề xuất Ban soạn thảo nghiên cứu bổ sung thêm quy định cụ thể cho vấn đề: số thuế thừa được bù trừ với khoản định danh nào, có mặc định chuyển số thừa sang khoản định danh liên kế hay không? Hoặc bù trừ sang định danh khoản phải nộp của Tiểu mục khác. Lý do: Đề xuất bổ sung nội dung để tạo thuận lợi cho DN cũng như thuận lợi cho CQ quản lý thuế không phải tổ chức theo dõi riêng số dư tiền nộp thừa của từng loại thuế/ từng khoản phải thu. Nội dung này như định hướng sửa đổi hồi tháng 3/2025 của Ban soạn thảo: bù trừ không phân biệt theo từng sắc thuế, chỉ theo đầu mỗi cùng một Mã số thuế. Với trường hợp người nộp thuế không đề nghị hoàn trả tiền thừa (khác với từ chối được hoàn trả) thì đề xuất tiếp tục được bù trừ ở các kỳ tiếp theo, tránh thiệt thòi cho DN. Điều này một phần xuất phát từ thực tiễn việc hoàn thành các thủ tục xin hoàn trả tiền thuế là còn chưa nhanh chóng với lượng thủ tục, hồ sơ tương đối còn phức tạp. DN có thể phát sinh số dư thuế lớn chưa đề nghị hoàn và số này nhiều hơn tất cả các số phải nộp tại 1 thời điểm.	
Khoản 3 Điều 15	Tập đoàn Công	Đề nghị bỏ mục b khoản 3 điều 15: <i>"3. Không hoàn trả số tiền thuế nộp thừa trong các trường</i>	Việc xử lý khoản nộp thừa quá 10 năm là phù hợp với thông lệ quốc tế. Trường hợp NNT cần bù trừ để thanh

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THỦ, GIẢI TRÌNH
	nghiệp-Viên thông quân đội	<i>hợp sau đây:</i> <i>a) Người nộp thuế từ chối nhận lại số tiền thuế nộp thừa;</i> <i>b) Số tiền thuế nộp thừa quá thời hạn 10 năm kể từ ngày nộp tiền vào ngân sách nhà nước mà người nộp thuế không bù trừ nghĩa vụ thuế và không hoàn thuế;</i> c) ..." Lí do: Mặc dù nội dung này đang giữ nguyên theo Khoản 3c – Điều 60 Luật 38 nhưng để tạo điều kiện thuận lợi hơn cho các DN, số tiền nộp thừa cần được bù trừ sang các kỳ tiếp theo trong trường hợp Doanh nghiệp hoạt động bình thường. Số tiền nộp thừa quá hạn 10 năm mà CQT không hoàn trả chi nên áp dụng cho trong trường hợp Doanh nghiệp đã dừng hoạt động.	toán nghĩa vụ thuế thì đề nghị hoàn thuế (bao gồm kiêm bù trừ thu NSNN) hoặc thực hiện qua thủ tục xử lý bù trừ. CQ quản lý thuế cung cấp thông tin nghĩa vụ thuế cho NNT để rà soát, theo dõi; nếu có các khoản nộp thừa, NNT cần rà soát để xử lý, nhằm tận dụng tối ưu nguồn tài chính cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của chính NNT.
Điều 15	Đoàn ĐBQH tỉnh Nghệ An	Về xử lý số tiền thuế nộp thừa (Điều 15) Tại khoản 1, đề nghị bỏ cụm từ “theo mã định danh khoản phải nộp” để đơn giản thủ tục hành chính cho người nộp thuế, đồng thời bổ sung thêm nội dung để tháo gỡ vướng mắc trong quá trình hoàn thuế (nhiều trường hợp có số thuế GTGT đã nộp ở địa bàn nơi có công trình sau khi bù trừ với số thuế GTGT phải nộp tại trụ sở chính còn thừa. Tại trụ sở chính, hiển thị số nộp thừa từ các công trình ngoại tỉnh. Tuy nhiên số tiền thuế người nộp thuế đã nộp tại KBNN nơi có công trình, không phải nộp tại KBNN nơi người nộp thuế có trụ sở chính. Từ đó gây vướng mắc trong việc thủ tục hoàn thuế), cụ thể viết lại như sau: <i>“1. Người nộp thuế có số tiền thuế nộp thừa được bù trừ số tiền thuế nộp thừa với số tiền thuế phải nộp hoặc được đề nghị hoàn trả số tiền thuế nộp thừa. Riêng trường hợp người nộp thuế đã nộp thuế GTGT nơi có công trình xây</i>	Việc sử dụng cụm từ “theo mã định danh khoản phải nộp” để đảm bảo thống nhất nguyên tắc về nộp thuế (tại dự thảo Điều 14) và tính chính xác của nghĩa vụ thuế (giải quyết các vướng mắc hiện hành khi NNT sử dụng thông tin bù trừ định danh nhưng CQT lại xử lý theo thứ tự thanh toán theo quy định của Luật Quản lý thuế) Nội dung đề xuất liên quan đến vướng mắc do thủ tục kê khai, khấu trừ thuế GTGT đối với công trình vắng lại. Luật chỉ quy định về khung, trình tự thủ tục không quy định tại Luật. Dự thảo Luật đã phân cấp giao Bộ Tài chính chi tiết Điều này và các nội dung sau: hồ sơ, thủ tục, thẩm quyền xử lý số tiền thuế nộp thừa; thời điểm xác định số tiền thuế nộp thừa.

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<i>dùng sau khi bù trừ với số thuế giá trị gia tăng phải nộp tại trụ sở chính nếu còn thừa thì chỉ được bù trừ với số phát sinh phải nộp tại trụ sở chính của các kỳ thuế tiếp theo, không được hoàn thuế (bổ sung)."</i>	
Điều 15	Tập đoàn Vingroup- Công ty CP	Điều 15, dự thảo Luật chưa quy định cụ thể về cơ chế bù trừ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa giữa các sắc thuế, giữa các tiểu mục thuế với nhau. Đồng thời tại khoản 1 Điều 15 dự thảo Luật đang quy định: <i>"1. Người nộp thuế có số tiền nộp thừa được bù trừ số tiền thuế nộp thừa với số tiền thuế phải nộp theo mã định danh khoản phải nộp hoặc được đề nghị hoàn trả số tiền thuế nộp thừa."</i> Đề xuất: - Bổ sung cơ chế cho phép bù trừ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa giữa các sắc thuế, giữa các tiểu mục thuế với nhau. Ngoài ra do quy định hiện tại đã cho phép bù trừ thu nhập hoạt động chuyển nhượng BĐS và hoạt động sản xuất kinh doanh khác, vì vậy đề nghị sửa đổi quy định về quản lý thuế liên quan cho phù hợp (không phải nộp thuế vào tiểu mục riêng với hoạt động chuyển nhượng BĐS). - Đồng thời làm rõ việc bù trừ theo mã định danh khoản phải nộp được thực hiện như thế nào. Lý do: Quy định trước đây (Khoản 1 Điều 60 Luật Quản lý thuế 2019) đã cho phép doanh nghiệp được bù trừ tiền	Việc sử dụng cụm từ "theo mã định danh khoản phải nộp" để đảm bảo thống nhất nguyên tắc về nộp thuế (tại dự thảo Điều 14) và tính chính xác của nghĩa vụ thuế (giải quyết các vướng mắc hiện hành khi NNT sử dụng thông tin bù trừ định danh nhưng CQT lại xử lý theo thứ tự thanh toán theo quy định của Luật Quản lý thuế). Việc nộp thuế vào tiểu mục riêng đối với hoạt động chuyển nhượng bất động sản thực hiện theo quy định của Luật NSNN và các văn bản hướng dẫn thi hành nên không thuộc phạm vi hướng dẫn của Luật QLT. Đối với đề xuất liên quan đến trình tự, thủ tục thực hiện bù trừ, Dự thảo Luật đã phân cấp giao Bộ Tài chính chi tiết Điều này và các nội dung sau: hồ sơ, thủ tục, thẩm quyền xử lý số tiền thuế nộp thừa; thời điểm xác định số tiền thuế nộp thừa. Cơ quan soạn thảo sẽ nghiên cứu khi xây dựng Thông tư tư hướng dẫn Luật Quản lý thuế.

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa trong các lần nộp tiếp theo. Tuy nhiên việc xử lý này chưa phản ánh đúng thực trạng, vì trong quá trình đối soát nghĩa vụ nợ với Cơ quan quản lý thuế có phát sinh nhiều khoản thuế nộp thừa từ các sắc thuế, tiểu mục khác nhau. Vì vậy đề xuất này của Chúng tôi giúp quy định bao quát hơn và tạo thuận lợi cho doanh nghiệp. Ngoài ra căn cứ khoản 6 Điều 3 Thông tư 19/2021/TT-BTC quy định mã định danh khoản phải nộp (ID) là một dãy các ký tự được tạo trên hệ thống ứng dụng QLT của ngành thuế, có tính duy nhất cho từng hồ sơ thuế hoặc khoản phải nộp của người nộp thuế. Theo đó quy định hiện tại chưa rõ việc bù trừ theo mã định danh khoản phải nộp được thực hiện như thế nào, có bù trừ giữa các sắc thuế/ tiểu mục thuế khác nhau không.	
Điều 16	Công ty TNHH kế toán và tư vấn thuế Trọng Tín	<i>Thứ năm, Điều 16 xử lý đối với việc chậm nộp tiền thuế cần bổ sung các trường hợp do sai, sót trong thời gian 05 năm đến 10 năm.</i> Tại Điều 16 chưa quy định tính tiền chậm nộp đối với trường hợp người nộp thuế tự nguyện điều chỉnh sai, sót vào kỳ phát hiện sai, sót trong thời hạn từ 05 năm đến 10 năm như đã trình bày tại mục <i>Thứ ba</i> (ý kiến về Khoản 5 Điều 12) văn bản này. Do đó, tại khoản 1 Điều 16 cần bổ sung điểm (n) đối với trường hợp tính tiền chậm nộp đối với trường hợp này để đảm bảo đồng bộ hoặc giao Chính phủ hướng dẫn như sau: <i>Điều 16. Xử lý đối với việc chậm nộp tiền thuế</i> <i>1. Các trường hợp phải nộp tiền chậm nộp bao gồm: ...</i>	Tại khoản 5 Điều 12 dự thảo Luật quy định: “5. Người nộp thuế phát hiện hồ sơ khai thuế đã nộp cho cơ quan thuế có sai, sót thì được khai bổ sung hồ sơ khai thuế trong thời hạn 05 năm kể từ ngày hết thời hạn nộp hồ sơ khai thuế của kỳ tính thuế có sai, sót nhưng trước khi cơ quan thuế, cơ quan có thẩm quyền công bố quyết định thanh tra, kiểm tra. <i>Chính phủ quy định các trường hợp được khai bổ sung sau khi cơ quan thuế, cơ quan có thẩm quyền đã công bố quyết định thanh tra, kiểm tra.</i>” Do đó, không bổ sung quy định như đề xuất của Công ty.

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<i>n) Trường hợp khác do Chính phủ quy định.</i>	
Khoản 1g Điều 16	Tập đoàn Công nghiệp-Viễn thông quân đội	Nội dung tại dự thảo: 1. Các trường hợp phải nộp tiền chậm nộp bao gồm: g) Cơ quan, tổ chức được cơ quan quản lý thuế ủy nhiệm thu thuế chậm chuyển tiền thuế và các khoản phải nộp ngân sách nhà nước của người nộp thuế vào ngân sách nhà nước thì phải nộp tiền chậm nộp đối với số tiền chậm chuyển theo quy định; Hiện nay một số Cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành thực hiện thu các khoản Phí, lệ phí từ Doanh nghiệp, sau khi trừ đi số tiền phục vụ cho hoạt động của Cơ quan đó thì phải nộp ngân sách nhà nước. Cơ quan này không phải do Cơ quan thuế Ủy nhiệm thu thuế. Ví dụ Cục Viễn thông thu Phí tần số, kho số. Đề nghị bổ sung nội dung tại khoản 1g điều 16 về trách nhiệm của 1 số cơ quan được giao nhiệm vụ quản lý các khoản thu. Nội dung cụ thể như sau: "1.g) Cơ quan, tổ chức được cơ quan quản lý thuế ủy nhiệm thu; <u>các Cơ quan, tổ chức được giao nhiệm vụ quản lý các khoản thu khác sau khi thu thuế và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước do cơ quan quản lý thuế quản lý thu mà</u> chậm chuyển tiền thuế và các khoản phải nộp ngân sách nhà nước, <u>tiền chậm nộp, tiền phạt</u> của người nộp thuế vào ngân sách nhà nước thì phải nộp tiền chậm nộp đối với số tiền chậm chuyển theo quy định." Lý do: Thiếu cơ quan chịu trách nhiệm về tiền chậm nộp đối với một số trường hợp, bao gồm cả tiền thuế và tiền chậm nộp, tiền phạt nếu có mà người nộp thuế phát sinh.	- Khoản 6, khoản 7 Điều 37 về Nhiệm vụ, trách nhiệm và quyền hạn của các cơ quan nhà nước, các cơ quan kiểm tra, giám sát trong quản lý thuế đã quy định về các khoản thu khác thuộc NSNN không do cơ quan quản lý thuế quản lý thu và trách nhiệm của Cơ quan nhà nước, tổ chức được giao thu phí, lệ phí thực hiện tổ chức thu vào ngân sách nhà nước theo quy định của Luật phí và lệ phí được áp dụng quy định về tính tiền chậm nộp, xử lý số tiền nộp thừa, hoàn trả, thực hiện các biện pháp cưỡng chế, kiểm tra, xử lý vi phạm, xử lý khiếu nại theo quy định của Luật này. - Tiếp thu bổ sung khoản 1g Điều 16 như sau: <u>Cơ quan, tổ chức được cơ quan quản lý thuế ủy nhiệm thu thuế, các cơ quan, tổ chức được giao quản lý các khoản thu thuộc ngân sách nhà nước chậm chuyển tiền thuế phải nộp của người nộp thuế và các khoản thu được giao quản lý thu vào ngân sách nhà nước thì phải nộp tiền chậm nộp đối với số tiền chậm chuyển theo quy định</u>
Khoản 1 Điều 16	Tập đoàn Công nghiệp-	Điều 16. Xử lý đối với việc chậm nộp tiền thuế 1. Các trường hợp phải nộp tiền chậm nộp bao gồm: a) Người nộp thuế chậm nộp tiền thuế và các khoản	Điều 14 Dự thảo Luật quy định NNT nộp tiền sử dụng mã định danh doanh nghiệp phải nộp, cơ quan quản lý thuế bù trừ theo mã định danh doanh nghiệp phải nộp; Dự thảo Điều 15

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	Viễn thông quân đội	<i>phải nộp ngân sách nhà nước so với thời hạn nộp thuế quy định tại Điều 14 Luật này, thời hạn gia hạn nộp thuế và các khoản thu khác ngân sách nhà nước theo quy định của Chính phủ;</i> <i>b) Người nộp thuế khai bổ sung hồ sơ khai thuế làm tăng số tiền thuế phải nộp hoặc giảm số tiền thuế đã được hoàn trả; ...</i> <i>k)...</i> <i>...</i> <i>5. Chính phủ quy định các trường hợp không tính tiền chậm nộp, chưa tính tiền chậm nộp và điều chỉnh tiền chậm nộp.</i> Dự thảo chưa quy định cụ thể trường hợp nộp thừa thì không tính tiền chậm nộp. Dự thảo có nội dung tại khoản 5 giao Chính phủ quy định các trường hợp không tính tiền chậm nộp. Do đó cần thiết Luật hóa rõ quan điểm không tính tiền chậm nộp với các trường hợp NNT còn số dư nộp thừa. Đề xuất bổ sung thêm 1 tiểu khoản tại đoạn cuối của khoản 1 điều 16 nội dung loại trừ cho trường hợp Người nộp thuế đang có số dư nộp thừa và nhiều hơn số thuế kê khai bổ sung, số thuế tăng thêm đối với kỳ khai bổ sung. Theo đó nội dung được sửa thành: "1. Các trường hợp phải nộp tiền chậm nộp bao gồm: a) Người nộp thuế chậm nộp tiền thuế ...; b) Người nộp thuế khai bổ sung hồ sơ khai thuế làm tăng số tiền thuế phải nộp hoặc giảm số tiền thuế đã được hoàn trả;... k)... l) Trường hợp Người nộp thuế đang có số dư nộp thừa nhiều hơn số thuế kê khai bổ sung, số thuế tăng thêm đối	quy định "Người nộp thuế có số tiền thuế nộp thừa được bù trừ số tiền thuế nộp thừa với số tiền thuế phải nộp theo mã định danh khoản phải nộp hoặc được đề nghị hoàn trả số tiền thuế nộp thừa", đồng thời phân cấp giao Bộ Tài chính quy định về hồ sơ, thủ tục, thẩm quyền xử lý số tiền thuế nộp thừa; thời điểm xác định số tiền thuế nộp thừa. Do đó, để đảm bảo quyền lợi của mình, NNT cần theo dõi nghĩa vụ thuế phát sinh để bù trừ số thuế nộp thừa với số thuế phải nộp. Sau khi bù trừ nếu vẫn còn khoản nợ thuế quá hạn thì việc tính tiền chậm nộp áp dụng theo điểm a khoản 1 Điều 16.

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		với kỳ khai bổ sung với các trường hợp kể trên thì không bị tính tiền chậm nộp." Lý do: "Tiền chậm nộp chỉ được tính trên số thuế thực thiếu. Trường hợp kê khai bổ sung hoặc thực hiện theo kết luận của cơ quan thanh kiểm tra nhưng số kê khai bổ sung, số tăng thêm theo kết luận thanh kiểm tra vẫn ít hơn số thuế còn thừa thì không phát sinh tiền chậm nộp."	
Khoản 2 Điều 16	Tập đoàn Công nghiệp-Viên thông quân đội	Dự thảo quy định: 2. <i>Mức tính tiền chậm nộp và thời gian tính tiền chậm nộp được quy định như sau:</i> a) <i>Mức tính tiền chậm nộp bằng 0,03%/ngày tính trên số tiền thuế và các khoản phải nộp ngân sách nhà nước chậm nộp;</i> Thực tế nhiều doanh nghiệp có số dư nộp thừa, nên số thuế khai bổ sung thêm sau khi đã bù trừ với số nộp thừa tại thời điểm nộp thuế có thể vẫn không dẫn tới Nợ thuế hoặc số nợ thuế ít hơn số khai thêm. Do vậy, việc tính tiền chậm nộp khi không nợ thực tế là không phù hợp. Đề nghị bổ sung nội dung tại khoản 2a điều 16 về trường hợp người nộp thuế có số dư nộp thừa. Nội dung cụ thể như sau: "2.a) Mức tính tiền chậm nộp bằng 0,03%/ngày tính trên số tiền thuế và các khoản phải nộp ngân sách nhà nước chậm nộp; <u>Trường hợp người nộp thuế có số dư nộp thừa tại thời điểm phải nộp thuế theo kỳ kê khai thì tiền chậm nộp được tính trên số dư nợ thực tế sau khi đã bù trừ số kê khai bổ sung và số tiền nộp thừa .</u>" Lý do: Tiền chậm nộp chỉ được tính trên số thuế nợ thực tế, trường hợp người nộp thuế không nợ thuế thì không có giá trị thuế phải tính tiền chậm nộp và cũng không có thời gian tính tiền chậm nộp (Tiền chậm nộp = Nợ thuế * 0,03%/ngày * (Ngày nộp thực tế - Ngày thời	Điều 14 Dự thảo Luật quy định NNT nộp tiền sử dụng mã định danh doanh khoản phải nộp, cơ quan quản lý thuế bù trừ theo mã định danh khoản phải nộp; Dự thảo Điều 15 quy định "Người nộp thuế có số tiền thuế nộp thừa được bù trừ số tiền thuế nộp thừa với số tiền thuế phải nộp theo mã định danh khoản phải nộp hoặc được đề nghị hoàn trả số tiền thuế nộp thừa", đồng thời phân cấp giao Bộ Tài chính quy định về hồ sơ, thủ tục, thẩm quyền xử lý số tiền thuế nộp thừa; thời điểm xác định số tiền thuế nộp thừa. Do đó, để đảm bảo quyền lợi của mình, NNT cần theo dõi nghĩa vụ thuế phát sinh để bù trừ số thuế nộp thừa với số thuế phải nộp. Sau khi bù trừ nếu vẫn còn khoản nợ thuế quá hạn thì việc tính tiền chậm nộp áp dụng theo điểm a khoản 1 Điều 16.

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		hạn phải nộp))	
Khoản 3 Điều 16	UBND tỉnh Bắc Ninh	Đề nghị sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 16 Dự thảo, như sau: <i>“3. Người nộp thuế tự xác định số tiền chậm nộp theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này và nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định. Cơ quan thuế có trách nhiệm thông báo số tiền chậm nộp cho người nộp thuế khi người nộp thuế thực hiện nộp tiền vào ngân sách nhà nước. Sau 30 ngày kể từ ngày hết thời hạn nộp thuế, người nộp thuế chưa nộp tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt thì cơ quan quản lý thuế thông báo cho người nộp thuế biết số tiền thuế, tiền phạt còn nợ và số ngày chậm nộp theo quy định.”</i>	Tiếp thu một phần hoàn thiện tại khoản 3 Điều 16 : “3. Người nộp thuế tự xác định số tiền chậm nộp theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này và nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định” và tại khoản 6 giao Bộ Tài chính quy định hồ sơ, trình tự, thủ tục, thẩm quyền xử lý đối với việc chậm nộp tiền thuế, miễn tiền chậm nộp, không tính tiền chậm nộp quy định tại Điều này. Theo đó, tại Thông tư sẽ quy định cụ thể về thời gian, trình tự, thủ tục thực hiện, việc quy định cụ thể thời gian tại luật đề phát sinh vướng mắc nếu thời gian không phù hợp thực tế.
Điều 16	Đoàn ĐBQH Khánh Hòa	2. Xử lý đối với việc chận nộp tiền thuế (Điều 16) Tại khoản 5: Chính phủ quy định các trường hợp không tính tiền chậm nộp, chưa tính tiền chậm nộp và điều chỉnh tiền chậm nộp. Kiến nghị điều chỉnh thành: Chính phủ quy định thời gian tính tiền chậm nộp, các trường hợp không tính tiền chậm nộp, chưa tính tiền chậm nộp và điều chỉnh tiền chậm nộp.	Tiếp thu. Điểm b Khoản 2 Điều 16 Dự thảo Luật đã quy định “b) Thời gian tính tiền chậm nộp thực hiện theo quy định của Chính phủ” Bổ sung khoản 6 để tổng hợp đủ các nội dung phân cấp giao Chính phủ quy định. “6. Chính phủ quy định Thời gian tính tiền chậm nộp và các trường hợp không tính tiền chậm nộp, chưa tính tiền chậm nộp và điều chỉnh tiền chậm nộp.”
Không tính tiền chậm nộp thuế đối với trường hợp nộp hồ sơ áp dụng Hiệp định tránh đánh thuế 2 lần (“DTA”)-	Tập đoàn Vingroup- Công ty CP	Khoản 5 Điều 16 dự thảo luật chưa quy định cụ thể về các trường hợp không tính tiền chậm nộp thuế Đề xuất: Bổ sung quy định về việc không tính tiền chậm nộp trong giai đoạn chờ Thông báo của cơ quan thuế về việc thỏa mãn áp dụng DTA và Điều ước quốc tế.	Do định hướng xây dựng Luật khung, tăng cường phân cấp, phân quyền. Theo đó, khoản 5 Điều 16 dự thảo Luật được hoàn thiện theo hướng phân cấp giao Chính phủ quy định: <i>“5. Chính phủ quy định các trường hợp không tính tiền chậm nộp, chưa tính tiền chậm nộp và điều chỉnh</i>

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
Khoản 5 Điều 16		Lý do: Theo quy định, trong thời hạn 15 ngày trước thời hạn khai và nộp thuế, người nộp thuế nộp hồ sơ đề nghị miễn giảm thuế do áp dụng DTA. Sau khi nộp hồ sơ đề nghị áp dụng hiệp định thì kê khai nghĩa vụ thuế do áp dụng hiệp định bằng 0 (hoặc số thuế sau khi được giảm). Tuy nhiên trên hệ thống của cơ quan thuế vẫn treo nghĩa vụ thuế là một khoản nợ và thông báo nợ đến doanh nghiệp. Sau khi kiểm tra hồ sơ và thông báo việc người nộp thuế thuộc hoặc không thuộc diện miễn giảm thuế, nếu không thuộc diện miễn giảm thuế theo hiệp định thì phải nộp tiền thuế và tiền chậm nộp. Vì vậy đề xuất của Chúng tôi giúp đảm bảo quyền lợi của người nộp thuế và đảm bảo việc đẩy nhanh quá trình xử lý.	<i>tiền chậm nộp."</i>
điểm a, khoản 2, Điều 16	Bộ Công An	- Đề nghị nghiên cứu không quy định mức % phạt chậm nộp cố định trong Luật (điểm a, khoản 2, Điều 16) mà giao Chính phủ quy định cụ thể nội dung này cho phù hợp với thực tiễn trong từng thời điểm cụ thể (thực tế hiện nay mức phạt chậm nộp chênh lệch với lãi suất ngân hàng nên có hiện tượng doanh nghiệp chấp nhận bị phạt chậm nộp để dùng tiền thuế vào hoạt động khác có lợi hơn.	Do việc tính tiền chậm nộp liên quan đến xác định khoản phải nộp ngân sách nhà nước, do đó để ở Luật để phù hợp về thẩm quyền.
Hoàn thành nghĩa vụ thuế trước khi chuyển nhượng dự án đầu tư (Điểm g khoản 1 Điều 17)	Tập đoàn Vingroup- Công ty CP	Điểm g khoản 1 Điều 17 Dự thảo Luật đang quy định: <i>"1. Hoàn thành nghĩa vụ thuế trong trường hợp giải thể, phá sản, chấm dứt hoạt động, không còn hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký</i> ... <i>g) Người nộp thuế chuyển nhượng dự án đầu tư có trách nhiệm hoàn thành nghĩa vụ thuế liên quan đến dự án đầu tư trước khi chuyển nhượng."</i>	Tại khoản 7 Điều 17 dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung theo hướng: <i>"Người nộp thuế chuyển nhượng dự án đầu tư có trách nhiệm hoàn thành nghĩa vụ thuế trước khi chuyển nhượng hoặc tổ chức nhận chuyển nhượng chịu trách nhiệm kế thừa toàn bộ nghĩa vụ nộp thuế liên quan đến dự án đầu tư sau khi chuyển nhượng theo quy định của Chính phủ."</i> Theo đó, khi xây dựng Nghị định quy định chi tiết

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		Đề xuất: Bãi bỏ quy định này hoặc trường hợp không bãi bỏ thì cần làm rõ về hoàn thành nghĩa vụ thuế trong trường hợp NNT chuyên nhượng dự án đầu tư là bao gồm những sắc thuế gì, thủ tục và trình tự để xác nhận việc hoàn thành nghĩa vụ thuế này được thực hiện như thế nào. Lý do: Nội dung quy định như hiện tại có thể bị coi là bổ sung thêm một điều kiện ràng buộc (phải hoàn thành nghĩa vụ thuế) trước khi chuyển nhượng dự án đầu tư; trong khi tại các Luật chuyên ngành như Luật đầu tư, Luật Đất đai, Luật kinh doanh bất động sản, v.v. đã có những quy định rất rõ ràng về điều kiện, thủ tục được phép chuyển nhượng dự án đầu tư. Ngoài ra quy định tại dự thảo luật cũng đang chưa thật sự rõ ràng, quy định hướng dẫn việc hoàn thành nghĩa vụ thuế trong trường hợp giải thể, phá sản, chấm dứt hoạt động, v.v. nhưng lại quy định người nộp thuế hoàn thành nghĩa vụ liên quan đến dự án trước khi chuyển nhượng dự án đầu tư (theo quy định, doanh nghiệp thực hiện việc chuyển nhượng dự án trong năm nhưng đến cuối năm mới phải quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp), từ đó càng làm tăng thêm gánh nặng và ách tắc cho các DN trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh.	Luật Quản lý thuế, cơ quan soạn thảo sẽ nghiên cứu, quy định chi tiết để phù hợp với từng sắc thuế, từng trường hợp.
Khoản 1 Điều 17	UBND tỉnh Bắc Ninh	Đề nghị sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 17 Dự thảo, như sau: <i>“1. Người nộp thuế phải hoàn thành nghĩa vụ thuế trong trường hợp giải thể, phá sản, chấm dứt hoạt động, không còn hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký”.</i>	Tiếp thu hoàn thiện tại khoản 1 Điều 17
Điều 17	UBND tỉnh Quảng	Đề nghị bổ sung tại Điều 17 dự thảo về Hoàn thành nghĩa vụ thuế - Bổ sung một trường hợp cụ thể về hoàn thành nghĩa	Khoản 7 Điều 17 Dự thảo Luật, cơ quan soạn thảo đã hoàn thiện dự thảo theo hướng phân cấp giao Chính phủ quy định về kế thừa nghĩa vụ nộp thuế: “7. Người nộp

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	Ninh	vụ thuế trước khi chuyển nhượng bất động sản của dự án đầu tư. Lý do: Thực tế nhiều dự án bán bất động sản (đất nền) cho người dân nhưng vẫn còn nợ thuế vì vậy người nộp thuế phải có trách nhiệm hoàn thành các nghĩa vụ thuế trong trường hợp chuyển nhượng bất động sản của dự án đầu tư cho tổ chức, cá nhân, để đảm bảo nghĩa vụ thuế được thực hiện đầy đủ trước khi chuyển giao tài sản.	<i>thuế chuyên nhượng dự án đầu tư có trách nhiệm hoàn thành nghĩa vụ thuế trước khi chuyển nhượng hoặc tổ chức nhận chuyển nhượng chịu trách nhiệm kế thừa toàn bộ nghĩa vụ nộp thuế liên quan đến dự án đầu tư sau khi chuyển nhượng theo quy định của Chính phủ.</i> Do đó, bất động sản thuộc dự án đầu tư thực hiện theo quy định tương ứng với chuyển nhượng dự án đầu tư theo quy định của Chính phủ.
Khoản 4 Điều 17	Tập đoàn Công nghiệp-Viên thông quân đội	Đề nghị bổ sung thêm vào cuối khoản 4 điều 17 nội dung cho phép chuyển tiếp các quyền và nghĩa vụ của NNT đối với NSNN để tạo điều kiện hơn cho DN, không làm gián đoạn quá trình hoạt động SXKD bình thường khi có nhu cầu chính đáng về chuyển địa điểm kinh doanh. Nội dung cụ thể như sau: <i>"4. Người nộp thuế có trách nhiệm hoàn thành nghĩa vụ thuế trong trường hợp thay đổi địa chỉ trụ sở dẫn đến thay đổi cơ quan thuế quản lý, trừ trường hợp do thay đổi địa giới hành chính theo quy định của pháp luật.</i> <i><u>Trường hợp người nộp thuế có nhu cầu chuyển địa điểm để phát triển hoạt động SXKD nhưng chưa thể hoàn thành nghĩa vụ nộp đủ số tiền thuế và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước hoặc chưa hoàn thành thủ tục đề nghị hoàn trả số tiền thuế, các khoản thu khác với cơ quan quản lý thuế cũ thì các nghĩa vụ phải nộp, số tiền chưa được hoàn trả sẽ được chuyển tiếp sang cơ quan quản lý thuế mới.</u></i> Lý do: Nợ thuế cũng như các khoản nợ khác của Doanh nghiệp. CQT với hệ thống quản lý thuế tự động và liên thông, hoàn toàn có thể thực hiện chuyển tiếp dữ liệu công nợ giữa các CQT quản lý. Trường hợp nợ thuế thì đã có chế tài tính tiền chậm nộp. Trường hợp Doanh nghiệp có	Dự thảo khoản 5 Điều 17 đã quy định về trách nhiệm NNT phải hoàn thành nghĩa vụ thuế khi thay đổi địa chỉ trụ sở nhằm đảm bảo quy định về dự toán thu và nhiệm vụ thu của Luật NSNN trên địa bàn.

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		như cầu chuyển địa điểm các khoản công nợ nên được chuyển tiếp nguyên trạng, tránh trường hợp vì chưa hoàn thành các nghĩa vụ với ngân sách nhà nước hoặc còn số thuế nộp thừa DN phải chờ hoàn thành xong mới được chuyển địa điểm, từ đó ảnh hưởng đến hoạt động liên tục của DN	
Điều 17	Công ty TNHH kế toán và tư vấn thuế Trọng Tín	Thứ sáu, Hoàn thành nghĩa vụ thuế quy định tại Điều 17 Dự thảo Luật quản lý thuế cần bổ sung kể thừa nghĩa vụ thuế trong trường hợp chưa thực hiện kiểm tra, quyết toán thuế khi giải thể đủ điều kiện giải thể tại cơ quan đăng ký kinh doanh Như nội dung Thứ ba Mục 1 văn bản kiến nghị của Trọng Tín ngày 26.08/2025/CV TT ngày 26/08/2025 gửi các đơn vị có liên quan về giải pháp tháo gỡ điểm nghẽn kiểm tra, quyết toán khi giải thể doanh nghiệp có nêu: <i>“Hai là, Chính Phủ trình Quốc hội tiếp tục nghiên cứu các giải pháp đồng bộ trong đó Pháp luật thuế cần bổ sung quy định “bảo lưu nghĩa vụ thuế” hết thời hạn theo quy định (15 ngày) nếu cơ quan thuế chưa thực hiện nghĩa vụ kiểm tra quyết toán khi giải thể. Doanh nghiệp “đủ điều kiện nộp hồ sơ giải thể tại Cơ quan đăng ký kinh doanh” đồng thời các cổ đông, thành viên công ty chủ sở hữu liên đới chịu trách nhiệm về nghĩa vụ thuế sau khi cơ quan thuế kiểm tra (nếu có) tương ứng với phần vốn điều lệ đã góp theo quy định của pháp luật doanh nghiệp.</i> <i>Thực hiện theo phương án này ngoài việc sửa quy định tại Luật Quản lý thuế như nêu trên cần sửa đổi bổ sung về “điều kiện giải thể” tại Luật Doanh nghiệp để đảm bảo đồng bộ, thống nhất và tăng tính khả thi”.</i> Theo đó, để đồng bộ và tạo thuận lợi cho doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường cũng như giúp cho công tác quản lý vĩ mô được hiệu quả, cần thiết bổ sung Điểm g quy định	Theo quy định tại khoản 2 Điều 207 Luật Doanh nghiệp về các trường hợp và điều kiện giải thể doanh nghiệp thì: “Doanh nghiệp chỉ được giải thể khi đảm bảo thanh toán hết các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác và không trong quá trình giải quyết tranh chấp tại Tòa án và trọng tài. Người quản lý có liên quan và doanh nghiệp quy định tại điểm d khoản 1 Điều này liên đới chịu trách nhiệm về khoản nợ của doanh nghiệp.”, đồng thời khoản 5 Điều 208 Luật Doanh nghiệp có quy định thứ tự ưu tiên trong thanh toán nợ khi doanh nghiệp giải thể, trong đó có nợ thuế. Dự thảo Luật Quản lý thuế cũng đang quy định đồng bộ với Luật Doanh nghiệp.

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		bảo lưu nghĩa vụ thuế vào Điều 17 như sau: Điều 17. Hoàn thành nghĩa vụ thuế 1. Hoàn thành nghĩa vụ thuế trong trường hợp giải thể, phá sản, chấm dứt hoạt động, không còn hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký ... g) Hết thời hạn nhưng cơ quan thuế không thực hiện kiểm tra thuế khi giải thể theo quy định người nộp thuế được bảo lưu nghĩa vụ thuế và đủ điều kiện nộp hồ sơ giải thể tại Cơ quan đăng ký kinh doanh đồng thời các cổ đông, thành viên, chủ sở hữu của tổ chức kinh tế, hộ kinh doanh liên đới chịu trách nhiệm về nghĩa vụ thuế sau khi cơ quan thuế kiểm tra (nếu có) tương ứng với phần vốn điều lệ đã góp theo quy định của pháp luật doanh nghiệp.	
Khoản 3 Điều 18	UBND tỉnh Hà Tĩnh (Sở Tài chính)	Tại khoản 3 Điều 18 của Dự thảo, đề nghị cơ quan soạn thảo sửa đổi: “Điều 18. Hoàn thuế 3. Cơ quan quản lý thuế phân loại hồ sơ hoàn để hoàn thuế trước cho người nộp thuế hoặc kiểm tra trước hoàn thuế trên cơ sở áp dụng quản lý rủi ro trong hoàn thuế và các biện pháp nghiệp vụ trong giải quyết hồ sơ hoàn thuế. Quy định tại khoản này không áp dụng đối với trường hợp xử lý tiền thuế nộp thừa đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.” Lý do đề nghị: Hiện nay chưa có quy định cụ thể về khái niệm cũng như quy trình phân loại số tiền hoàn thuế, do đó cần xem xét, làm rõ để đảm bảo tính khả thi khi áp dụng.	Nội dung về chuyển số tiền có rủi ro trong quá trình giải quyết hồ sơ hoàn trước thành kiểm tra trước để khắc phục cho vướng mắc hiện hành là phải thông báo không hoàn thuế trong khi chưa xác định được đầy đủ điều kiện hoàn thuế theo quy định do chờ xác minh. Do vậy, cần thiết quy định tại Luật để có cơ sở hướng dẫn tại Nghị định và Thông tư.

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
Điều 18	Đoàn ĐBQH Khánh Hòa	Hoàn thuế (Điều 18). Tại khoản 3: Cơ quan quản lý thuế phân loại hồ sơ hoàn thuế hoặc số tiền hoàn thuế để hoàn thuế trước cho người nộp thuế hoặc kiểm tra trước hoàn thuế... . Kiến nghị xem xét lại nội dung phân loại số tiền hoàn thuế để hoàn trước hoặc kiểm tra trước hoàn vì việc trong cùng một hồ sơ đề nghị hoàn thuế nhưng lại tách số tiền ra thành hai phần là hoàn trước và kiểm tra trước hoàn có thể gây khó khăn cho việc xử lý hồ sơ hoàn thuế; hoặc có trường hợp số tiền không đủ điều kiện hoàn trước rất nhỏ mà lại phải ban hành quyết định kiểm tra trước hoàn thuế đối với phần tiền này thì cũng không hợp lý. Hiện tại trường hợp người nộp thuế đề nghị hoàn thuế và hồ sơ được phân loại hoàn thuế trước nhưng nếu trong số tiền đề nghị hoàn có một phần chưa đủ điều kiện hoặc cần xem xét lại thì Cơ quan thuế vẫn có thể hoàn thuế trước đối với phần tiền đủ điều kiện và thông báo không hoàn thuế đối với phần chưa đủ điều kiện hoặc cần xem xét kỹ hơn.	Nội dung về chuyển số tiền có rủi ro trong quá trình giải quyết hồ sơ hoàn trước thành kiểm trước để khắc phục cho vướng mắc hiện hành là phải thông báo không hoàn thuế trong khi chưa xác định được đầy đủ điều kiện hoàn thuế theo quy định do chờ xác minh. Do vậy, cần thiết quy định tại Luật để có cơ sở hướng dẫn tại Nghị định và Thông tư.
Điều 19	Đoàn ĐBQH tỉnh Điện Biên	- Tại khoản 4: Đề nghị bổ sung nội dung Chính phủ quy định trường hợp “không thu thuế” để đảm bảo đầy đủ. Viết lại khoản này như sau: “4. Chính phủ quy định các nội dung: trường hợp miễn thuế, giảm thuế, không thu thuế; thời hạn tiếp nhận, giải quyết hồ sơ miễn thuế, giảm thuế, không thu thuế.” - Đề nghị cơ quan soạn thảo gộp nội dung quy định về nhiệm vụ của Bộ trưởng Bộ Tài chính tại khoản 2 và khoản 5 Điều này thành một khoản để đảm bảo ngắn gọn, thống nhất và dễ tra cứu.	Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo
Điểm d Điều 20	UBND tỉnh Quảng	Đề nghị lược bỏ điểm d Điều 20 về khoanh nợ, xóa nợ: “d) Người nộp thuế không còn hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký kinh doanh với cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ	Theo quy định tại khoản 3 Điều 20 dự thảo Luật thì các trường hợp sau khi khoanh nợ, CQT vẫn thực hiện

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	Ninh	<i>quan quản lý thuế;</i>" <i>Lý do:</i> Đây là các trường hợp có mức độ tuân thủ thuế thấp và độ rủi ro cao nên không áp dụng biện pháp khoanh nợ. Cơ quan Thuế tăng cường các biện pháp quản lý, phối hợp với các cơ quan nhà nước có liên quan để thu nợ thuế đối với nhóm đối tượng này.	các biện pháp nghiệp vụ để đôn đốc thu nợ. Theo quy định tại Nghị định 49/2025/NĐ-CP thì cá nhân kinh doanh, chủ hộ kinh doanh, cá nhân là người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã không còn hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký sẽ bị tạm hoãn xuất cảnh. Như vậy, mặc dù NNT không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký, nhưng trong thời gian khoanh nợ, CQT vẫn thực hiện đầy đủ các biện pháp để thu hồi nợ cho NSNN. Việc khoanh nợ chỉ được thực hiện trong thời gian chưa tìm được NNT hoặc chưa thu được tiền thuế nợ. Sau khi CQT đã truy tìm được thì NNT phải nộp đầy đủ cả tiền nợ gốc và tiền chậm nộp vào NSNN. Thực tế xử lý khoanh nợ theo quy định tại NQ 94/2019/QH14, Luật QLT 38/2019/QH14 thì số đối tượng không hoạt động tại địa chỉ thực hiện khoanh nợ chiếm tỷ trọng lớn, trong tổng số đối tượng khoanh nợ. Nếu bỏ quy định này, tăng áp lực cho cơ quan thuế trong việc theo dõi để tính tiền chậm nộp đối với các đối tượng này trong thời gian chưa xử lý nợ.
Khoản 1 Điều 20	UBND tỉnh Quảng Ngãi (Thuế tỉnh Quảng Ngãi)	Tại điểm e khoản 1 Điều 20 dự thảo quy định về các trường hợp được khoanh tiền thuế nợ: "<i>e. Người nộp thuế bị hạn chế trên thực tế quyền khai thác, sử dụng về đất đai, khoáng sản được cấp, được giao do nguyên nhân từ cơ quan nhà nước có thẩm quyền dẫn đến nợ nghĩa vụ tài chính về đất, khoáng sản</i>". Đề nghị tại Điều 54 dự thảo cần bổ sung quy định chuyển tiếp đối với các trường hợp NNT bị hạn chế trên thực tế quyền khai thác quy định tại điểm e, khoản 1, Điều 20	Tại khoản 2 Điều 54 Dự thảo Luật quy định về chuyển tiếp như sau: "<i>Đối với các khoản tiền thuế nợ đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2026 thì được xử lý theo quy định của Luật này, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này</i>". Quy định này đã xử lý cho cả trường hợp khoanh nợ quy định tại điểm e khoản 1 Điều 20. Nội dung cụ thể về thời gian khoanh nợ, số tiền khoanh nợ đối với trường hợp quy định tại điểm e khoản 1 Điều 20 (trong đó có nội dung hướng dẫn cho cả trường

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		trước thời điểm Luật quản lý thuế có hiệu lực để tránh vướng mắc khi áp dụng trong thực tế.	hợp NNT bị hạn chế thực tế quyền khai thác trước thời điểm Luật quản lý thuế có hiệu lực) được quy định chi tiết tại Nghị định.
Khoản 3 Điều 21	UBND tỉnh Quảng Ngãi (Thuế tỉnh Quảng Ngãi)	Tại khoản 3 Điều 21 dự thảo quy định về xóa tiền thuế nợ: <i>"3. Người nộp thuế là cá nhân, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh, chủ hộ gia đình, chủ doanh nghiệp tư nhân và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên đã được xóa tiền thuế nợ quy định tại điểm c khoản 1 Điều này trước khi quay lại sản xuất, kinh doanh hoặc thành lập cơ sở sản xuất, kinh doanh mới thì phải hoàn trả cho Nhà nước khoản tiền thuế nợ đã được xóa"</i>. Đề nghị bổ sung quy định trường hợp người nộp thuế quay lại sản xuất kinh doanh phải nộp số tiền chậm nộp phát sinh của số tiền thuế được xóa tính đến thời điểm đề nghị quay lại sản xuất kinh doanh.	Đối với trường hợp này trước khi thực hiện xóa nợ, cơ quan quản lý thuế đã áp dụng tất cả các biện pháp cưỡng chế nhưng không có khả năng thu hồi, trong đó có biện pháp thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã...nên kể từ thời điểm được xóa nợ, NNT đã không còn hoạt động, không còn nghĩa vụ thuế để cơ quan thuế theo dõi, tính tiền chậm nộp. Do đó, khi NNT quay lại hoạt động sản xuất, kinh doanh nếu tính số tiền chậm nộp trên số tiền thuế được xóa từ thời điểm NNT được xóa nợ cho đến thời điểm đề nghị quay lại sản xuất kinh doanh, dù thực tế NNT không còn hoạt động trong khoảng thời gian này là không phù hợp, không tạo điều kiện cho những NNT này quay lại hoạt động sản xuất, kinh doanh.
Khoản 2, Điều 21	Bộ Công An	- Đề nghị rà soát nội dung quy định tại khoản 2, Điều 21' để đảm bảo phù hợp với quy định của Luật phá sản liên quan đến nghĩa vụ tài chính của người nộp thuế trong trường hợp Tòa tuyên bố phá sản.	Tiếp thu hoàn thiện tại điểm d khoản 1 Điều 21 dự thảo Luật.
Điều 22	UBND tỉnh Quảng Ninh	Đề nghị bổ sung tại Điều 22 kiểm tra thuế: - Tại điểm: "a.1) Trường hợp hồ sơ thuộc diện kiểm tra trước hoàn thuế, kiểm tra sau hoàn thuế đối với hồ sơ thuộc diện hoàn thuế trước <i>theo nguyên tắc quản lý rủi ro trong quản lý thuế và trong thời hạn 5 năm kể từ ngày ban hành quyết định hoàn thuế;</i>" Lý do: Để đảm bảo việc hoàn thuế được kiểm soát	Tiếp thu hoàn thiện điểm a khoản 3 Điều 22 như sau: 3. Kiểm tra thuế tại trụ sở của người nộp thuế: a) Cơ quan thuế kiểm tra thuế trong các trường hợp sau: Trường hợp hồ sơ thuộc diện kiểm tra trước hoàn thuế; Trường hợp hồ sơ thuộc diện kiểm tra sau hoàn thuế đối với hồ sơ thuộc diện hoàn thuế trước theo

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		trong giới hạn thời gian 5 năm kể từ ngày ban hành Quyết định hoàn thuế, vì việc hoàn thuế tạo điều kiện cho người nộp thuế nhưng cũng thuộc trường hợp phải kiểm soát rủi ro để tránh sai phạm.	<i>nguyên tắc quản lý rủi ro trong quản lý thuế và trong thời hạn 05 năm kể từ ngày ban hành quyết định hoàn thuế. Trường hợp có dấu hiệu vi phạm pháp luật; Trường hợp được lựa chọn theo kế hoạch, chuyên đề; Trường hợp theo yêu cầu, đề nghị của cơ quan, người có thẩm quyền; Người nộp thuế có rủi ro cao thuộc các trường hợp: chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, phá sản, giải thể, chấm dứt hoạt động, cổ phần hóa, chấm dứt hiệu lực mã số thuế, chuyển địa điểm kinh doanh. Trường hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều này; Trường hợp kiểm tra theo yêu cầu của việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng chống tham nhũng, tiêu cực; Trường hợp hồ sơ miễn thuế, giảm thuế, không thu thuế của người nộp thuế có rủi ro cao.</i>
Điều 22	Công ty TNHH kế toán và tư vấn thuế Trọng Tín	<u>Thứ bảy, Kiểm tra tại trụ sở người nộp thuế khi chuyển trụ sở và thời hạn kiểm tra thuế theo Điều 22 về kiểm tra thuế tại Dự thảo Luật quản lý thuế</u> Công ty tán thành sự ghi nhận của Ban soạn thảo khi quy định chỉ thực hiện kiểm tra tại trụ sở khi có rủi ro cao về thuế, tuy nhiên chúng tôi cho rằng không nên quy định trường hợp kiểm tra tại trụ sở người nộp thuế tại Điểm a6 Khoản 4 Điều 22 bởi những nguyên nhân như sau: Thực tế, các cơ quan thuế địa phương áp dụng việc chuyển trụ sở phải quyết toán thuế gây khó khăn và tốn kém thời gian, chi phí cho NNT cũng như làm hao tổn nguồn lực của cơ quan thuế và xã hội. Ngoài ra, khi thực hiện kiểm tra thuế kéo dài trong khi địa điểm kinh doanh hiện tại không thuộc quyền sử dụng hợp pháp của NNT dẫn đến các khó khăn về mặt pháp lý. Quy định kiểm tra tại trụ sở người nộp thuế này cần được thực hiện khi NNT có đề nghị hoàn các loại thuế, phí, lệ phí nộp thừa theo quy định trước khi chuyển đi cơ	- Về việc kiểm tra thuế đối với NNT chuyển địa điểm kinh doanh có rủi ro cao: Việc bỏ quy định này như ý kiến của công ty sẽ tiềm ẩn lỗ hổng trong quy định của pháp luật mà các đối tượng có dấu hiệu về mua bán hóa đơn có thể lợi dụng. Cụ thể, các đối tượng này đã bị cơ quan thuế đưa vào kế hoạch, chuyên đề kiểm tra nhưng khi cơ quan thuế chưa thực hiện kiểm tra sẽ có yêu cầu chuyển địa điểm và không bị cơ quan thuế kiểm tra. Từ đó dẫn tới tiềm ẩn nguy cơ về trốn thuế, thất thoát ngân sách nhà nước. - Về thời hạn kiểm tra: Thực hiện Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19/2/2025 của Quốc hội, Kết luận số 134/KL-TW ngày 28/3/2025 của Ban Chấp hành Trung ương về việc: <i>Các cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành: Không tổ chức thanh tra chuyên ngành mà thực hiện chức năng kiểm tra chuyên ngành và chức năng khác theo quy định của pháp luật</i>, Theo đó, cơ quan thuế chỉ thực hiện kiểm tra thuế,

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		quan quản lý thuế khác theo quy định tại Khoản 4 Điều 17 Dự thảo Luật quản lý thuế. Mặt khác, Doanh nghiệp có dấu hiệu rủi ro cao về thuế hoặc có dấu hiệu vi phạm pháp luật đã được quy định tại Điểm a1 và Điểm a3 khoản 4 Điều 22 của Dự thảo Luật quản lý thuế. Do đó, theo ý kiến của chúng tôi không cần quy định nội dung này bởi lẽ người nộp thuế có chuyên trụ sở khác nhưng vẫn thuộc quyền kiểm tra, kiểm soát của cơ quan thuế và cơ quan có thẩm quyền. Trường hợp này cơ quan thuế cần phối hợp và trao đổi thông tin để thực hiện kiểm tra người nộp thuế khi cần thiết tại trụ sở mới chuyển đến hoặc thực hiện kiểm tra theo quy định tại Điểm a1 hoặc Điểm a3 Khoản 4 Điều này. Khi đó, Điểm a6 Khoản 4 Điều 22 được sửa như sau: <i>a.6) Trường hợp chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, phá sản, giải thể, chấm dứt hoạt động, cổ phần hóa, chấm dứt hiệu lực mã số thuế; chuyển địa điểm kinh doanh của người nộp thuế có rủi ro cao;</i> Công ty không tán thành với thời hạn kiểm tra thuế Dự thảo đã nêu bởi lẽ thời gian thực hiện Thanh tra nói chung và thanh tra thuế trước đây là 30 ngày, nay không thực hiện thanh thuế nhưng cho phép kéo dài và gia hạn việc kiểm tra thuế với tổng lượng thời gian dài hơn thời gian thanh tra thuế trước đây là chưa phù hợp với chủ trương cải cách thủ tục hành chính, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp đồng thời nâng cao hiệu quả, hiệu lực trong quản lý nhà nước. Ngoài ra, trước khi thực hiện kiểm tra thuế cơ quan thuế có thời gian kiểm tra tại bàn hoặc có quyền thông báo yêu cầu người nộp thuế giải trình trong thời hạn 10 ngày để xem xét, xử lý hồ sơ.	không thực hiện thanh tra thuế. Trong khi đó, đặc thù việc kiểm tra tại trụ sở người nộp thuế chủ yếu kiểm tra, rà soát, đối chiếu những tài liệu, hồ sơ liên quan, sổ sách kế toán do NNT cung cấp sau khi Đoàn kiểm tra tiến hành công bố QĐ kiểm tra; có nhiều cuộc kiểm tra có thời kỳ kiểm tra (niên độ) kéo dài nhiều năm, nội dung kiểm tra phức tạp, liên quan đến nhiều sắc thuế, nhiều NNT có chi nhánh, cơ sở tại nhiều địa bàn đòi hỏi sự phối hợp giữa các cơ quan thuế khác nhau. Trước đây, các trường hợp có nội dung phức tạp, liên quan đến nhiều doanh nghiệp trong cùng tập đoàn, có trụ sở hoạt động tại nhiều tỉnh, nhiều quốc gia... cơ quan thuế xây dựng kế hoạch thanh tra việc chấp hành pháp luật thuế. Tuy nhiên, theo quy định hiện hành, cơ quan thuế không còn được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành, cơ quan thuế gặp khó khăn về thời hạn kiểm tra đối với các trường hợp nêu trên. Do đó, cần tăng thời hạn kiểm tra như đề xuất để đảm bảo hiệu lực, hiệu quả cho hoạt động kiểm tra thuế khi không còn chức năng thanh tra thuế. Về ý kiến “<i>thực hiện Thanh tra nói chung và thanh tra thuế trước đây là 30 ngày</i>” là chưa đúng. Theo quy định của Luật Thanh tra số 11/2022/QH15, thời gian thanh tra thuế trước đây đối với cấp Cục Thuế tối đa là 45 ngày, đối với cấp Tổng cục Thuế tối đa là 75 ngày. Về ý kiến “<i>trước khi thực hiện kiểm tra thuế cơ quan thuế có thời gian kiểm tra tại bàn hoặc có quyền thông báo yêu cầu người nộp thuế giải trình trong thời hạn 10 ngày để xem xét, xử lý hồ sơ</i>” là chưa đúng đối với toàn

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		Vì vậy, theo ý kiến của chúng tôi, thời gian kiểm tra thuế là 15 ngày đối với trường hợp thông thường và 30 ngày đối với trường hợp có giao dịch liên kết cụ thể Điều 4 Khoản 4 Điều 22 được sửa như sau: <i>đ) Thời hạn kiểm tra thuế không quá 20 15 ngày làm việc, kể từ ngày công bố quyết định kiểm tra, trường hợp cần thiết thì có thể gia hạn 01 lần nhưng không quá 20 15 ngày làm việc.</i> <i>Thời hạn kiểm tra thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết không quá 40 30 ngày làm việc, trường hợp cần thiết thì có thể gia hạn 01 lần nhưng không quá 40 30 ngày làm việc, trường hợp cần thu thập, trao đổi thông tin với cơ quan thuế nước ngoài thì thời hạn kiểm tra thuế có thể kéo dài nhưng không quá 02 năm; Chính Phủ quy định chi tiết việc kiểm tra thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết.</i>	bộ các trường hợp kiểm tra tại trụ sở NNT. Cơ quan thuế chỉ chuyển từ kiểm tra tại bàn sang kiểm tra tại trụ sở NNT đối với một số NNT không giải trình, hoặc không khai bổ sung hồ sơ thuế hoặc giải trình, khai bổ sung hồ sơ thuế không đúng
Khoản 1 Điều 22	Tập đoàn Công nghiệp-Viện thông quân đội	Đề nghị bổ sung nội dung vào tiểu mục d và thêm mới một tiểu mục e vào khoản 1 điều 22 nội dung về giới hạn số lần kiểm tra chỉ 01 lần trong năm theo quy định tại Điều 4 Nghị quyết 198/2025/QH15 về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân do hoạt động kiểm tra giá GDLK là cùng nội dung quản lý với hoạt động kiểm tra thuế của CQT: "1. Nguyên tắc kiểm tra thuế: d) Không trùng lặp về nội dung, phạm vi, thời gian giữa cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước. <u>Số lần kiểm tra đối với mỗi người nộp thuế không được quá 01 lần trong năm, trừ trường hợp có dấu hiệu vi phạm rõ ràng;</u> đ) Kiểm tra... <u>e) Trong một năm nếu đã thực hiện kiểm tra giá GDLK thì không thực hiện hoạt động kiểm tra thuế khác</u>	Tại điểm c khoản 4 dự thảo Luật lấy ý kiến đã quy định về việc kiểm tra tại trụ sở của người nộp thuế không quá 01 lần trong 01 năm. Kiểm tra thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết cũng thực hiện theo nguyên tắc như kiểm tra thuế nói chung và tuân theo nguyên tắc hoạt động tại Nghị quyết 198/2025/QH15. Do đó, không cần thiết bổ sung quy định giới hạn số lần kiểm tra như ý kiến của Tập đoàn công nghiệp viện thông quân đội.

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<u>đối với DN và ngược lại, trừ trường hợp có dấu hiệu vi phạm rõ ràng."</u> Lý do: Nghị quyết 198/2025/QH15 về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân: "Điều 4. Nguyên tắc hoạt động thanh tra, kiểm tra, cấp phép, chứng nhận, cạnh tranh và tiếp cận nguồn lực đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh 1. Số lần thanh tra đối với mỗi doanh nghiệp, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh (nếu có) không được quá 01 lần trong năm, trừ trường hợp có dấu hiệu vi phạm rõ ràng. 2. Số lần kiểm tra tại doanh nghiệp, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh (nếu có), bao gồm cả kiểm tra liên ngành, không được quá 01 lần trong năm, trừ trường hợp có dấu hiệu vi phạm rõ ràng. 3. Đối với cùng một nội dung quản lý nhà nước, trường hợp đã tiến hành hoạt động thanh tra thì không thực hiện hoạt động kiểm tra hoặc đã tiến hành hoạt động kiểm tra thì không thực hiện hoạt động thanh tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh trong cùng một năm, trừ trường hợp có dấu hiệu vi phạm rõ ràng."	
Khoản 4 Điều 22	Tập đoàn Công nghiệp-Viễn thông quân đội	Về thời hạn kiểm tra thuế: Thời hạn 40 ngày làm việc tương ứng 15% thời gian làm việc 1 năm; nếu tính cả thời gian gia hạn 40 ngày là việc thì tổng 80 ngày làm việc tương ứng 30% thời gian làm việc 1 năm của DN, do đó sẽ ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động SXKD của DN. Đề nghị sửa đổi nội dung khoản 4đ điều 22 về thời hạn kiểm tra cho phù hợp hơn với quy định tại điều 47 Luật Thanh tra số 11/2022/QH15, trong đó có quy đổi lại	Trong thực tế, kiểm tra giá chuyển nhượng thường gặp nhiều khó khăn, phức tạp, dễ xảy ra tranh chấp khiếu nại, khiếu kiện do liên quan đến thuế quốc tế và bảo vệ quyền đánh thuế của các nước. Phía công ty con tại Việt Nam do chịu sự chi phối, kiểm soát từ Công ty mẹ nên vấn đề xử lý qua thanh tra, kiểm tra Công ty con báo cáo về Công ty mẹ quyết định và nhiều trường hợp các đoàn thanh tra phải chờ sắp xếp lịch làm việc đối thoại trực tiếp với Công ty con tại Việt Nam và Công ty mẹ nên thời gian thực hiện thanh tra thường kéo dài.

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		"ngày" theo đơn vị "ngày làm việc": "4. Kiểm tra thuế tại trụ sở của người nộp thuế: d) Thời hạn kiểm tra thuế không quá 20 ngày làm việc, kể từ ngày công bố quyết định kiểm tra, trường hợp cần thiết thì có thể gia hạn 01 lần nhưng không quá 20 10 ngày làm việc. Thời hạn kiểm tra thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết thực hiện như sau: - <u>Đối với người nộp thuế có hoặc là công ty mẹ tối cao của Tập đoàn là DN Việt Nam: Thời hạn kiểm tra đối với giao dịch liên kết không quá 25 ngày làm việc, trường hợp cần thiết thì có thể gia hạn 01 lần nhưng không quá 10 ngày làm việc.</u> - <u>Đối với người nộp thuế có hoặc là công ty mẹ tối cao của Tập đoàn là DN 100% vốn nước ngoài tại Việt Nam; người nộp thuế có công ty mẹ tối cao của Tập đoàn là DN ở nước ngoài:</u> Thời hạn kiểm tra đối với giao dịch liên kết không quá 40 ngày làm việc, trường hợp cần thiết thì có thể gia hạn 01 lần nhưng không quá 40 25 ngày làm việc. Trường hợp cần thu thập, trao đổi thông tin với cơ quan thuế nước ngoài thì thời hạn kiểm tra thuế có thể kéo dài nhưng không quá 02 năm. Chính Phủ quy định chi tiết việc kiểm tra thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết. Căn cứ, lý do đề xuất: Hoạt động thanh tra cũng là hoạt động phức tạp và quy mô rộng hơn nội dung kiểm tra về GDLK nên thời gian triển khai về GDLK cũng chỉ nên tối đa bằng thời gian theo Luật thanh tra. Trong đó quy định phân loại mức độ phức tạp của người nộp thuế theo 2 nhóm là DN Việt Nam và DN FDI hoặc có thể chia theo mức độ quy mô phát sinh GDLK để áp dụng tương ứng mức thanh tra cấp Sở/huyện	Vì vậy để đảm bảo việc kiểm tra đối với doanh nghiệp giao dịch có liên kết đạt hiệu quả, đồng thời không gây ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, dự thảo Luật quy định thời gian kiểm tra đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết tại Cơ quan thuế (bao gồm cả cấp Cục và cấp Chi cục Thuế) kéo dài hơn so với thời gian kiểm tra thông thường để phù hợp với đặc thù của kiểm tra giao dịch liên kết.

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		và thanh tra cấp Bộ/Cục. Viettel đề xuất phân loại theo loại hình DN. Lí do: DN có hoặc là Công ty mẹ tối cao của Tập đoàn là DN Việt Nam đã thực hiện theo các chính sách pháp luật Việt Nam, thường có quy mô hoạt động GDLK không quá lớn, không phức tạp và ít rủi ro hơn DN FDI nên có thể áp dụng thời gian kiểm tra tương đương cuộc thanh tra của Sở/Huyện. Với DN có Công ty mẹ tại nước ngoài sẽ phức tạp và khó khăn hơn nhiều trong việc xác định các nghĩa vụ thuế nên có thể áp dụng tương đương cuộc thanh tra cấp Bộ. Quy định của Luật Thanh tra số 11/2022/QH15: <i>"Điều 47. Thời hạn thanh tra</i> <i>1. Thời hạn thực hiện một cuộc thanh tra được quy định như sau:</i> <i>a) Cuộc thanh tra do Thanh tra Chính phủ tiến hành không quá 60 ngày; trường hợp phức tạp thì có thể gia hạn một lần không quá 30 ngày; trường hợp đặc biệt phức tạp thì có thể gia hạn lần thứ hai không quá 30 ngày;</i> <i>b) Cuộc thanh tra do Thanh tra Bộ, Thanh tra Tổng cục, Cục, Thanh tra tỉnh tiến hành không quá 45 ngày; trường hợp phức tạp thì có thể gia hạn một lần không quá 30 ngày;</i> <i>c) Cuộc thanh tra do Thanh tra sở, Thanh tra huyện tiến hành không quá 30 ngày; trường hợp phức tạp hoặc ở miền núi, ... thì có thể gia hạn một lần không quá 15 ngày."</i>	
Khoản 3 Điều 22	UBND TP HCM	Tại Khoản 3 Điều 22 <i>"3. Kiểm tra thuế tại trụ sở của cơ quan quản lý thuế:</i> <i>a) Kiểm tra được thực hiện trên cơ sở hồ sơ thuế, dữ liệu hóa đơn điện tử của người nộp thuế; cơ quan hải quan kiểm tra thực tế hàng hóa xuất khẩu, hàng hóa nhập khẩu</i>	Việc kiểm tra tại trụ sở CQT là công việc thường xuyên liên tục của CQT. 100% hồ sơ khai thuế được cơ quan thuế rà soát, cơ bản các sắc thuế lớn như GTGT, TNDN, TTĐB, hóa đơn đã có ứng dụng hỗ trợ rà soát 100%, như ứng dụng TPR, ứng dụng Hóa đơn điện tử, ứng dụng hỗ trợ Kiểm tra tại bàn, còn các sắc thuế khác

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<i>trong trường hợp cần thiết và còn đủ điều kiện;</i> <i>b) Cơ quan quản lý thuế có quyền yêu cầu người nộp thuế giải trình, bổ sung thông tin, tài liệu; ban hành Quyết định ấn định thuế, xử lý vi phạm về thuế, hoặc chuyển sang kiểm tra tại trụ sở người nộp thuế."</i> <i>Đề xuất sửa đổi, bổ sung:</i> <i>"3. Kiểm tra thuế tại trụ sở của cơ quan quản lý thuế:</i> <i>a) Kiểm tra được thực hiện trên cơ sở hồ sơ thuế, dữ liệu hóa đơn điện tử của người nộp thuế; cơ quan hải quan kiểm tra thực tế hàng hóa xuất khẩu, hàng hóa nhập khẩu trong trường hợp cần thiết và còn đủ điều kiện;</i> <i>Trường hợp cơ quan quản lý thực hiện kiểm tra rà soát trên cơ sở dữ liệu của cơ quan quản lý thuế, dữ liệu hóa đơn điện tử của người nộp thuế có nội dung cần làm rõ thì cơ quan quản lý thuế trao đổi thông tin với người nộp thuế để người nộp thuế giải trình. Trường hợp người nộp thuế phát hiện hồ sơ khai thuế có sai sót thì thực hiện điều chỉnh bổ sung theo quy định, trường hợp cơ quan thuế có đủ cơ sở thì thực hiện ban hành Quyết định kiểm tra tại trụ sở cơ quan thuế, ban hành Quyết định ấn định thuế theo điểm b khoản này hoặc chuyển kiểm tra tại trụ sở người nộp thuế.</i> <i>b) Trường hợp sau khi rà soát cần thực hiện kiểm tra theo quyết định tại trụ sở cơ quan quản lý thuế, việc kiểm tra được thực hiện trên cơ sở hồ sơ thuế, cơ sở dữ liệu của cơ quan quản lý thuế, dữ liệu hóa đơn điện tử của người nộp thuế theo sổ sách, chứng từ, hồ sơ tài liệu người nộp thuế cung cấp, giải trình với cơ quan quản lý thuế.</i>	đang được cơ quan thuế xây dựng. Tính riêng cho ứng dụng TPR thì Khi có rủi ro cao (Khoản 250 nghìn DN rủi ro cao sẽ được chọn trên ứng dụng TPR), trong đó được ưu tiên chọn lập kế hoạch, chuyên đề kiểm tra tại trụ sở NNT khoảng 70 nghìn; 180 nghìn còn lại sẽ được lấy 50% vào danh sách rà soát, kiểm tra tại trụ sở CQT khoảng 90 nghìn. Trong 90 nghìn này chỉ cần 50% qua rà soát hồ sơ cần yêu cầu giải trình thì NNT phải ban hành quyết định kiểm tra tại trụ sở CQT ít nhất cũng phải là 45 nghìn trong trường hợp chỉ có 01 hồ sơ thuế phải giải trình. Con số này có thể lớn hơn nhiều khi mỗi người nộp thuế có nhiều hồ sơ thuế (12 tờ khai GTGT, 01 BCTC). Đây mới chỉ là số liệu của một ứng dụng TPR, trong khi đó hiện nay còn có các ứng dụng kiểm tra hồ sơ hoàn thuế, ứng dụng hóa đơn điện tử, ứng dụng hỗ trợ kiểm tra tại trụ sở CQT đối với thuế GTGT, TNDN, TTDB và còn người nộp thuế là cá nhân, hộ kinh doanh chưa có trong số này. Như vậy nếu áp dụng ban hành quyết định kiểm tra thuế tại trụ sở CQT thì số lượng Quyết định sẽ rất lớn. Mặt khác do là quyết định lên sẽ tăng trình tự thủ tục, tính pháp lý, trong khi đó việc kiểm tra tại trụ sở CQT bị hạn chế về việc tiếp cận thông tin, tài liệu từ NNT, nếu yêu cầu cung cấp hết thì số lượng hồ sơ sẽ rất lớn lúc đó là gây phiền hà cho NNT. Nếu không tiếp cận được thông tin, tài liệu thì rủi ro cho cán bộ kiểm tra tại trụ sở CQT. Thực tế hiện nay, trường hợp khi kiểm tra tại trụ sở CQT có phát sinh rủi ro cao mà NNT ko giải trình được hoặc ko phối hợp cung cấp thông tin, giải trình thì chuyển sang ktra tại trụ sở NNT. Khi đó Đoàn kiểm tra sẽ có đầy đủ thẩm quyền để thực hiện ktra và được quyền tiếp cận

VẤN ĐỀ, ĐIỀU; KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<i>c) Cơ quan quản lý thuế có quyền yêu cầu người nộp thuế giải trình, bổ sung thông tin, tài liệu; ban hành Quyết định kiểm tra, Quyết định ấn định thuế, xử lý vi phạm về thuế, hoặc chuyển sang kiểm tra tại trụ sở người nộp thuế."</i> Lý do: để phù hợp với xu thế chuyển đổi số ngành Thuế hiện nay, toàn ngành Thuế đang đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin, ứng dụng trí tuệ nhân tạo, phân tích dữ liệu lớn để hiện đại hóa công tác quản lý thuế. Trong đó, kiểm tra thuế tại trụ sở cơ quan thuế là một phương thức kiểm tra hiện đại, tận dụng tối đa dữ liệu điện tử để rà soát, xác minh rủi ro mà không làm phát sinh chi phí xã hội lớn. Điều này không chỉ nâng cao tính công khai, minh bạch, mà còn giúp cơ quan thuế chủ động kiểm tra, xử lý kịp thời, tránh tình trạng "phát hiện sai phạm nhưng không đủ điều kiện kiểm tra tại trụ sở NNT" để xử lý Vì vậy, đề xuất ban hành Quyết định kiểm tra khi thực hiện kiểm tra tại trụ sở cơ quan thuế để chuẩn hóa quy trình pháp lý, làm rõ trách nhiệm, quyền hạn của cơ quan thuế và quyền được biết, được giải trình của người nộp thuế về phạm vi, nội dung, thời gian kiểm tra. Đây cũng là cơ sở pháp lý quan trọng để lập biên bản, xử phạt vi phạm hành chính hoặc điều chỉnh nghĩa vụ thuế kịp thời, đúng quy định. Bên cạnh đó, kiểm tra tại trụ sở cơ quan thuế còn bảo vệ cán bộ thuế, giảm rủi ro xung đột tại cơ sở. Khi tiến hành kiểm tra trực tiếp tại trụ sở doanh nghiệp, cán bộ thuế có thể đối mặt với những tình huống bị đe dọa, cản trở, gây áp lực, chống đối, nhất là với các trường hợp doanh nghiệp vi phạm nặng, sử dụng hóa đơn không, bỏ trốn	đầy đủ thông tin.

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		nghĩa vụ thuế. Do vậy, việc quy định bắt buộc ban hành quyết định kiểm tra, kèm quy trình nghiệp vụ chặt chẽ, công khai rõ phạm vi, nội dung, thời gian kiểm tra, không chỉ bảo vệ quyền lợi người nộp thuế mà còn bảo vệ tính pháp lý, an toàn cho cán bộ thuế khi thực thi công vụ.	
Điều 22	Đoàn ĐBQH Khánh Hòa	Kiểm tra thuế (Điều 22) Tại điểm a, khoản 9: a1) Có vi phạm nghiêm trọng về thẩm quyền ban hành quyết định kiểm tra, trình tự, thủ tục trong quá trình kiểm tra. Kiến nghị điều chỉnh thành: Có sai phạm về thẩm quyền ban hành quyết định kiểm tra, trình tự, thủ tục trong quá trình kiểm tra. a.4) Người ra quyết định kiểm tra, trưởng đoàn kiểm tra, thành viên đoàn kiểm tra cố ý làm sai lệch hồ sơ vụ việc hoặc cố ý kết luận, xử lý vi phạm hành chính về thuế trái pháp luật. Kiến nghị điều chỉnh thành: Người ra quyết định kiểm tra, trưởng đoàn kiểm tra, thành viên đoàn kiểm tra cố ý làm sai lệch hồ sơ vụ việc hoặc cố ý kết luận, xử lý vi phạm hành chính về thuế không đúng quy định của pháp luật. a.5) Có dấu hiệu vi phạm pháp luật nhẹ của người nộp thuế chưa được phát hiện đầy đủ qua kiểm tra. Kiến nghị điều chỉnh thành: Có dấu hiệu vi phạm pháp luật nhẹ của người nộp thuế chưa được phát hiện đầy đủ qua kiểm tra.	Do các kiến nghị chưa nêu được vướng mắc dẫn đến cần sửa đổi quy định đồng thời tiếp thu ý kiến bộ ngành, tổ chức, cơ quan soạn thảo đã hoàn thiện theo hướng tổng quát, thu gọn trường hợp kiểm tra lại để hạn chế trường hợp kiểm tra tại trụ sở NNT khi không cần thiết, cụ thể: <i>“a) Các trường hợp kiểm tra lại:</i> <i>Trường hợp có bằng chứng, căn cứ vi phạm trong việc áp dụng pháp luật khi xử lý vi phạm hành chính về thuế; kết luận kiểm tra thuế; dấu hiệu vi phạm pháp luật của người nộp thuế chưa được phát hiện đầy đủ qua kiểm tra.</i>
Điểm a.6 Khoản	UBND TP	1. Tại Điểm a.6 Khoản 4 Điều 22 về kiểm tra thuế	Tiếp thu hoàn thiện tại Khoản 3 Điều 22

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
4 Điều 22	HCM	tại trụ sở của người nộp thuế: <i>“a.6) Trường hợp chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, phá sản, giải thể, chấm dứt hoạt động, cổ phần hóa, chấm dứt hiệu lực mã số thuế, chuyển địa điểm kinh doanh của người nộp thuế có rủi ro cao;”</i> Đề xuất sửa đổi, bổ sung: <i>“a.6) Trường hợp chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, phá sản, giải thể, chấm dứt hoạt động của người nộp thuế có rủi ro cao; cổ phần hóa, chấm dứt hiệu lực mã số thuế, chuyển địa điểm kinh doanh của người nộp thuế có rủi ro cao.</i> Đề xuất bổ sung: Làm rõ hơn trường hợp kiểm tra tại trụ sở người nộp thuế khi người nộp thuế giải thể, chấm dứt hoạt động chỉ thực hiện đối với doanh nghiệp lớn; doanh nghiệp có rủi ro cao, còn đối với doanh nghiệp có rủi ro thấp, doanh nghiệp không sử dụng hóa đơn, chứng từ điện tử đăng ký với cơ quan thuế, không phát sinh doanh thu thì sẽ được kiểm tra tại trụ sở cơ quan thuế. Lý do: vì hiện nay số lượng doanh nghiệp thực hiện giải thể rất lớn, dẫn đến khối lượng công việc kiểm tra giải thể rất nhiều trong khi lực lượng kiểm tra lại mỏng, vì vậy cần bổ sung quy định kiểm tra tại trụ sở cơ quan thuế đối với doanh nghiệp có rủi ro cao để đẩy nhanh thủ tục hành chính và tránh tình trạng tồn đọng hồ sơ đề nghị giải thể tại cơ quan thuế do lực lượng nhân sự mỏng.	
Điều 22	Đoàn ĐBQH tỉnh Nghệ	Về kiểm tra thuế (Điều 22) - Tại điểm c khoản 6, đề nghị bổ sung cụm từ “trong thời hạn quy định của pháp luật” để tránh trường hợp người	- Về ý kiến 1: Tiếp thu, bổ sung: “c) Ký biên bản kiểm tra thuế trong thời hạn quy định của pháp luật;”

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	An	nộp thuế chây ỳ, kéo dài thời gian làm ảnh hưởng đến việc thực hiện quy trình kiểm tra của Đoàn kiểm tra, cụ thể viết lại như sau: <i>“c) Ký biên bản kiểm tra thuế trong thời hạn quy định của pháp luật;”</i> - Tại điểm a khoản 7, đề xuất bổ sung các quyền hạn cho cơ quan thuế nhằm nâng cao hiệu quả kiểm tra: <i>“a.5)... Ban hành Quyết định kiểm kê tài sản liên quan đến nội dung kiểm tra của người nộp thuế trong trường hợp cần thiết.</i> <i>a.6)... Yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có thông tin, tài liệu liên quan đến nội dung kiểm tra cung cấp thông tin, tài liệu đó.</i>	- Về ý kiến 2: Cơ quan soạn thảo xin giữ nguyên nội dung dự thảo do kiểm kê tài sản chỉ là một biện pháp nghiệp vụ khi kiểm tra. - Về ý kiến 2: Cơ quan soạn thảo xin giữ nguyên nội dung dự thảo do việc yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có thông tin, tài liệu đã được quy định chung về trách nhiệm của cơ quan, tổ chức có liên quan trong việc cung cấp TTTL và khi có dấu hiệu trốn thuế.
Điều 22	Đoàn ĐBQH tỉnh Điện Biên	Tại khoản 2 Điều 4 dự thảo Luật quy định: <i>“2. Cơ quan quản lý thuế bao gồm:</i> <i>a) Cơ quan Thuế bao gồm Cục Thuế và cơ quan thuế thuộc Cục Thuế; Thuế tỉnh, thành phố; Thuế cơ sở;</i> <i>b) Cơ quan Hải quan bao gồm Cục Hải quan và cơ quan hải quan thuộc Cục Hải quan; Chi cục Hải quan khu vực và cơ quan hải quan thuộc Chi cục Hải quan khu vực; Hải quan cửa khẩu, ngoài cửa khẩu.”</i> Tại điểm b khoản 9 Điều 22 dự thảo Luật quy định về Thẩm quyền kiểm tra lại như sau: <i>“Cơ quan quản lý thuế cấp trên thực hiện kiểm tra lại vụ việc đã được cơ quan quản lý thuế cấp dưới kết luận, xử lý vi phạm hành chính về thuế nhưng phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật;”</i>	Tiếp thu. Theo đó sửa tại dự thảo Luật thành: <i>“Cơ quan quản lý thuế cấp trên thực hiện kiểm tra lại vụ việc đã được cơ quan quản lý thuế cấp dưới kết luận, xử lý vi phạm hành chính về thuế nhưng phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật; đối với kết luận, Quyết định xử lý vi phạm hành chính về thuế của Cục Thuế, Cục Hải quan thì báo cáo Bộ Tài chính xem xét, quyết định”</i>

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		Quy định này về cơ bản phù hợp với nguyên tắc phân cấp trong hệ thống cơ quan thuế. Tuy nhiên, trên thực tế phát sinh trường hợp Cục Thuế hoặc Cục Hải quan là cơ quan kiểm tra lần đầu. Cơ quan cấp trên trực tiếp của Cục Thuế và Cục Hải quan là Bộ Tài chính, nhưng dự thảo hiện nay chỉ quy định thẩm quyền kiểm tra lại thuộc về cơ quan quản lý thuế (không bao gồm Bộ Tài chính). Như vậy, sẽ phát sinh khoảng trống pháp lý, bởi trong trường hợp Cục Thuế hoặc Cục Hải quan là cơ quan kiểm tra lần đầu sẽ không xác định được cơ quan nào có thẩm quyền kiểm tra lại. Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, giải trình rõ đối với trường hợp này để tránh khoảng trống pháp lý, bảo đảm hệ thống pháp luật về quản lý thuế đầy đủ, thống nhất, khả thi trong thực tiễn áp dụng.	
Điều 22	UBND TP Hải Phòng (Thuế TP Hải Phòng)	4. Điều 22. Kiểm tra thuế <i>“Điều 22. Kiểm tra thuế</i> <i>9. Kiểm tra lại trong hoạt động kiểm tra thuế:</i> <i>a) Các trường hợp kiểm tra lại:</i> <i>a.1) Có vi phạm nghiêm trọng về thẩm quyền ban hành quyết định kiểm tra, trình tự, thủ tục trong quá trình tiến hành kiểm tra;</i> <i>a.2) Có sai lầm trong việc áp dụng pháp luật khi xử lý vi phạm hành chính về thuế, kết luận kiểm tra;</i> <i>a.3) Nội dung kết luận, xử lý vi phạm hành chính về thuế không phù hợp với những chứng cứ thu thập được trong quá trình kiểm tra;</i> <i>a.4) Người ra quyết định kiểm tra, trưởng đoàn kiểm tra, thành viên đoàn kiểm tra cố ý làm sai lệch hồ sơ vụ việc hoặc cố ý kết luận, xử lý vi phạm hành chính về thuế trái pháp luật;</i>	Cơ quan soạn thảo đã hoàn thiện dự thảo theo hướng tổng quát, thu gọn trường hợp kiểm tra lại để hạn chế trường hợp kiểm tra tại trụ sở NNT khi không cần thiết, cụ thể: <i>“a) Các trường hợp kiểm tra lại:</i> <i>Trường hợp có bằng chứng, căn cứ vi phạm trong việc áp dụng pháp luật khi xử lý vi phạm hành chính về thuế; kết luận kiểm tra thuế; dấu hiệu vi phạm pháp luật của người nộp thuế chưa được phát hiện đầy đủ qua kiểm tra.</i>

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		a.5) Có dấu hiệu vi phạm pháp luật nghiêm trọng của người nộp thuế chưa được phát hiện đầy đủ qua kiểm tra. b) Thẩm quyền kiểm tra lại: Cơ quan quản lý thuế cấp trên thực hiện kiểm tra lại vụ việc đã được cơ quan quản lý thuế cấp dưới kết luận, xử lý vi phạm hành chính về thuế nhưng phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật; c) Thời hạn kiểm tra lại thực hiện theo quy định tại điểm d khoản 4 Điều này; d) Thời hiệu kiểm tra lại là 02 năm kể từ ngày ký kết luận kiểm tra, quyết định xử lý vi phạm hành chính về thuế; đ) Khi tiến hành kiểm tra lại, người ra quyết định kiểm tra, trưởng đoàn kiểm tra, thành viên đoàn kiểm tra thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại khoản 7 Điều này." Thuế thành phố Hải Phòng đề xuất: Đề nghị Ban soạn thảo sửa đổi nội dung như sau: 9. Kiểm tra lại trong hoạt động kiểm tra thuế: a) Các trường hợp kiểm tra lại: Trường hợp phát hiện dấu hiệu vi phạm thuộc phạm vi đã được kiểm tra trước đây, cơ quan quản lý thuế được thực hiện kiểm tra lại các nội dung đã kiểm tra nhưng chưa kết luận hoặc đã kết luận nhưng chưa chính xác. b) Thẩm quyền Cơ quan quản lý thuế cấp trên thực hiện kiểm tra lại các nội dung của cơ quan quản lý thuế cấp dưới. Trong trường hợp phát hiện ra dấu hiệu vi phạm của đơn vị ngang cấp khác thì báo cáo Cục trưởng Cục Hải quan hoặc Cục trưởng Cục Thuế hoặc thủ trưởng cơ quan quản lý thuế cấp trên quyết định phân công đơn vị kiểm tra lại. c) Thời hạn Thời hạn kiểm tra lại được thực hiện theo quy định tại	

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		điểm d khoản 4 Điều này. d) Thời hiệu Thời hiệu kiểm tra lại là 02 năm kể từ ngày ký kết luận kiểm tra, quyết định xử lý vi phạm hành chính về thuế; Lí do: Quy định như hiện tại đang nêu hầu hết các trường hợp phải kiểm tra lại là do cơ quan quản lý thuế đang làm sai hoặc vi phạm nghiêm trọng một số lí do nào đó. Từ đó có thể dẫn tới cách hiểu cơ quan quản lý thuế đang thiếu trách nhiệm trong quá trình kiểm tra người nộp thuế. Tuy nhiên, nguyên nhân có các quyết định kiểm tra lại chủ yếu là khi có quyết định kiểm tra nhưng đoàn kiểm tra chưa ra kết luận do có tình tiết phức tạp trong quá trình kiểm tra thuế tại trụ sở người nộp thuế.	
Điều 23	Đoàn ĐBQH tỉnh Nghệ An	Về biện pháp áp dụng trong kiểm tra thuế đối với trường hợp có dấu hiệu trốn thuế (Điều 23) Đề nghị thay cụm từ “hành vi trốn thuế” bằng “trường hợp có dấu hiệu trốn thuế” do các biện pháp này đang được áp dụng trong quá trình kiểm tra, chưa có cơ quan có thẩm quyền nào kết luận về hành vi trốn thuế.	Tiếp thu để hoàn thiện dự thảo, cụ thể: Điều 23. Biện pháp áp dụng trong kiểm tra thuế đối với trường hợp có dấu hiệu trốn thuế 1. Thu thập thông tin liên quan đến trường hợp có dấu hiệu trốn thuế a. Thủ trưởng cơ quan quản lý thuế có quyền yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến trường hợp có dấu hiệu trốn thuế cung cấp thông tin bằng văn bản hoặc trả lời trực tiếp. Cơ quan thuế có quyền truy cập vào dữ liệu phần mềm kế toán, hoá đơn điện tử, máy tính tiền của người nộp thuế có dấu hiệu trốn thuế; b. Cơ quan, tổ chức, cá nhân được yêu cầu cung cấp thông tin quy định tại điểm a khoản 1 Điều này có trách nhiệm cung cấp thông tin đúng nội dung, thời hạn, địa chỉ được yêu cầu và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của thông tin đã cung cấp.

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			2. Tạm giữ tài liệu liên quan đến trường hợp có dấu hiệu trốn thuế a. Thủ trưởng cơ quan quản lý thuế, trưởng đoàn kiểm tra thuế quyết định tạm giữ tài liệu liên quan đến trường hợp có dấu hiệu trốn thuế; b. Việc tạm giữ tài liệu liên quan đến trường hợp có dấu hiệu trốn thuế được áp dụng khi cần xác minh tình tiết làm căn cứ để ngăn chặn ngay hành vi trốn thuế; c. Khi tạm giữ tài liệu liên quan đến trường hợp có dấu hiệu trốn thuế trưởng đoàn kiểm tra thuế phải lập biên bản tạm giữ và có trách nhiệm bảo quản tài liệu tạm giữ; d. Cơ quan quản lý thuế phải giao 01 bản quyết định tạm giữ, biên bản tạm giữ liên quan đến trường hợp có dấu hiệu trốn thuế cho tổ chức, cá nhân có tài liệu bị tạm giữ.
Việc kiểm tra đối với các trường hợp giải thể, chuyển địa điểm kinh doanh	UBND TP Hà Nội (Thuế TP Hà Nội)	<i>Về việc kiểm tra đối với các trường hợp giải thể, chuyển địa điểm kinh doanh</i> Đề xuất: Chi kiểm tra đối với những người nộp thuế có rủi ro cao.	Tiếp thu tại khoản 3 Điều 22
Điều 24	Đoàn ĐBQH Khánh Hòa	Án định thuế (Điều 24) Tại điểm f khoản 2: Mua, trao đổi hàng hóa, sử dụng hóa đơn không hợp pháp, sử dụng không hợp pháp hóa đơn mà hàng hóa là có thật, theo xác định của cơ quan có thẩm quyền và đã được kê khai doanh thu tính thuế. Kiến nghị điều chỉnh thành: Mua, trao đổi hàng hóa, dịch vụ sử dụng hóa đơn không hợp pháp, sử dụng không	Tiếp thu hoàn thiện điểm g khoản 2 Điều 24

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		hợp pháp hóa đơn mà hàng hóa, dịch vụ là có thật, theo xác định của cơ quan có thẩm quyền và đã được kê khai doanh thu tính thuế.	
Điều 24	UBND TP Hải Phòng (Thuế TP Hải Phòng)	5.2. Khoản 3 Điều 24 <i>“Điều 24. Ấn định thuế</i> <i>3. Chính phủ quy định căn cứ ấn định thuế; phương pháp ấn định thuế; thẩm quyền, thủ tục ấn định thuế; trách nhiệm của người nộp thuế, người khai thuế; trách nhiệm của cơ quan quản lý thuế trong việc ấn định thuế.”</i> Thuế thành phố Hải Phòng: Đề nghị Ban soạn thảo hướng dẫn phương pháp ấn định thuế theo tỷ lệ phần trăm trên doanh thu đối với từng ngành, nghề sản xuất kinh doanh. Lí do: Theo quy định tại tiết b.1 điểm b khoản 1 Điều 15 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ hướng dẫn căn cứ ấn định thuế đối với người nộp thuế là số tiền thuế phải nộp bình quân tối thiểu của 03 cơ sở kinh doanh cùng mặt hàng, ngành, nghề, quy mô tại các địa phương rất khó thực hiện.	Đây là Luật khung nên ghi nhận để hướng dẫn chi tiết đối với từng trường hợp tại Nghị định.
Điều 24; điểm 2b khoản 1 Điều 35	Tập đoàn Vingroup-Công ty CP	Điều 24 dự thảo Luật chưa quy định cụ thể về căn cứ ấn định thuế, phương pháp ấn định thuế Điểm 2b, khoản 1 Điều 35 dự thảo Luật chưa quy định rõ về quyền của NNT trong trường hợp bị ấn định thuế Đề xuất: Cần bổ sung cơ chế để Cơ quan quản lý thuế công khai (hoặc người nộp thuế có quyền yêu cầu cơ quan thuế cung cấp, giải thích) <u>nguồn dữ liệu tham chiếu</u> và các tiêu chí lựa chọn nguồn dữ liệu làm cơ sở và căn cứ để ấn định thuế cho người nộp thuế được biết. Lý do: Người nộp thuế là đối tượng bị ấn định nên cần được trao đổi thông tin xuyên suốt hoặc có thể được yêu	Theo quy định của Luật Ban hành VBQPPL thì tại Luật chỉ quy định khung, nguyên tắc và các trường hợp ấn định thuế. Căn cứ ấn định thuế; phương pháp ấn định thuế; thẩm quyền, thủ tục ấn định thuế; trách nhiệm của người nộp thuế, người khai thuế; trách nhiệm của cơ quan quản lý thuế trong việc ấn định thuế được quy định tại Nghị định.

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		câu Cơ quan quản lý thuế giải thích về các cơ sở, căn cứ ấn định thuế; điều này giúp tạo ra công bằng cũng như đảm bảo các quyền lợi chính đáng của doanh nghiệp.	
Điểm d, i khoản 1 và khoản 2 Điều 25	UBND tỉnh Bắc Ninh	8. Đề nghị sửa đổi, bổ sung điểm d, i khoản 1 và khoản 2 Điều 25 Dự thảo, như sau: <i>“đ) Cơ quan hải quan có đủ bằng chứng, căn cứ xác định về việc người nộp thuế khai báo trị giá, mã số, giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa không đúng với thực tế, ảnh hưởng đến số thuế phải nộp, tru dãi;</i> <i>i) Trường hợp khác do cơ quan hải quan hoặc cơ quan khác phát hiện người nộp thuế kê khai, tính thuế không đúng với quy định của pháp luật”.</i> <i>2. Cơ quan hải quan căn cứ hàng hóa thực tế xuất khẩu, nhập khẩu; căn cứ tính thuế, phương pháp tính thuế; cơ sở dữ liệu của cơ quan quản lý thuế và cơ sở dữ liệu thương mại; hồ sơ khai báo hải quan; tài liệu, sổ sách, chứng từ kế toán, kết quả thanh tra, kiểm tra, kết luận của cơ quan có thẩm quyền hoặc bản án kết luận của Tòa án và các thông tin khác có liên quan đến hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu để ấn định số tiền thuế phải nộp.”</i>	- Về việc bổ sung cụm từ “<i>người nộp thuế</i>” tại điểm d, i khoản 1: Xin giữ nguyên nội dung như dự thảo để bao quát các trường hợp thuộc trường hợp bị ấn định thuế. Bao gồm cả cơ quan quản lý thuế rà soát nhận thấy cơ quan quản lý thuế xử lý về thuế chưa chính xác ấn định . - Về việc bổ sung căn cứ ấn định thuế là “<i>sổ sách, chứng từ kế toán, kết quả thanh tra, kiểm tra, kết luận của cơ quan có thẩm quyền hoặc bản án kết luận của Tòa án</i>” tại khoản 2 Điều 25: Dự thảo Luật quản lý thuế đã được tiếp thu sửa theo hướng này.
Khoản 4 Điều 26	Tập đoàn Công nghiệp- Viễn thông quân đội	Khoản 4 tại dự thảo quy định: <i>4. Nguyên tắc lập, quản lý, sử dụng hóa đơn điện tử</i> <i>a) Doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh phải lập hóa đơn điện tử từ khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ để giao cho người mua theo định dạng chuẩn dữ liệu và phải ghi đầy đủ nội dung theo quy định của pháp luật về thuế và kế toán, bảo đảm phản ánh đầy đủ, trung thực nội dung nghiệp vụ kinh tế phát sinh và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của hóa đơn đã lập, trừ trường hợp không phải sử dụng hóa đơn điện</i>	Luật chỉ quy định khung còn các nội dung chi tiết sẽ được quy định tại Nghị định và thông tư hướng dẫn luật.

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<i>từ theo quy định của Chính phủ;</i> Hiện chưa có quy định cụ thể về sử dụng hóa đơn GTGT đầu ra, đầu vào trong trường hợp kê khai thuế tập trung tại trụ sở chính và phân bổ cho các địa phương. ĐVPT khác tỉnh là đơn vị trực tiếp ký Hợp đồng và/hoặc thực hiện Hợp đồng (theo ủy quyền) nhưng không phải là pháp nhân dự thầu và pháp nhân ký Hợp đồng dẫn tới vướng mắc trong việc sử dụng hóa đơn bán ra (hóa đơn của CN hay của trụ sở chính) và vướng mắc trong kê khai thuế GTGT đầu ra, đầu vào tương ứng. Từ đó gây khó khăn cho các doanh nghiệp, đặc biệt khi làm việc với Cơ quan thanh kiểm tra và giải thích với khách hàng. (Thực tế Chi nhánh là đơn vị trực tiếp bán hàng, ghi nhận thuế giá trị gia tăng đầu vào, giá vốn hàng hóa và các chi phí có liên quan khác). Đề xuất bổ sung vào cuối khoản 4a điều 26 của dự thảo nội dung như sau: <u>"Trong trường hợp người nộp thuế kê khai tập trung: có thể lựa chọn hóa đơn đầu ra, đầu vào mang tên đơn vị phụ thuộc tại đơn vị hành chính cấp tỉnh khác nơi có trụ sở chính để phù hợp với hợp đồng mua bán. Tại trụ sở chính, người nộp thuế thực hiện công ngang hóa đơn từ các đơn vị phụ thuộc để lập tờ khai.</u> <u>Trường hợp Người nộp thuế là pháp nhân đại diện ký hợp đồng cung cấp sản phẩm, dịch vụ với khách hàng, sau đó giao lại cho (các) đơn vị hạch toán phụ thuộc tại tỉnh khác nơi có trụ sở chính trực tiếp thực hiện cung cấp hàng hóa dịch vụ cho người mua theo hợp đồng đã ký kết thì các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc thực hiện lập hóa đơn GTGT đối với giá trị hàng hóa, dịch vụ được giao đã cung cấp cho khách hàng và thực hiện kê khai, nộp thuế</u>	

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<u>GTGT theo quy định.”</u> Lý do: Nội dung đề xuất bổ sung nhằm đồng nhất về chính sách và tạo điều kiện thuận tiện trong công tác lập hóa đơn, ghi sổ kế toán và kê khai, nộp thuế Giá trị gia tăng tại địa phương theo đúng bản chất hoạt động SXKD đang diễn ra. Tại các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành chưa cps quy định rõ nhưng Tổng Cục thuế đã từng có văn bản hướng dẫn số 166/TCT-DNL ngày 12/01/2017 hướng dẫn cho VNPT cụ thể là: “Trường hợp Công ty mẹ - Tập đoàn VNPT ký hợp đồng cung cấp sản phẩm, dịch vụ với khách hàng, sau đó giao lại cho một (01) hoặc một số đơn vị hạch toán phụ thuộc thực hiện các phân công việc theo nghĩa vụ của VNPT đã ký kết tại hợp đồng. Việc giao lại các phần công việc của VNPT cho đơn vị hạch toán phụ thuộc thực hiện được quy định cụ thể bằng văn bản thì các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc thực hiện lập hóa đơn GTGT đối với giá trị hàng hóa, dịch vụ được giao đã cung cấp cho khách hàng, thực hiện kê khai, nộp thuế GTGT theo quy định”. Văn bản 166/TCT-DNL vẫn phù hợp với các quy định hiện hành tại thời điểm này và phù hợp với thực tiễn SXKD của các DN có quy mô lớn.	
Chương IV Về hợp tác quốc tế về thuế, quản lý thuế quốc tế	Đoàn ĐBQH tỉnh Tuyên Quang, Đoàn ĐBQH tỉnh Bắc Ninh	Về hợp tác quốc tế về thuế, quản lý thuế quốc tế (Chương IV) Đề nghị cần làm rõ nguyên tắc, phạm vi và thời hạn chia sẻ thông tin thuế với cơ quan nước ngoài, đồng thời bổ sung cơ chế bảo vệ quyền lợi hợp pháp của người nộp thuế khi có tranh chấp quốc tế.	1. Về nguyên tắc, phạm vi và thời hạn chia sẻ thông tin thuế: - Dự thảo Luật tại Điều 29 (khoản 3) đã quy định rõ nguyên tắc: “<i>Bảo đảm bí mật thông tin và quyền lợi hợp pháp của người nộp thuế theo quy định của pháp luật Việt Nam và các Điều ước quốc tế, Thỏa thuận quốc tế, cam kết quốc tế về thuế liên quan</i>”. - Điều 30 (khoản 2, điểm đ và điểm e) quy định

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			việc khai thác, trao đổi thông tin với cơ quan thuế nước ngoài chỉ được thực hiện “theo các Điều ước quốc tế, Thỏa thuận quốc tế về thuế và Diễn đàn thuế quốc tế mà Việt Nam là thành viên hoặc là bên ký kết”. Như vậy, nguyên tắc, phạm vi và điều kiện chia sẻ thông tin đã gắn chặt với các điều ước, thỏa thuận quốc tế cụ thể. - Về thời hạn chia sẻ, do phụ thuộc cam kết tại từng Hiệp định, Thỏa thuận (ví dụ: thời hạn cung cấp thông tin theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần, theo Công ước về hỗ trợ hành chính thuế), nên dự thảo giao Chính phủ quy định chi tiết (Điều 30 khoản 4) để bảo đảm tính linh hoạt. 2. Về cơ chế bảo vệ quyền lợi hợp pháp của người nộp thuế trong tranh chấp quốc tế: - Dự thảo Luật đã dành Điều 31 quy định nguyên tắc thực hiện MAP (thủ tục thỏa thuận song phương) và APA (thỏa thuận trước về phương pháp xác định giá tính thuế). Đây là cơ chế quan trọng để bảo đảm quyền lợi của người nộp thuế trong trường hợp phát sinh tranh chấp liên quan đến đánh thuế trùng hoặc cách xác định nghĩa vụ thuế giữa các quốc gia. - Thông qua MAP, cơ quan thuế Việt Nam có trách nhiệm bảo vệ quyền lợi chính đáng của người nộp thuế trên cơ sở Hiệp định tránh đánh thuế hai lần; qua APA, người nộp thuế được thỏa thuận trước với cơ quan thuế về phương pháp tính thuế, hạn chế tranh chấp. - Ngoài ra, nguyên tắc bảo mật thông tin, bảo đảm quyền lợi hợp pháp của người nộp thuế đã được khẳng định tại Điều 29 khoản 3, kết hợp với các quy định của pháp luật Việt Nam về khiếu nại, khởi kiện hành chính, sẽ tạo hành lang pháp lý để người nộp thuế bảo vệ quyền

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			lợi của mình. Như vậy: Dự thảo Luật đã quy định khung nguyên tắc, phạm vi và cơ chế bảo mật khi chia sẻ thông tin quốc tế, đồng thời thiết lập cơ chế MAP và APA để bảo vệ quyền lợi của người nộp thuế khi có tranh chấp. Những vấn đề chi tiết như thời hạn, quy trình chia sẻ thông tin, thủ tục xử lý tranh chấp sẽ được Chính phủ và Bộ Tài chính quy định cụ thể để bảo đảm phù hợp với từng cam kết quốc tế.
Chương IV Hợp tác quốc tế về thuế,	Bộ Ngoại giao	Về nội dung dự thảo Luật: a) Tại Chương IV Hợp tác quốc tế về thuế, đề nghị Bộ Tài chính rà soát, thống nhất sử dụng cụm từ “<i>đàm phán, ký</i>” hay “<i>ký kết</i>”, do theo quy định tại Khoản 5 Điều 2 Luật Điều ước quốc tế năm 2016 thì “<i>ký kết</i>” đã bao gồm đàm phán, ký, phê chuẩn, phê duyệt, gia nhập điều ước quốc tế hoặc trao đổi văn kiện tạo thành điều ước quốc tế. b) Theo quy định của Luật Thỏa thuận quốc tế năm 2020, thỏa thuận quốc tế không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ (Khoản 1 Điều 2), do đó, đề nghị Bộ tài chính rà soát, bỏ các cụm từ “<i>thỏa thuận quốc tế</i>” trong các nội dung liên quan đến tuân thủ, thực hiện nghĩa vụ của Việt Nam tại Điều 28, 29, 30. c) Tại Khoản 3 Điều 30 giao Bộ Tài chính quy định quy trình, thủ tục ký và thực hiện các cam kết quốc tế quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều này. Về điểm này, Bộ Ngoại giao thấy rằng: - Trong trường hợp cam kết quốc tế là điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế thì thực hiện theo quy định tại	a) Tiếp thu và đã rà soát, sửa lại toàn bộ cụm từ “<i>ký kết</i>” thành “<i>ký</i>” tại Chương IV để phù hợp với quy định tại Khoản 5 Điều 2 Luật ĐUQT năm 2016. b) Trong thực tế, trên cơ sở phê duyệt của TTGCP, Việt Nam đã ký Thỏa thuận đa phương giữa các Nhà chức trách có thẩm quyền về trao đổi báo cáo lợi nhuận liên quốc gia (CbC MCAA) vào ngày 03/01/2025; trong thời gian tới Việt Nam sẽ tiếp tục nghiên cứu đề trình cấp có thẩm quyền tham gia các Thỏa thuận tương tự như: CRS MCAA (Thỏa thuận đa phương giữa các Nhà chức trách có thẩm quyền về trao đổi thông tin tài khoản tài chính), CARF MCAA (Thỏa thuận đa phương giữa các Nhà chức trách có thẩm quyền về trao đổi thông tin tài sản tiền mã hóa), ... CbC MCAA, CRS MCAA, CARF MCAA, ... không phải là Điều ước quốc tế theo quy định và thuộc phạm vi áp dụng của Luật Điều ước quốc tế năm 2016; cũng không phải là Thỏa thuận quốc tế theo quy định và thuộc phạm vi áp dụng của Luật Thỏa thuận quốc tế năm 2020 (vì theo quy định tại Khoản 1, Điều 2 của Luật Thỏa thuận quốc tế năm 2020, “<i>Thỏa thuận quốc tế</i>” không làm phát sinh nghĩa vụ của nước Cộng hòa XHCN Việt

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		Luật Điều ước quốc tế và Luật Thỏa thuận quốc tế, không cần thiết có thêm quy định chi tiết về trình tự, thủ tục ký, thực hiện. Trường hợp đây là thủ tục nội bộ của Bộ Tài chính thì đề nghị không đưa và dự thảo Luật. - Về mặt thẩm quyền quy định chi tiết, đề nghị Bộ Tài chính làm rõ căn cứ giao Bộ Tài chính quy định chi tiết về vấn đề này. - Do cam kết quốc tế liên quan đến nhiều lĩnh vực, đề nghị thống nhất về quy trình thủ tục áp dụng chung nhằm bảo đảm hiệu quả quản lý nhà nước và phù hợp với chức năng quản lý nhà nước của Bộ Ngoại giao.	<i>Nam theo pháp luật quốc tế</i>). Về bản chất, CbC MCAA, CRS MCAA, CARF, ... được thực hiện trên cơ sở Điều 6 của Hiệp định đa phương về hỗ trợ hành chính thuế (Hiệp định MAAC) mà Việt Nam là thành viên và được ký bởi Nhà chức trách có thẩm quyền theo Hiệp định MAAC (<i>là Bộ trưởng Bộ Tài chính hoặc người đại diện được ủy quyền của Bộ trưởng</i>). Khi tham gia các Thỏa thuận này, nghĩa vụ chia sẻ Báo cáo CbC, CRS, CARF, bảo mật thông tin, ... thuộc về Cơ quan quản lý thuế, NHNN hoặc UBCKNN; đồng thời có phát sinh các khoản đóng góp thường niên hàng năm (khoản đóng góp cho ngân sách của Diễn đàn toàn cầu/OECD và chi phí mua Chứng chỉ hàng năm) để sử dụng Hệ thống CTS của OECD khi sẵn sàng truy cập Hệ thống CTS để bắt đầu gửi (và nhận) Báo cáo CbC, CRS, CARF. Do đó, trong quá trình trình TTgCP phê duyệt chủ trương ký CbC MCAA, Bộ Tài chính đã cung cấp đầy đủ các thông tin liên quan đến Thỏa thuận này, lấy ý kiến và nhận được sự đồng thuận của Bộ Ngoại giao, Bộ Tư pháp. Theo đó, việc Bộ Tài chính trình TTgCP cho ý kiến về đề xuất ký CbC MCAA là phù hợp với thẩm quyền của TTgCP trong việc thực hiện điều ước quốc tế (Hiệp định MAAC) theo quy định tại Điều 76 Luật Điều ước quốc tế năm 2016. Do đó, cơ quan soạn thảo đề nghị giữ nguyên cụm từ “thỏa thuận quốc tế” trong các nội dung liên quan đến tuân thủ, thực hiện nghĩa vụ của Việt Nam tại Chương IV của dự thảo Luật QLT. c) Tại Khoản 3 Điều 30 giao Bộ Tài chính quy định quy trình, thủ tục ký và thực hiện Thủ tục thỏa thuận song phương (MAP), Thỏa thuận trước về phương pháp xác

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			định giá tính thuế (APA). Trong đó, MAP và APA được đàm phán và ký bởi nhà chức trách có thẩm quyền của Việt Nam theo quy định tại các Hiệp định tránh đánh thuế hai lần mà Việt Nam đã ký (là <i>Bộ trưởng Bộ Tài chính hoặc người đại diện được ủy quyền của Bộ trưởng Bộ Tài chính – là Cục trưởng Cục Thuế, Phó Cục trưởng Cục Thuế và Trưởng ban Ban Chính sách, thuế quốc tế thuộc Cục Thuế</i>). MAP và APA không phải là Điều ước quốc tế theo quy định và thuộc phạm vi áp dụng của Luật Điều ước quốc tế năm 2016; cũng không phải là Thỏa thuận quốc tế theo quy định và thuộc phạm vi áp dụng của Luật Thỏa thuận quốc tế năm 2020 nhưng đây lại là các cam kết quốc tế mà các nước khi tham gia ký Hiệp định tránh đánh thuế hai lần cần thực hiện theo quy định tại Điều khoản về thủ tục thỏa thuận song phương (Điều 25) của Hiệp định. Do đó, việc giao Bộ Tài chính quy định quy trình, thủ tục ký và thực hiện các cam kết quốc tế tại Điểm b Khoản 2 Điều 30 của dự thảo Luật QLT (chỉ bao gồm MAP và APA) là phù hợp để tạo cơ sở pháp lý cho việc thực hiện MAP, APA tại Việt Nam trong thời gian tới.
Điều 28	Đoàn ĐB QH tỉnh Vĩnh Long	Về phạm vi hợp tác quốc tế về thuế, quản lý thuế quốc tế (Điều 28) Dự thảo Luật quy định tại điều này còn chung chung, chưa nêu rõ các hình thức về trao đổi thông tin như: trao đổi tự động, trao đổi theo yêu cầu, hay trao đổi ngẫu nhiên của hợp tác thuế quốc tế nhằm chống gian lận và trốn thuế trong hợp tác quốc tế về thuế. Do đó, đề nghị bổ sung nội dung: “<i>Chính phủ quy định chi tiết Điều này</i>” để giúp các cơ quan quản lý thuế có đủ cơ sở pháp lý và hướng dẫn thực hiện hiệu quả các cam kết quốc tế, góp phần tăng cường tính minh bạch và công bằng	Tại Khoản 2.d), Điều 30 của dự thảo Luật QLT đã có quy định một trong các nhiệm vụ của cơ quan quản lý thuế trong quản lý thuế quốc tế: “<i>đ) Khai thác, trao đổi thông tin về người nộp thuế và hợp tác nghiệp vụ về thuế với các Cơ quan thuế nước ngoài theo các Điều ước quốc tế, Thỏa thuận quốc tế về thuế và Diễn đàn thuế quốc tế mà Việt Nam là thành viên hoặc là bên ký kết phục vụ công tác quản lý thuế;</i>”. Cơ quan thuế Việt Nam đã và đang thực hiện các hình thức trao đổi thông tin theo quy định tại Điều 25 của các Hiệp định tránh đánh thuế hai lần mà Việt Nam đã ký (bao

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		trong hệ thống thuế toàn cầu.	gồm: trao đổi thông tin theo yêu cầu, trao đổi thông tin tự động và trao đổi thông tin tự nguyện). Trong thời gian tới, Cơ quan thuế Việt Nam sẽ tiếp tục thực hiện việc trao đổi tự động Báo cáo lợi nhuận liên quốc gia (CbC) với 45 nước theo cơ chế của Thỏa thuận đa phương giữa các Nhà chức trách có thẩm quyền về trao đổi báo cáo lợi nhuận liên quốc gia (CbC MCAA) mà Việt Nam đã tham gia vào ngày 03/01/2025. Quy định tại Điều 28 của dự thảo Luật QLT để bảo đảm quan điểm xây dựng Luật khung (Phạm vi hợp tác quốc tế về thuế, quản lý thuế quốc tế nói chung) và các nội dung quản lý thuế quốc tế của cơ quan quản lý thuế tại Điều 30, trong đó có nội dung về trao đổi thông tin thuế quốc tế nhằm chống gian lận và trốn thuế xuyên biên giới. Do đó, không cần thiết phải bổ sung thêm nội dung “Chính phủ quy định chi tiết Điều 28” như ý kiến của Đoàn ĐBQH tỉnh Vĩnh Long.
Chương VI	UBND TP HCM	Tại Chương VI. Quy định về quyền, nghĩa vụ, nhiệm vụ, quyền hạn của bên liên quan trong Quản lý thuế Đề xuất sửa đổi: <i>“Chương VI. Quy định về quyền, nghĩa vụ, nhiệm vụ, trách nhiệm, quyền hạn của bên liên quan trong Quản lý thuế.”</i> Lý do: tiêu đề Chương VI không quy định về trách nhiệm nhưng Điều 37 quy định “Nhiệm vụ, trách nhiệm và quyền hạn của các cơ quan nhà nước, các cơ quan kiểm tra, giám sát trong quản lý thuế”. Vì vậy cần bổ sung đề nhất quán nội dung quy định tại điều này.	Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo Luật
Chương VI	Đoàn ĐBQH	Kiến nghị đưa chương VI (Quyền, nghĩa vụ, nhiệm vụ, quyền hạn của bên liên quan trong quản lý thuế) lên trước, sau chương I.	Nội dung Chương VI (Quyền, nghĩa vụ, nhiệm vụ, quyền hạn của bên liên quan trong quản lý thuế) liên quan đến việc quản lý thuế khi người nộp thuế đã thực hiện các

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	Khánh Hòa	Lý do: Chương VI có nội dung bao quát gần như toàn bộ các nội dung về quản lý thuế, vì vậy đưa lên trước để người đọc có cái nhìn toàn diện trước khi đi vào nội dung chi tiết được trình bày ở các chương sau.	chức năng về quản lý thuế, do đó chuyển lên trước sau Chương I sẽ không phù hợp.
Điểm a Điều 35	Tập đoàn Công nghiệp-Viên thông quân đội	Tại Dự thảo Luật: <i>1. Người nộp thuế có các quyền sau:</i> <i>a) Quyền được hỗ trợ, cung cấp thông tin và sử dụng dịch vụ:</i> <i>a.4) Được ưu tiên trong thủ tục hành chính nếu tuân thủ tốt pháp luật thuế;</i> Đề xuất sửa từ "<i>ưu tiên</i>" thành "<i>miễn trừ</i>" một số thủ tục hành chính thuế cụ thể và miễn trừ kiểm tra thuế. Chính phủ hoặc Bộ Tài chính quy định chi tiết các nội dung miễn trừ. Nội dung đề xuất sửa lại như sau: "1. Người nộp thuế có các quyền sau: a) Quyền được hỗ trợ, cung cấp thông tin và sử dụng dịch vụ: a.4) Được ưu tiên trong miễn trừ một số thủ tục hành chính thuế và miễn trừ không kiểm tra thuế nếu tuân thủ tốt pháp luật thuế. <u>Chính phủ quy định chi tiết điều kiện được miễn trừ và danh mục các thủ tục hành chính được miễn trừ;</u> Lí do: Văn bản cần ghi rõ miễn trừ cụ thể những hồ sơ, thủ tục gì để có thể áp dụng khả thi trong thực hiện, không dùng từ chung chung như "ưu tiên" sẽ không có tính thực tiễn	- Việc quy định về ưu tiên trong thủ tục hành chính thuế là nội dung trong việc áp dụng quản lý tuân thủ, quản lý rủi ro trong quản lý thuế. DN tuân thủ tốt thì được quyền ưu tiên trong việc thực hiện các thủ tục hành chính về thuế (như là giảm tần suất kê khai thuế, kiểm tra thuế...) mà không phải là miễn trừ. - Nội dung về chế độ ưu tiên là quy định mới, ưu việt hơn so với Luật QLT cũ nhằm khuyến khích và tăng tính tự nguyện tuân thủ của người nộp thuế. Đây là quyền lợi người nộp thuế được hưởng nếu đáp ứng đủ các điều kiện về chế độ ưu tiên theo quy định của pháp luật (tuân thủ tốt chính sách pháp luật thuế, kết nối và chia sẻ dữ liệu điện tử với cơ quan quản lý thuế..) Bản chất người nộp thuế vẫn phải thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế theo quy định pháp luật. Còn "miễn trừ" có thể được hiểu là việc loại bỏ hoặc giảm nghĩa vụ pháp lý mà theo Luật thông thường người nộp thuế phải thực hiện. Điều này không đúng với tinh thần và bản chất của chế độ ưu tiên mà Luật QLT đang hướng tới. Đối với ý kiến chi tiết cụ thể chế độ ưu tiên: Tại Điều 35 chỉ quy định chung về quyền và nghĩa vụ của người nộp thuế. Quy định về chế độ ưu tiên được quy định tại Điểm c, khoản 1, Điều 34, đồng thời dự thảo cũng đã có quy định Chính phủ sẽ quy định chi tiết về nội dung này. Đồng thời, để đảm bảo thống nhất nội dung đã quy

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			định tại Điểm c, khoản 1, Điều 34, cơ quan soạn thảo đã hoàn thiện điểm d khoản 1 Điều 35 dự thảo luật (điểm a.4 tại dự thảo Luật xin ý kiến) như sau: <i>“d) Được áp dụng chế độ ưu tiên theo quy định pháp luật quản lý thuế và hải quan nếu đáp ứng đủ các điều kiện về chế độ ưu tiên theo quy định của pháp luật</i>
Điểm c Điều 35	Tập đoàn Công nghiệp-Viện thông quân đội	Tại Dự thảo Luật: <i>1. Người nộp thuế có các quyền sau:</i> c) <i>Quyền bảo vệ thông tin, quyền khiếu nại và tố cáo:</i> c.1) <i>Được bảo mật thông tin, trừ trường hợp pháp luật quy định công khai hoặc cung cấp cho cơ quan có thẩm quyền</i> Đề xuất bổ sung thêm nội dung cụ thể về bảo vệ bí mật thông tin để phù hợp hơn với thực tiễn. Nội dung đề xuất sửa lại như sau: “1. Người nộp thuế có các quyền sau: c) Quyền bảo vệ thông tin, quyền khiếu nại và tố cáo: c.1) Được bảo mật thông tin, trừ trường hợp pháp luật quy định công khai hoặc cung cấp cho cơ quan có thẩm quyền. <u>Được giữ bí mật thông tin về kết quả kiểm tra thuế, KHÔNG bị công bố rộng rãi ra công chúng các kết luận kiểm tra theo Luật Thanh tra.</u> <u>Được giữ bí mật thông tin bằng cách KHÔNG cho phép sử dụng dữ liệu đích danh khi tạo nguồn dữ liệu thương mại (mua bán dữ liệu) trong tham vấn giao dịch tương tự để thực hiện đánh giá giá giao dịch liên kết</u> Lí do: - Được giữ bí mật thông tin về kết quả kiểm tra thuế, KHÔNG bị công bố rộng rãi ra công chúng các kết luận thanh kiểm tra theo Luật Thanh tra để đảm bảo không bị	Điều 7 dự thảo Luật quy định về bảo mật thông tin NNT. Các thông tin NNT đã được quy định tại khoản 23 Điều 4 dự thảo (“23. Thông tin người nộp thuế là thông tin về người nộp thuế và thông tin liên quan đến nghĩa vụ thuế của người nộp thuế do người nộp thuế cung cấp, do cơ quan quản lý thuế thu thập được trong quá trình quản lý thuế”). Luật đã bao quát tất cả các thông tin NNT theo quy định tại luật thì được bảo mật. Do đó, việc quy định chi tiết từng thông tin được bảo mật như đề xuất sẽ không đảm bảo bao quát hết các trường hợp thực tế phát sinh, dẫn đến thiếu hoặc thừa.

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		lợi dụng thông tin trong quá trình cạnh tranh, SXKD. Chỉ các CQNN có thẩm quyền được tiếp cận. - Được giữ bí mật thông tin bằng cách không cho phép sử dụng dữ liệu đích danh khi tạo nguồn dữ liệu thương mại (mua bán dữ liệu) trong tham vấn đánh giá giá GDLK để tránh việc mua bán dữ liệu của các DN, ảnh hưởng đến tính cạnh tranh trên thị trường, đặc biệt các thông tin về chiến lược giá của mỗi DN.	
Điểm d khoản 2 Điều 35	Tập đoàn Công nghiệp-Viện thông quân đội	Tại Dự thảo Luật: 2. <i>Người nộp thuế có nghĩa vụ sau:</i> đ) Sử dụng đúng mục đích các hàng hóa, dịch vụ miễn thuế, giảm thuế, không chịu thuế theo kê khai; nếu thay đổi mục đích, phải kê khai lại và nộp tiền thuế và các khoản phát sinh theo quy định pháp luật; Nội dung đề xuất sửa lại như sau "2. Người nộp thuế có nghĩa vụ sau: đ) Sử dụng đúng mục đích các hàng hóa, dịch vụ miễn thuế, giảm thuế, không chịu thuế theo kê-khai giấy phép/quyết định miễn, giảm thuế của cơ quan có thẩm quyền và/hoặc kế hoạch sản xuất kinh doanh của Người nộp thuế. Nếu thay đổi mục đích làm thay đổi nghĩa vụ thuế phải nộp, người nộp thuế phải kê khai lại, và nộp tiền thuế phát sinh thay đổi; trường hợp người nộp thuế KHÔNG chứng minh được tính hợp lý, hợp pháp của việc thay đổi mục đích sử dụng hàng hóa, dịch vụ so với ban đầu sẽ bị tính tiền phạt chậm nộp, phạt vi phạm hành chính và các khoản phát sinh theo quy định pháp luật;" Lí do: Mục đích sử dụng của HH-DV không thể theo “kê khai” mà phải theo “giấy phép/quyết định miễn, giảm thuế	Tại khoản 2 Điều 6 dự thảo Luật quy định “2. <i>Người nộp thuế có nghĩa vụ nộp thuế theo quy định của pháp luật. Người nộp thuế tự xác định nghĩa vụ thuế phải nộp, tự kê khai thuế và tự nộp thuế vào ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về thuế, quản lý thuế và pháp luật khác, trừ trường hợp do cơ quan quản lý thuế tính thuế, thông báo thuế theo quy định của pháp luật</i>”. Do vậy, quy định như khoản 2 Điều 35 dự thảo luật là phù hợp với nguyên tắc nêu trên Đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu thì người nộp thuế có trách nhiệm sử dụng hàng hoá nhập khẩu miễn thuế, không chịu thuế đúng mục đích đã khai báo trên tờ khai hải quan hàng hoá nhập khẩu ban đầu. Trường hợp thay đổi mục đích sử dụng so với mục đích đã khai báo trên tờ khai hải quan hàng hoá nhập khẩu ban đầu và hàng hoá nhập khẩu không đủ điều kiện để được miễn thuế, không chịu thuế, người nộp thuế phải kê khai tờ khai hải quan mới, nộp thuế theo quy định tại khoản 5 Điều 25 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 12 Điều 1 Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ. Chính sách thuế đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu thực hiện tại thời điểm

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		của cơ quan có thẩm quyền và/hoặc kế hoạch sản xuất kinh doanh của Người nộp thuế”. Trong quá trình SXKD, các DN thường tổ chức song song hoạt động SXKD có ưu đãi và không có ưu đãi về thuế, và có thể có sự luân chuyển các nguồn lực đã mua mà còn dư thừa, phân bổ các nguồn lực dùng chung sao cho tiết kiệm. Theo đó nếu DN thay đổi mục đích so với dự kiến ban đầu một cách chính đáng, có cơ sở thì DN nên được kê khai nộp thuế bổ sung mà không bị tính các khoản tiền phạt chậm nộp, phạt vi phạm hành chính liên quan đến phần thuế phát sinh tăng từ sự thay đổi..	đăng ký tờ khai hải quan mới, trừ trường hợp đã thực hiện đầy đủ chính sách quản lý hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại thời điểm đăng ký tờ khai ban đầu.
Điểm a4 khoản 1 Điều 35	Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	Tại công văn số 1089/MTTW-BTT ngày 26/6/2025 gửi Bộ Tài chính đề tham gia ý kiến đối với hồ sơ chính sách của dự án Luật Quản lý thuế (thay thế) kèm theo công văn số 7960/BTC-CT ngày 06/6/2025 của Bộ Tài chính, Ban Thường trực Ủy Ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đã góp ý: “- Tại khoản 15, Điều 16. Quyền của người nộp thuế, bỏ cụm từ “ưu tiên” trong khổ: “Người nộp thuế tuân thủ tốt pháp luật thuế được <u>ưu tiên</u> trong thực hiện thủ tục hành chính thuế...” Vì việc cắt giảm TTHC là rất cần thiết và là cắt giảm chung, quy định chung về thủ tục hành chính cho mọi đối tượng nộp thuế, không nên quy định chỉ “<i>Người nộp thuế tuân thủ pháp luật thuế</i>” mới được “ưu tiên trong việc thực hiện thủ tục hành chính thuế theo quy định của Chính phủ”. Nếu người không tuân thủ tốt pháp luật về thuế thì sẽ có chế tài xử lý khác (xử phạt hành chính, tạm xuất nhập cảnh, cưỡng chế...). Người tuân thủ tốt thì được khen thưởng chứ không nên quy định được ưu tiên trong thực hiện thủ tục hành chính thuế như dự thảo.” Ý kiến này chưa được tiếp thu: Về quyền của người nộp thuế:	Ưu tiên được hiểu là hưởng các hình thức hỗ trợ thuận lợi hơn (như rút gọn hồ sơ chứng từ, xử lý nhanh hơn trên hệ thống điện tử, áp dụng cơ chế quản lý rủi ro theo mức độ tuân thủ). Không đồng nghĩa với việc tạo quyền lợi thủ tục riêng biệt mà người nộp thuế khác không được hưởng. Quy định tại điểm a4 khoản 1 Điều 35 được giữ để thể chế hóa quản lý rủi ro và khuyến khích tuân thủ; “ưu tiên” chỉ bao gồm các biện pháp thuận lợi về thủ tục (xử lý nhanh trên hệ thống, rút gọn chứng từ, mở rộng hậu kiểm...) dựa trên mức độ tuân thủ, không tạo đặc quyền thủ tục riêng, không làm phát sinh bất bình đẳng. Chính phủ quy định chi tiết khoản 1, khoản 2 Điều này. Tại đó sẽ làm rõ nội hàm “ưu tiên”, quy định chi tiết tiêu chí xếp hạng tuân thủ, phạm vi–điều kiện áp dụng ưu tiên, cơ chế công khai và giám sát để bảo đảm minh bạch, thống nhất khi thực thi.

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		tại Hồ sơ dự án Luật Quản lý thuế (sửa đổi) cụ thể: vẫn giữ phần <u>ưu tiên</u> tại điều Điều 35. Khoản 1. điểm a.4) Quyền và nghĩa vụ của người nộp thuế: Được <u>ưu tiên</u> trong thủ tục hành chính nếu tuân thủ tốt pháp luật thuế. → Đối với ý kiến chưa tiếp thu: trong dự thảo Luật Quản lý thuế (sửa đổi), tại điểm a4 khoản 1 Điều 35 Quyền và nghĩa vụ của người nộp thuế vẫn có nội dung: Được <u>ưu tiên</u> trong thủ tục hành chính nếu tuân thủ tốt pháp luật thuế, đề nghị nội dung “ưu tiên” cần được làm rõ và ban hành văn bản hướng dẫn cụ thể.	
Tiết a3 điểm a khoản 2 Điều 35	UBND TP HCM	Tại tiết a3 điểm a khoản 2 Điều 35 “a.3) Nộp đầy đủ, đúng hạn các khoản thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt theo đúng mã định danh.” Đề xuất sửa đổi, bổ sung: “a.3) Nộp đầy đủ, đúng hạn các khoản thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt theo đúng mã định danh khoản phải nộp” Lý do: Cần thể hiện rõ “mã định danh” tại tiết a3 là “mã định danh khoản phải nộp” để tránh trường hợp người nộp thuế hiểu nhầm thành định danh cá nhân (một số trường hợp người nộp thuế không có định danh cá nhân chỉ có mã số thuế do cơ quan thuế cấp sẽ không thể thực hiện đúng tinh thần của điểm này).	Tiếp thu tại điểm c khoản 2 Điều 35
Điểm b khoản 2 Điều 35	UBND TP HCM	Tại điểm b khoản 2 Điều 35 “b) Chấp hành quy định về kế toán, hóa đơn và ghi nhận nghĩa vụ thuế.” Đề xuất sửa đổi, bổ sung: “b) Chấp hành quy định về kế toán, hóa đơn, chứng từ	Tiếp thu và hoàn thiện tại điểm d khoản 2 Điều 35

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<i>và ghi nhận nghĩa vụ thuế”</i> Lý do: Cần bổ sung thêm nghĩa vụ người nộp thuế phải chấp hành quy định về chứng từ.	
Điều 35	Đoàn DBQH Khánh Hòa	Quyền và nghĩa vụ của người nộp thuế (Điều 35) - Tại điểm a.4 khoản 1: Được ưu tiên trong thủ tục hành chính nếu tuân thủ tốt pháp luật thuế. Việc khuyến khích người nộp thuế chấp hành nghiêm pháp luật về thuế là cần thiết, tuy nhiên đề xuất "ưu tiên trong thủ tục hành chính" cần được xem xét một cách cẩn trọng. Hiện nay, việc giải quyết thủ tục hành chính đã được quy định thống nhất theo Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 9/6/2025 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông. Tại khoản 3 Điều 4 Nghị định số 118/2025/NĐ-CP quy định nguyên tắc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông: <i>“Giải quyết thủ tục hành chính kịp thời, nhanh chóng, thuận tiện, đúng pháp luật, công bằng, bình đẳng, khách quan, công khai, minh bạch....”</i> Vì vậy, việc quy định <i>“ưu tiên trong thủ tục hành chính”</i> có thể gây mâu thuẫn hoặc ảnh hưởng đến nguyên tắc bình đẳng, khách quan, công khai trong giải quyết thủ tục hành chính, nếu không được hướng dẫn cụ thể, rõ ràng về phạm vi, hình thức và tiêu chí ưu tiên. <i>Kiến nghị nghiên cứu điều chỉnh phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành, hoặc quy định rõ ràng hơn về các hình thức khuyến khích, hỗ trợ người nộp thuế tuân thủ tốt pháp luật.</i>	- Việc quy định về ưu tiên trong thủ tục hành chính thuế là nội dung trong việc áp dụng quản lý tuân thủ, quản lý rủi ro trong quản lý thuế. DN tuân thủ tốt thì được quyền ưu tiên trong việc thực hiện các thủ tục hành chính về thuế (như là giảm tần suất kê khai thuế, kiểm tra thuế...) mà không phải là miễn trừ. - Nội dung về chế độ ưu tiên là quy định mới, ưu việt hơn so với Luật QLT cũ nhằm khuyến khích và tăng tính tự nguyện tuân thủ của người nộp thuế. Đây là quyền lợi người nộp thuế được hưởng nếu đáp ứng đủ các điều kiện về chế độ ưu tiên theo quy định của pháp luật (tuân thủ tốt chính sách pháp luật thuế, kết nối và chia sẻ dữ liệu điện tử với cơ quan quản lý thuế..) Bản chất người nộp thuế vẫn phải thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế theo quy định pháp luật. Đối với ý kiến chi tiết cụ thể chế độ ưu tiên: Tại Điều 35 chỉ quy định chung về quyền và nghĩa vụ của người nộp thuế. Quy định về chế độ ưu tiên được quy định tại Điểm c, khoản 1, Điều 34, đồng thời dự thảo cũng đã có quy định Chính phủ sẽ quy định chi tiết về nội dung này. Đồng thời, để đảm bảo thống nhất nội dung đã quy định tại Điểm c, khoản 1, Điều 34, cơ quan soạn thảo đã hoàn thiện điểm d khoản 1 Điều 35 dự thảo luật (điểm a.4 tại dự thảo Luật xin ý kiến) như sau: <i>“d) Được áp dụng chế độ ưu tiên theo quy định pháp luật quản lý thuế và hải quan nếu đáp ứng đủ các điều</i>

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			<i>kiện về chế độ ưu tiên theo quy định của pháp luật</i>
Điểm a.3 khoản 2 Điều 35	Đoàn ĐBQH Khánh Hòa	- Tại điểm a.3 khoản 2: Nộp đầy đủ, đúng hạn các khoản thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt theo đúng mã định danh. Kiến nghị điều chỉnh thành: <i>Nộp đầy đủ, đúng hạn các khoản thuế và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước theo đúng mã định danh (nếu có).</i> Lý do: nhằm phù hợp với định nghĩa về tiền thuế quy định tại khoản 15 Điều 3 và nhiệm vụ của cơ quan quản lý thuế quy định tại khoản 1 Điều 36; đồng thời trong một số trường hợp sẽ không có mã định danh các khoản phải nộp.	Tiếp thu để hoàn thiện nội dung dự thảo Luật theo hướng: “c) <i>Nộp đầy đủ, đúng hạn các khoản thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt theo đúng mã định danh khoản phải nộp do cơ quan quản lý thuế cung cấp (nếu có).</i>”
Điểm b.3 khoản 2 Điều 35	Đoàn ĐBQH Khánh Hòa	- Tại điểm b.3 khoản 2: Lập, giao hóa đơn đúng giá trị thực tế khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ. Kiến nghị bỏ điểm b.3 vì việc sử dụng hóa đơn theo đúng quy định đã bao gồm cả việc phải lập và giao hóa đơn đúng giá trị thực tế khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ; các nghĩa vụ khi sử dụng hóa đơn, chứng từ cần được bao quát hơn thay vì chỉ quy định cụ thể về một hành vi.	Quy định: “Lập, giao hóa đơn đúng giá trị thực tế khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ.” nhằm khẳng định giá trị trên hóa đơn phải khớp đúng với giá trị thực tế, tránh tình trạng gian lận giá trị trên hóa đơn không đúng với thực tế.
Điểm c.2 khoản 2 Điều 35	Đoàn ĐBQH Khánh Hòa	- Tại điểm c.2 khoản 2: <i>Chấp hành quyết định, thông báo của cơ quan quản lý thuế và công chức quản lý thuế.</i> Kiến nghị điều chỉnh thành: <i>Chấp hành quyết định, thông báo của cơ quan quản lý thuế.</i> Lý do: Người nộp thuế có nghĩa vụ chấp hành các quyết định, thông báo do cơ quan quản lý thuế ban hành. Công chức quản lý thuế không có thẩm quyền ban hành quyết định và thông báo; đồng thời cũng tránh tình trạng nhiều người giả danh công chức thuế để lừa đảo.	Theo quy định của Luật xử phạt vi phạm hành chính thì công chức thuế đang thi hành công vụ có quyền xử phạt. Do đó, quy định tại điểm c.2 khoản 2 dự thảo Luật là phù hợp.
b6 điểm b	UBND TP	Tại b6 điểm b khoản 2 Điều 36	Tiếp thu, hoàn thiện bổ sung điểm b khoản 2 Điều 36 giao Bộ Tài chính quy định về ủy nhiệm thu thuế cho tổ

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
khoản 2 Điều 36	HCM	<i>"b) Kiểm tra, xử lý vi phạm và cưỡng chế</i> <i>...b.6) Ủy nhiệm thu thuế cho tổ chức, cá nhân theo quy định của Bộ Tài chính."</i> Đề xuất sửa đổi, bổ sung: bổ sung một điểm c quy định nội dung ủy nhiệm thu thuế này. <i>"c) Ủy nhiệm thu thuế cho tổ chức, cá nhân theo quy định của Bộ Tài chính."</i> Lý do: vì việc ủy nhiệm thu thuế không liên quan đến nội dung kiểm tra, xử lý vi phạm và cưỡng chế, do đó có thể bổ sung điểm c để quy nội dung này.	chức, cá nhân.
Điểm e khoản 1 Điều 36	Tập đoàn Công nghiệp-Viên thông quân đội	Tại Dự thảo Luật: <i>1. Nhiệm vụ của cơ quan quản lý thuế</i> <i>e) Xác nhận việc thực hiện nghĩa vụ thuế và xử lý tra soát, điều chỉnh thông tin theo đúng trình tự, thủ tục luật định. Xác nhận hoàn thành giao dịch trong trường hợp người nộp thuế hoàn thành giao dịch theo phương thức điện tử;</i> Thực tiễn vừa qua có phát sinh vấn đề hệ thống tính toán tự động dẫn đến số tiền chậm nộp bị sai khác so với văn bản xác định tiền chậm nộp mà công chức thuế đã chấp thuận. Tuy nhiên công chức thuế không thể sửa/xóa thông tin trên hệ thống được, dẫn đến số dư về nghĩa vụ thuế trên hệ thống duy trì sự sai lệch kéo dài so với các Biên bản đối chiếu giữa CQ quản lý thuế và NNT. Đồng thời các bên phải theo dõi số liệu thủ công bên ngoài thay vì có thể sử dụng dữ liệu trên hệ thống, điều này còn làm tăng thủ tục hành chính cho các bên. Đề xuất bổ sung nội dung quy định <u>cho phép hệ thống Quản lý thuế có chế độ cho phép thay đổi/chỉnh sửa lại/xóa tiền chậm nộp với trường hợp hệ thống tính toán chưa chính xác.</u> Việc tính tiền chậm nộp sẽ theo văn bản xác định giữa cơ quan thuế quản lý và Người nộp thuế	Điều 36 Dự thảo Luật quy định nguyên tắc về Nhiệm vụ và quyền hạn của cơ quan quản lý thuế. Đối với đề xuất "<u>Công chức quản lý thuế được phân quyền cho phép thay đổi/chỉnh sửa/xóa tiền thuế chậm nộp trên hệ thống TMS trong trường hợp hệ thống có sai khác với số liệu tại các biên bản/quyết định được cấp có thẩm quyền phê duyệt,</u>" là hướng dẫn triển khai, quy trình nghiệp vụ xử lý không thuộc phạm vi hướng dẫn của Luật. Việc xử lý sai/sót phải được thực hiện theo nguyên tắc xử lý sai/sót, công chức thuế thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Luật Tổ chức cán bộ, các Luật có liên quan và các văn bản hướng dẫn thi hành. Bên cạnh đó, Dự thảo Luật phân quyền giao Chính phủ quy định chi tiết khoản 1 Điều 36.

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		hoặc do Công chức thuế tính toán cụ thể theo số dư thuế nộp thừa (nếu có). Nội dung đề xuất bổ sung cụ thể như sau: <i>"e) Xác nhận việc thực hiện nghĩa vụ thuế và xử lý tra soát, điều chỉnh thông tin theo đúng trình tự, thủ tục luật định. Xác nhận hoàn thành giao dịch trong trường hợp người nộp thuế hoàn thành giao dịch theo phương thức điện tử. Công chức quản lý thuế được phân quyền cho <u>phép thay đổi/chỉnh sửa/xóa tiền thuế chậm nộp trên hệ thống TMS trong trường hợp hệ thống có sai khác với số liệu tại các biên bản/quyết định được cấp có thẩm quyền phê duyệt</u>;"</i> Lý do: Trong thực tế hệ thống Quản lý thuế (TMS) đang được cấu hình tự động sinh ra tiền chậm nộp thuế khi có phát sinh kê khai điều chỉnh làm tăng số thuế phải nộp, không tính đến số dư thuế nộp thừa. Một số trường hợp hệ thống tính tiền chậm nộp còn chưa chính xác. Do đó cần thiết bổ sung chế độ cho phép thay đổi/chỉnh sửa lại/xóa tiền chậm nộp bị tính chưa chính xác.	
Điều 36	Công ty TNHH kế toán và tư vấn thuế Trọng Tín	<i>Thứ tám, Điều 36 tại Dự thảo Luật quản lý thuế cần được <u>bổ sung nhiệm vụ thực hiện kiểm tra thuế khi giải thể, phá sản và chia, tách, sáp nhập, hợp nhất DN và hạn chế quyền tạm dừng đăng ký kinh doanh.</u></i> - Tại Khoản 1 Điều 36 chưa quy định nhiệm vụ của cơ quan thuế thực hiện kiểm tra thuế đối với các trường hợp: Giải thể, phá sản, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất doanh nghiệp mà chỉ đề cập đến quyền kiểm tra của cơ quan thuế tại Khoản 2 Điều 36. Khi kiểm tra thuế là quyền của cơ quan thuế thì cơ thể thực hiện hoặc không thực hiện hoặc chậm thực hiện sẽ	<i>- Ý kiến về đề nghị bổ sung nhiệm vụ thực hiện kiểm tra thuế khi giải thể, phá sản và chia, tách, sáp nhập, hợp nhất DN tại khoản 1 Điều 36:</i> nội dung đề xuất của công ty là không bao quát hết nhiệm vụ kiểm tra thuế của cơ quan thuế, cơ quan thuế thực hiện kiểm tra thuế trong nhiều trường hợp và đã được quy định tại Điều 22. Đồng thời, tại khoản 2 điều 36 đã quy định về quyền kiểm tra của cơ quan thuế. <i>- Về đề nghị bỏ nội dung yêu cầu tạm dừng đăng ký kinh doanh khi đang xử lý vi phạm thuế tại điểm b5</i>

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		gây rất nhiều khó khăn cho người nộp thuế trong suốt thời gian qua khi doanh nghiệp muốn giải thể nhưng chưa giải thể được do chưa được kiểm tra, quyết toán thuế theo quy định. Nội dung này cũng đã được Trọng Tín kiến nghị tại văn bản này và văn bản số 26.04/2025/CV-TT ngày 26/08/2025. Do đó, chúng tôi cho rằng cần bổ sung nhiệm vụ kiểm tra thuế của cơ quan thuế trong một số trường hợp do Chính phủ quy định tại Điểm p Khoản 1 Điều 36 như sau: <i>“Điều 36. Nhiệm vụ và quyền hạn của cơ quan quản lý thuế</i> <i>1. Nhiệm vụ của cơ quan quản lý thuế...</i> <i>p) Thực hiện kiểm tra thuế đối với trường hợp giải thể, phá sản, chia, tách, sáp nhập và hợp nhất tổ chức theo quy định của Chính phủ”.</i> - Ngược lại chúng tôi không tán thành quyền của cơ quan thuế được yêu cầu tạm dừng đăng ký kinh doanh theo Điểm b5 Khoản 2 Điều 36 bởi lẽ việc đăng ký, thay đổi đăng ký kinh doanh theo pháp luật doanh nghiệp hoặc pháp luật chuyên ngành cần được tôn trọng và bảo đảm. Mặt khác, khi người nộp thuế có vi phạm về thuế thì cơ quan thuế đã có các chế tài xử lý vi phạm cũng như các biện pháp cưỡng chế nợ thuế cần thiết theo quy định. Do đó, theo ý kiến của Chúng tôi không nên trao thêm quyền này cho cơ quan thuế nhằm tôn trọng pháp luật chuyên ngành đồng thời tạo thuận lợi cho doanh nghiệp có điều kiện thực hiện tốt các quy định của pháp luật có liên quan trong đó có pháp luật kinh doanh. Theo đó Điểm b5 Khoản 2 Điều 36 cần được sửa như sau:	Khoản 2 Điều 36: việc quy định biện pháp ngăn chặn, bảo đảm xử phạt vi phạm thuế là cần thiết để tránh tình trạng người nộp thuế cố tình lợi dụng việc đăng ký kinh doanh để tẩu tán tài sản, trốn tránh nghĩa vụ, gây khó khăn cho việc xử lý vi phạm của cơ quan thuế. Trong thực tế có phát sinh trường hợp doanh nghiệp cố tình thay đổi thông tin đăng ký kinh doanh <i>như thay đổi địa chỉ trụ sở, thay đổi người đại diện theo pháp luật hoặc thông báo tạm ngừng kinh doanh</i> nhằm né tránh nghĩa vụ thuế. Đối với các trường hợp này thì cần có sự phối hợp giữa cơ quan thuế và cơ quan đăng ký kinh doanh để có những biện pháp ngăn chặn kịp thời. Lưu ý Luật Doanh nghiệp (Điều 206. Tạm ngừng, đình chỉ hoạt động, chấm dứt kinh doanh: 2. Cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu doanh nghiệp tạm ngừng, đình chỉ hoạt động, chấm dứt kinh doanh trong trường hợp sau đây: <u>b) Tạm ngừng kinh doanh theo yêu cầu của cơ quan có liên quan theo quy định của pháp luật về quản lý thuế, môi trường và quy định khác của pháp luật có liên quan;</u> Điều 31. Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp: 1. Doanh nghiệp phải thông báo với Cơ quan đăng ký kinh doanh khi thay đổi một trong những nội dung sau đây: a) Ngành, nghề kinh doanh; b) Cổ đông sáng lập và cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài đối với công ty cổ phần, trừ trường hợp đối với công ty niêm yết; c) Nội dung khác trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp. 4. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo, <u>Cơ quan đăng ký kinh doanh có trách nhiệm xem xét tính hợp lệ và thực hiện thay đổi nội dung</u>

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<i>"Điều 36. Nhiệm vụ và quyền hạn của cơ quan quản lý thuế</i> <i>2. Quyền hạn của cơ quan quản lý thuế...</i> <i>b.5) Áp dụng biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử phạt vi phạm theo quy định của pháp luật, bao gồm cả yêu cầu tạm dừng đăng ký kinh doanh khi đang xử lý vi phạm thuế;"</i>	<u>đăng ký doanh nghiệp</u>; trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Cơ quan đăng ký kinh doanh phải thông báo bằng văn bản nội dung cần sửa đổi, bổ sung cho doanh nghiệp. Trường hợp từ chối sửa đổi, bổ sung thông tin theo nội dung thông báo thay đổi đăng ký doanh nghiệp thì phải thông báo bằng văn bản cho doanh nghiệp và nêu rõ lý do. Điều 217. Điều khoản thi hành:4. Chính phủ quy định việc đăng ký và hoạt động của hộ kinh doanh." Lưu ý hợp tác xã:Điều 48. Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã 1. Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phải thông báo với cơ quan đăng ký kinh doanh khi có thay đổi một trong các nội dung sau đây:a) Đăng ký về ngành, nghề kinh doanh;b) Thông tin đăng ký thuế;c) Thông tin thành viên chính thức, thành viên liên kết góp vốn là tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, cá nhân là nhà đầu tư nước ngoài. 2. Việc thông báo được thực hiện theo trình tự sau đây: a) Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày có thay đổi nội dung quy định tại khoản 1 Điều này, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã gửi hồ sơ thông báo thay đổi đến cơ quan đăng ký kinh doanh; b) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ thông báo, <u>cơ quan đăng ký kinh doanh có trách nhiệm xem xét tính hợp lệ của hồ sơ và thực hiện thay đổi nội dung đăng ký</u>; trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, cơ quan đăng ký kinh doanh phải thông báo bằng văn bản nội dung cần sửa đổi, bổ sung; trường hợp từ chối thì phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do. Căn cứ các quy định trên, dự thảo luật được hoàn thiện lại như sau:

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			Áp dụng biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử phạt vi phạm theo quy định của pháp luật, bao gồm cả yêu cầu tạm ngừng kinh doanh, <i>yêu cầu cơ quan đăng ký kinh doanh tạm dừng thực hiện thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh</i> khi đang xử lý vi phạm thuế
Điều 37	UBND tỉnh Đồng Tháp (Sở Tài chính	Tại Điều 37 (Nhiệm vụ, trách nhiệm và quyền hạn của các cơ quan nhà nước, các cơ quan kiểm tra, giám sát trong quản lý thuế) bố cục sau khoản 8 là khoản 10, không có khoản 9 chưa đồng bộ theo số thứ tự.	Tiếp thu
Khoản 8 Điều 37	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	- Tại mục c khoản 8 Điều 37 dự thảo đề nghị sửa: Thay cụm từ “cơ quan quản lý về nhà, đất” thành “cơ quan có chức năng quản lý về nhà, đất” để đảm bảo phù hợp với chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước về đất của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.	Giữ nguyên như dự thảo Luật, sử dụng cụm từ “Cơ quan quản lý nhà nước về nhà, đất” để thống nhất cách gọi tên các cơ quan liên quan trong dự thảo Luật (ví dụ: Cơ quan quản lý nhà nước về thương mại tại điểm d khoản 8 Điều 37).
Điều 37	Công ty TNHH kế toán và tư vấn thuế Trọng Tín	<i>Thứ chín, Điều 37 tại Dự thảo Luật quản lý thuế cần được bổ sung nhiệm vụ của cơ quan điều tra, viện kiểm sát và toà án.</i> Chúng tôi cho rằng Luật cần quy định Tòa án có trách nhiệm chuyển hồ sơ và yêu cầu, kiến nghị các cơ quan, tổ chức có liên quan tiếp tục xử lý các vi phạm về thuế trong quá trình giải quyết các vụ án tranh chấp dân sự liên quan đến giao dịch giả tạo, gian lận thương mại như khai không đúng giá giao dịch để từ đó nâng cao hiệu quả, hiệu lực của công tác xử lý vi phạm và là biện pháp răn đe, giáo dục cũng như thực hiện đúng, đủ các quy định của pháp	Kiến nghị của đơn vị nêu không có căn cứ về trách nhiệm, thẩm quyền của các cơ quan kiểm soát, toà án trong việc kiến nghị và chuyển hồ sơ cho cơ quan thuế, vì vậy không có cơ sở để tiếp thu ý kiến đề xuất.

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		luật. Theo đó, cần bổ sung nhiệm vụ cho các cơ quan có liên quan tại Khoản 12 Điều 37 Dự thảo Luật quản lý thuế như sau: <i>“Điều 37. Nhiệm vụ, trách nhiệm và quyền hạn của các cơ quan nhà nước, các cơ quan kiểm tra, giám sát trong quản lý thuế</i> <i>12. Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm tiếp nhận, xử lý, kiến nghị và chuyển hồ sơ tội cơ quan thuế, giải quyết tin báo, tố giác tội phạm và kiến nghị khởi tố, khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử kịp thời, nghiêm minh tội phạm trong lĩnh vực thuế theo quy định của pháp luật và thông báo kết quả xử lý cho cơ quan quản lý thuế.”</i>	
Điểm b khoản 10 Điều 37	UBND tỉnh Bắc Ninh	Đề nghị sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 10 Điều 37 Dự thảo, như sau: <i>“10. Nhiệm vụ, quyền hạn của Kiểm toán nhà nước:</i> <i>b) Trường hợp qua hoạt động kiểm toán, đoàn kiểm toán phát hiện hành vi khai sai dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp hoặc tăng số tiền thuế được miễn, giảm, hoàn hoặc hành vi trốn thuế theo quy định của Luật này thì người có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính trong hoạt động kiểm toán có trách nhiệm xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật để bảo đảm nguyên tắc hành vi vi phạm hành chính được phát hiện, ngăn chặn kịp thời; đồng thời chuyển cơ quan thuế văn bản xử lý vi phạm theo quy định;”</i>	Tiếp thu

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
Điều 37	Đoàn ĐB QH tỉnh Vĩnh Long	Về nhiệm vụ, trách nhiệm và quyền hạn của các cơ quan nhà nước, các cơ quan kiểm tra, giám sát trong quản lý thuế (Điều 37) Tại điểm c khoản 8 Điều 37 dự thảo Luật quy định: <i>“8. Các cơ quan nhà nước có trách nhiệm cung cấp thông tin người nộp thuế cho cơ quan quản lý thuế thông qua phương thức điện tử:</i> <i>e) Tòa án, cơ quan thi hành án dân sự cung cấp, trao đổi thông tin về việc giải quyết phá sản, người bị Tòa án tuyên bố hoặc hủy bỏ quyết định tuyên bố là đã chết hoặc mất năng lực hành vi dân sự, thông tin về thừa kế theo pháp luật thừa kế.”</i> Theo điểm c khoản 1 Điều 18 dự thảo Luật quy định: <i>“1. Các trường hợp hoàn thuế:</i> <i>c) Hoàn trả cho cá nhân thuộc trường hợp hoàn thuế theo quy định tại điểm a, điểm b khoản này là người đã chết, người bị Tòa án tuyên bố là đã chết, mất tích hoặc mất năng lực hành vi dân sự thì người được thừa kế hoặc người được Tòa án giao quản lý tài sản của người bị tuyên bố mất tích, người bị tuyên bố mất năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật dân sự được nhận phần thuế được hoàn theo quy định của pháp luật dân sự.”</i> Theo quy định nêu trên, Tòa án có trách nhiệm cung cấp, trao đổi thông tin trong trường hợp người bị Tòa án tuyên bố hoặc hủy bỏ quyết định tuyên bố là mất tích để làm cơ sở cho cơ quan quản lý thuế thực hiện các thủ tục hoàn thuế theo quy định. Do đó, để đảm bảo quy định được thống nhất, đề nghị bổ sung cụm từ <i>“hoặc mất tích”</i> vào trước cụm từ <i>“hoặc mất năng lực hành vi dân sự”</i> và điều chỉnh viết lại điểm e khoản 8 Điều 37 dự thảo Luật theo hướng như sau:	Đề thống nhất với khoản 1 Điều 18 về Hoàn thuế trong trường hợp cá nhân bị tòa tuyên bố mất tích, bổ sung <i>“hoặc mất tích”</i> vào trước cụm từ <i>“hoặc mất năng lực hành vi dân sự”</i> tại điểm e khoản 8 điều 37.

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<i>“e) Tòa án, cơ quan thi hành án dân sự cung cấp, trao đổi thông tin về việc giải quyết phá sản, người bị Tòa án tuyên bố hoặc hủy bỏ quyết định tuyên bố là đã chết hoặc mất tích hoặc mất năng lực hành vi dân sự, thông tin về thừa kế theo pháp luật thừa kế”</i>	
Thẩm quyền của cơ quan thanh tra, kiểm toán nhà nước khi phát hiện hành vi vi phạm của người nộp thuế (Điều 37)	UBND TP Hà Nội (Thuế TP Hà Nội)	<i>Về việc thẩm quyền của cơ quan thanh tra, kiểm toán nhà nước khi phát hiện hành vi vi phạm của người nộp thuế</i> Đề nghị quy định trường hợp qua hoạt động thanh tra, kiểm toán tại trụ sở cơ quan quản lý thuế hoặc tại trụ sở người nộp thuế, đoàn thanh tra, kiểm toán phát hiện hành vi khai sai dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp hoặc tăng số tiền thuế được miễn, giảm, hoàn hoặc hành vi trốn thuế thì người có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính trong hoạt động thanh tra, kiểm toán có trách nhiệm xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật để bảo đảm nguyên tắc hành vi vi phạm hành chính được phát hiện, ngăn chặn kịp thời;	Tiếp thu ý kiến giải trình, dự thảo Luật đã quy định tại khoản 9, khoản 10 Điều 37. <i>“9. Nhiệm vụ, quyền hạn của Kiểm toán nhà nước:</i> ... <i>b) Trường hợp qua hoạt động kiểm toán, đoàn kiểm toán phát hiện hành vi khai sai dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp hoặc tăng số tiền thuế được miễn, giảm, hoàn hoặc hành vi trốn thuế theo quy định của Luật này thì người có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính trong hoạt động kiểm toán có trách nhiệm xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật để bảo đảm nguyên tắc hành vi vi phạm hành chính được phát hiện, ngăn chặn kịp thời;</i> ... <i>10. Nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan thanh tra:</i> ... <i>b) Trường hợp qua hoạt động thanh tra tại trụ sở cơ quan quản lý thuế hoặc tại trụ sở người nộp thuế, đoàn thanh tra phát hiện hành vi khai sai dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp hoặc tăng số tiền thuế được miễn, giảm, hoàn hoặc hành vi trốn thuế theo quy định của Luật này thì người có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính trong hoạt động thanh tra có trách nhiệm xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật để bảo đảm nguyên tắc hành vi vi phạm hành chính được phát hiện, ngăn</i>

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			<i>chặn kịp thời;</i>
Chương V “Quản lý rủi ro và tuân thủ trong quản lý thuế”	Bộ Công An	- Đề nghị giữ nguyên tên gọi của Chương V “Quản lý rủi ro và tuân thủ trong quản lý thuế” để thống nhất với nội dung quy định tại các Điều 33 và Điều 34 và khoản 12 Điều 4.	Tiếp thu hoàn thiện tại Chương V dự thảo Luật
Điểm b khoản 10 và điểm b khoản 11 của Điều 37	Bộ Công An	- Tại điểm b khoản 10 và điểm b khoản 11 của Điều 37 quy định như dự thảo luật là chưa bao quát được trường hợp người nộp thuế không đồng ý với quyết định xử lý vi phạm hành chính của Kiểm toán Nhà nước và Cơ quan thanh tra. Vì vậy, đề nghị bổ sung cụm từ “Trường hợp người nộp thuế không đồng ý với quyết định của Kiểm toán nhà nước, cơ quan thanh tra thì người nộp thuế được quyền khiếu nại hoặc khởi kiện theo quy định của pháp luật” sau cụm từ “ngăn chặn kịp thời” được quy tại điểm b khoản 10 và điểm b khoản 11 Điều 37 để phù hợp với quyền khiếu nại của người nộp thuế quy định tại Chương VII.	Tiếp thu hoàn thiện tại điểm b khoản 10 và điểm b khoản 11 của Điều 37 dự thảo Luật
a khoản 3, Điều 37	Bộ Công An	- Tại điểm a khoản 3, Điều 37 quy định “Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có trách nhiệm phối hợp với Bộ Tài chính trong việc triển khai chính sách thuế, quản lý thuế, thực hiện chuyển đổi số, chia sẻ thông tin, dữ liệu, kiểm soát và phòng ngừa các hành vi trốn thuế” . Quy định này là cần thiết nhằm thể chế hóa chủ trương chuyển đổi số theo Nghị quyết số 57-NQ/TW và mục tiêu của Đề án số 06. Tuy nhiên, việc chia sẻ thông tin về người nộp thuế cần bảo đảm tính bảo mật thông tin theo quy định của	Tiếp thu ý kiến của Bộ Công an, tại khoản 1 Điều 7 dự thảo Luật quy định như sau: “1. Cơ quan quản lý thuế, công chức quản lý thuế, người từng là công chức quản lý thuế, cơ quan cung cấp, trao đổi thông tin người nộp thuế, tổ chức kinh doanh dịch vụ làm thủ tục về thuế phải bảo mật thông tin người nộp thuế ...” Tại khoản 15 Điều 37 dự thảo Luật quy định như sau:

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		Luật tiếp cận thông tin. Đồng thời, đề quy định này khả thi hơn trong thực hiện thì cần giao Chính phủ quy định cụ thể nhiệm vụ, phạm vi thông tin cần chia sẻ của các bộ ngành liên quan đến người nộp thuế.	15. Chính phủ quy định chi tiết Điều này và nội dung, hình thức, phạm vi, thời hạn cung cấp thông tin, trách nhiệm, quyền hạn của các bên liên quan trong việc chia sẻ, kết nối thông tin phục vụ quản lý thuế.
Điểm d khoản 8 Điều 37	Bộ Công An	- Đề nghị bổ sung cụm từ <i>“liên quan đến người nộp thuế”</i> sau cụm từ <i>“phương tiện giao thông”</i> (điểm d khoản 8 Điều 37).	Tiếp thu hoàn thiện tại điểm d khoản 8 Điều 37
Khoản 5 Điều 38	Công ty TNHH kế toán và tư vấn thuế Trọng Tín	Mười, Về điều kiện kinh doanh dịch vụ thủ tục về thuế tại Khoản 5 Điều 38 của Dự thảo Luật quản lý thuế Tại Điểm a và Điểm b Khoản 5 Điều 38 quy định về tổ chức hành nghề dịch vụ thủ tục về thuế khi có 02 người có chứng chỉ hành nghề, trong hộ kinh doanh hoặc cá nhân làm dịch vụ thủ tục về thuế thì không quy định số lượng phải có chứng chỉ hành nghề làm việc trong hộ kinh doanh hoặc cá nhân làm dịch vụ thủ tục về thuế là điều bất bình đẳng giữa các loại hình tổ chức và hộ kinh doanh. Do đó, Theo ý kiến của Trọng Tín cần xây dựng Luật theo hai phương án để đảm bảo tính công bằng bình đẳng cũng như cắt giảm thủ tục hành chính như sau: Phương án 1: Quy định Chủ hộ kinh doanh hoặc cá nhân làm dịch vụ thủ tục về thuế phải có chứng chỉ hành nghề kinh doanh dịch vụ thủ tục về thuế và có 01 người lao động làm việc toàn thời gian theo hợp đồng lao động với hộ kinh doanh hoặc cá nhân làm dịch vụ thủ tục về thuế. Quy định này nhằm đảm bảo tính công bằng và nâng cao chất lượng hành nghề của dịch vụ thủ tục về thuế khi có nhiều cá nhân có chứng chỉ hành nghề theo quy định. Theo phương án này, Điểm b khoản 5 Điều 32 được sửa	-Tại điểm b khoản 5 Điều 38 dự thảo Luật đã quy định rõ điều kiện để hộ kinh doanh và cá nhân kinh doanh làm thủ tục về thuế là <u>cá nhân có đủ tiêu chuẩn kinh doanh dịch vụ tư vấn thuế và hoạt động theo quy định của pháp luật</u>. Ngoài ra, cho rằng “bất bình đẳng” là chưa chính xác. • Tổ chức là pháp nhân, thường cung cấp dịch vụ quy mô lớn hơn, có nhiều khách hàng, nên cần tối thiểu 02 nhân sự có chứng chỉ để đảm bảo tính ổn định. • Cá nhân hoặc hộ kinh doanh bản chất chỉ là 1 đầu mối cung cấp dịch vụ với phạm vi nhỏ, nên chỉ cần người trực tiếp hành nghề có chứng chỉ là đủ. Nếu cá nhân đáp ứng điều kiện, thì có thể hoạt động độc lập mà không cần thêm người thứ hai. Vì vậy, ở đây không đặt vấn đề công bằng hay không công bằng, mà là phân loại theo mô hình hoạt động: • Nếu chỉ có 1 người đủ điều kiện thì có thể chọn mô hình cá nhân/hộ kinh doanh. • Nếu muốn thành lập doanh nghiệp/tổ chức thì cần

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		như sau: <i>“5. Tổ chức, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh dịch vụ làm thủ tục về thuế:</i> <i>b) Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh dịch vụ làm thủ tục về thuế là cá nhân có đủ tiêu chuẩn kinh doanh dịch vụ tư vấn thuế đang hoạt động theo quy định của pháp luật và có ít nhất 01 người lao động làm việc toàn thời gian theo hợp đồng lao động với hộ kinh doanh hoặc cá nhân làm dịch vụ thủ tục về thuế, thực hiện các dịch vụ làm thủ tục về thuế theo thỏa thuận với người nộp thuế;”</i> Phương án 2: Giảm số lượng chứng chỉ hành nghề từ 02 xuống 01 phù hợp với chủ trương cắt giảm thủ tục hành chính tạo thuận lợi cho sự ra nhập thị trường góp thêm nguồn lực đáng kể trong tiến trình phát triển dịch vụ này như các nước Nhật Bản, Mỹ, Singapore ... Bên cạnh đó, quy định này còn góp phần sử dụng và huy động hiệu quả các nguồn lực là cán bộ thuế đã nghỉ hưu, cán bộ thuế đã nghỉ theo chế độ tinh giảm, bộ máy từ đó giải quyết công ăn việc làm cũng như các vấn đề khác phù hợp với bối cảnh mới. Thực hiện theo phương án này thì Điểm b Khoản 5 Điều 38 được giữ nguyên và Điểm a Khoản 5 Điều 38 được sửa như sau: <i>“5. Tổ chức, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh dịch vụ làm thủ tục về thuế:</i> <i>a) Tổ chức kinh doanh dịch vụ làm thủ tục về thuế (sau đây gọi là đại lý thuế) là doanh nghiệp được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật, có ít nhất 02 01 người giữ vị trí quản lý doanh nghiệp có đủ tiêu chuẩn kinh doanh dịch vụ tư vấn thuế, làm việc toàn thời gian tại doanh nghiệp, thực hiện các dịch vụ làm thủ tục về thuế</i>	ít nhất 2 người có chứng chỉ, để bảo đảm tính liên tục và trách nhiệm nghề nghiệp.

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<i>theo thỏa thuận với người nộp thuế;</i>	
Điểm e khoản 2 Điều 38	Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam	1. Nghĩa vụ thuế liên quan tài sản bảo đảm thế chấp của người nộp thuế (điểm e khoản 2 Điều 38) ❖ Điểm e Khoản 2 Điều 38 Dự thảo: “e) Trường hợp bán tài sản đảm bảo tiền vay do tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán (không bao gồm Ngân hàng nhà nước) thực hiện theo quy định của pháp luật về xử lý tài sản bảo đảm tiền vay, nếu tài sản bảo đảm đã chuyển quyền sở hữu, quyền sử dụng sang tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán thì tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán có trách nhiệm kê khai, nộp đầy đủ các nghĩa vụ thuế liên quan đến giao dịch xử lý tài sản đảm bảo, trường hợp bán tài sản đảm bảo là hàng hoá nhập khẩu thuộc đối tượng miễn thuế, không chịu thuế thì tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán, có trách nhiệm kê khai, nộp đầy đủ các nghĩa vụ thuế liên quan đến tài sản đảm bảo thay cho người nộp thuế;” ❖ Ý kiến, đề xuất của NHCT: - Quy định của pháp luật về xử lý tài sản đảm bảo (TSĐB): + Khoản 1 Điều 303 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định phương thức xử lý tài sản cầm cố, thế chấp: a) Bán đấu giá tài sản; b) Bên nhận bảo đảm tự bán tài sản; c) Bên nhận bảo đảm nhận chính tài sản để thay thế cho việc thực hiện nghĩa vụ của bên bảo đảm; + Khoản 4 Điều 49 Nghị định 21/2021/NĐ-CP quy định thi hành Bộ luật Dân sự về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ quy định: “4. Việc bên nhận bảo đảm xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ không phải là hoạt động kinh doanh tài sản của bên nhận bảo đảm.” - Quy định của pháp luật về TCTD: + Khoản 3 Điều 139 Luật các TCTD năm 2024 quy định về nắm giữ bất động sản (BDS) do việc xử lý nợ: “3.	Tiếp thu tại điểm g khoản 2 Điều 38 “e) Trường hợp bán tài sản đảm bảo tiền vay do tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán bên nhận bảo đảm (không bao gồm Ngân hàng nhà nước) thực hiện theo quy định của pháp luật về xử lý tài sản bảo đảm và pháp luật về tổ chức tín dụng, nếu tài sản bảo đảm đã chuyển quyền sở hữu, quyền sử dụng sang tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán để xử lý nợ thì tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán bên nhận bảo đảm hoặc người mua theo thỏa thuận của pháp luật về dân sự có trách nhiệm kê khai, nộp đầy đủ các nghĩa vụ thuế liên quan đến giao dịch xử lý tài sản đảm bảo thay cho bên bảo đảm, trường hợp bán tài sản đảm bảo là hàng hoá nhập khẩu thuộc đối tượng miễn thuế, không chịu thuế thì tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán, bên nhận bảo đảm hoặc người mua theo thỏa thuận của pháp luật về dân sự có trách nhiệm kê khai, nộp đầy đủ các nghĩa vụ thuế liên quan đến tài sản đảm bảo thay cho người nộp thuế bên bảo đảm;”

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		Nắm giữ bất động sản do việc xử lý nợ. Trong thời hạn 05 năm kể từ ngày quyết định xử lý tài sản bảo đảm là bất động sản, tổ chức tín dụng phải bán, chuyển nhượng hoặc mua lại bất động sản này. + Khoản 4 Điều 5 Nghị định 135/2025/NĐ-CP về chế độ tài chính đối với TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả đầu tư vốn nhà nước tại TCTD do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và TCTD có vốn nhà nước quy định: 4. Đối với bất động sản nắm giữ do việc xử lý nợ theo quy định tại khoản 3 Điều 139 Luật Các tổ chức tín dụng: a) Đối với bất động sản tổ chức tín dụng nắm giữ để bán, chuyển nhượng nhằm thu hồi vốn trong thời hạn theo quy định tại khoản 3 Điều 139 Luật Các tổ chức tín dụng, tổ chức tín dụng <u>không hạch toán tăng tài sản, không trích khấu hao</u>; b) Đối với bất động sản được tổ chức tín dụng mua lại để sử dụng làm trụ sở kinh doanh, địa điểm làm việc hoặc cơ sở kho tàng phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của tổ chức tín dụng, tổ chức tín dụng <u>hạch toán tăng tài sản, trích khấu hao</u> theo quy định của pháp luật và phải đảm bảo giới hạn mua, đầu tư tài sản cố định theo quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Các tổ chức tín dụng. Như vậy, theo quy định của pháp luật về xử lý TSĐB và pháp luật về TCTD thì (i) Không căn cứ vào việc chuyển quyền sở hữu, chuyển quyền sử dụng của TSĐB từ bên bảo đảm sang TCTD để xác định mục đích nắm giữ TSĐB để bán thu hồi nợ hoặc mua lại TSĐB làm tài sản của mình. Nếu chuyển quyền sở hữu của TSĐB sang TCTD vẫn cho mục đích để bán thu hồi nợ (không phải TCTD mua lại TSĐB) thì bản chất vẫn không phải tài sản của TCTD nên không hạch toán tăng tài sản, trích khấu hao và vẫn thuộc trường hợp	

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		bên nhận bảo đảm xử lý TSDB để thu hồi nợ theo Nghị định 21 và không phải là hoạt động kinh doanh tài sản của bên nhận bảo đảm, theo đó không phải kê khai thuế liên quan đến giao dịch xử lý TSDB mà chỉ thực hiện khai thay người nộp thuế tương tự với trường hợp không chuyển quyền sở hữu, quyền sử dụng. (ii) Về nghĩa vụ khai thay các nghĩa vụ thuế khi xử lý TSDB: thực tế nghĩa vụ thuế phát sinh khi bán, chuyển nhượng tài sản được phép thỏa thuận giữa người bán, người mua theo quy định của pháp luật về dân sự, ví dụ như thuế thu nhập cá nhân khi chuyển nhượng BĐS, do vậy, cho phép bên nhận bảo đảm hoặc người mua TSDB được thỏa thuận theo Bộ luật Dân sự tại Hợp đồng mua, bán TSDB để thực hiện khai thay, nộp nghĩa vụ thuế vào ngân sách nhà nước đầy đủ trước khi thực hiện thủ tục chuyển quyền sở hữu, quyền sử dụng đối với TSDB mà không quy định trách nhiệm của bên nhận bảo đảm là người phải kê khai. (iii) Bán TSDB tiền vay chỉ là một trong trường hợp xử lý nợ theo quy định của Luật các TCTD và pháp luật về xử lý TSDB và khái niệm tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán không phù hợp với quy định của pháp luật về xử lý TSDB. Theo đó, VietinBank đề xuất sửa điểm e khoản 2 Điều 38 Dự thảo như sau: <i>"e) Trường hợp bán tài sản đảm bảo tiền vay do tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán bên nhận bảo đảm (không bao gồm Ngân hàng nhà nước) thực hiện theo quy định của pháp luật về xử lý tài sản bảo đảm bảo và pháp luật về tổ chức tín dụng, nếu tài sản bảo đảm đã chuyển quyền sở hữu, quyền sử dụng sang tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán để xử lý nợ thì tổ chức cung ứng dịch vụ</i>	

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		thanh toán bên nhận bảo đảm hoặc người mua theo thỏa thuận của pháp luật về dân sự có trách nhiệm kê khai, nộp đầy đủ các nghĩa vụ thuế liên quan đến giao dịch xử lý tài sản đảm bảo thay cho bên bảo đảm, trường hợp bán tài sản đảm bảo là hàng hoá nhập khẩu thuộc đối tượng miễn thuế, không chịu thuế thì tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán, bên nhận bảo đảm hoặc người mua theo thỏa thuận của pháp luật về dân sự có trách nhiệm kê khai, nộp đầy đủ các nghĩa vụ thuế liên quan đến tài sản đảm bảo thay cho người nộp thuế bên bảo đảm;	
Khoản 5 Điều 38	Công ty TNHH kế toán và tư vấn thuế Trọng Tín	Mười một, Về phạm vi cung cấp dịch vụ kinh doanh dịch vụ thủ tục về thuế tại Khoản 5 Điều 38 của Dự thảo Luật quản lý thuế Hoạt động Đại lý thuế đã ra đời từ năm 2010 cho đến nay đã được 15 năm với sự phát triển mạng lưới rộng khắp trên phạm vi toàn quốc với gần 1.000 đại lý thuế đủ điều kiện hành nghề. Sự phát triển lớn mạnh của hệ thống đại lý thuế Việt Nam đã và đang đóng góp tích cực vào công cuộc cải cách thủ tục hành chính, cải thiện môi trường kinh doanh và hỗ trợ hiệu quả cho người nộp thuế và cơ quan thuế. Tuy nhiên, với phạm vi hoạt động của đại lý thuế được quy định tại Điểm c Khoản 5 Điều 38 là chưa phù hợp với tiềm năng thực tế cũng như yêu cầu của xã hội đặt ra. Theo đó, chúng tôi đề nghị bổ sung phạm vi hoạt động đồng thời giao cho Chính phủ hướng dẫn chi tiết nhằm linh hoạt và phù hợp với yêu cầu từng thời kỳ như sau: c) Dịch vụ do đại lý thuế, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh dịch vụ làm thủ tục về thuế cung cấp cho người nộp thuế theo hợp đồng bao gồm:	Nội dung tham gia ý kiến của Công ty đang chi tiết hóa các dịch vụ do đại lý thuế, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh dịch vụ làm thủ tục về thuế cung cấp cho người nộp thuế. Tuy nhiên, bản chất các dịch vụ này đã được quy định rất cụ thể tại điểm c, khoản 5, Điều 38 dự thảo. Đồng thời tại điểm a, b khoản 5 Điều 38 quy định “...thực hiện các dịch vụ làm thủ tục về thuế theo thỏa thuận với người nộp thuế” là đã bảo đảm bao quát thực tiễn

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<i>c1. Dịch vụ thủ tục hành chính về thuế;</i> <i>c2. Dịch vụ thủ tục hành chính về thuế khác;</i> <i>c3. Dịch vụ tư vấn pháp luật thuế;</i> <i>c4. Dịch vụ hỗ trợ pháp lý về thuế;</i> <i>c5. Dịch vụ kế toán Hộ kinh doanh, doanh nghiệp siêu nhỏ, doanh nghiệp nhỏ theo quy định của pháp luật kế toán.</i> <i>c6. Giao Chính phủ hoặc giao cho Bộ tài chính quy định chi tiết về các dịch vụ của Đại lý thuế tại khoản này.</i> Trong đó các dịch vụ của đại lý thuế được Chính phủ hoặc Bộ Tài chính hướng dẫn sau này có thể là: <i>Dịch vụ thủ tục hành chính về thuế:</i> Là các thủ tục hành chính liên quan đến quyền, nghĩa vụ của người nộp thuế được quy định trong luật quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn có liên quan về các công việc như: <i>Thủ tục đăng ký thuế; kê khai tính thuế; lập hồ sơ quyết toán thuế, miễn thuế, giảm thuế, hoàn thuế ... Lập các báo cáo hóa đơn, chứng từ khấu trừ thuế và thông báo phát hành hóa đơn; Các công việc hỗ trợ cho việc nộp thuế và các công việc thủ tục hành chính thuế theo quy định của Luật quản lý thuế.</i> <i>Dịch vụ thủ tục hành chính về thuế khác:</i> Đại diện về thuế; Kiểm tra, soát xét về thuế và dịch vụ kiểm tra quyết toán đối với doanh nghiệp giải thể, chấm dứt hoạt động theo hợp đồng với cơ quan thuế... trong đó: <i>Đại diện về thuế:</i> Là hoạt động Đại lý thuế đại diện người nộp thuế để làm việc với cơ quan thuế trong việc giải trình hồ sơ, số liệu về thuế; thực hiện các thủ tục khiếu nại về thuế theo quy định của pháp luật thuế... <i>Kiểm tra, soát xét về thuế:</i> Là hoạt động Đại lý thuế	

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG: TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		xem xét về hồ sơ, số liệu kê khai nộp thuế, nghĩa vụ thuế được thể hiện trong hồ sơ, số liệu kê khai, quyết toán thuế của người nộp thuế để đưa ra ý về việc thực hiện nghĩa vụ thuế của người nộp thuế theo quy định ... Dịch vụ quyết toán thuế của doanh nghiệp giải thể, chấm dứt hoạt động theo hợp đồng với cơ quan thuế. Dịch vụ tư vấn pháp luật thuế bao gồm: <i>Dịch vụ tư vấn chính sách pháp luật thuế và dịch vụ tư vấn thực hiện tuân thủ các thủ tục về thuế</i>, trong đó: <i>Dịch vụ tư vấn chính sách pháp luật về thuế:</i> Là việc Đại lý thuế hướng dẫn, đưa ra ý kiến giúp người nộp thuế thực hiện chính sách về thuế theo đúng quy định tại pháp luật thuế. <i>Dịch vụ tư vấn thực hiện tuân thủ các thủ tục về thuế:</i> Là việc Đại lý thuế hướng dẫn, đưa ra ý kiến giúp người nộp thuế thực hiện tuân thủ các thủ tục hành chính về thuế theo đúng quy định tại Luật quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành. Dịch vụ hỗ trợ pháp lý về thuế của Đại lý thuế bao gồm: <i>Hoạt động hỗ trợ pháp lý về thuế cho luật sư tại tòa và Hoạt động trợ lý pháp lý liên quan đến thuế</i>, trong đó: <i>Hoạt động hỗ trợ pháp lý về thuế cho luật sư tại tòa:</i> Là hoạt động Đại lý thuế hỗ trợ về chính sách thuế, thủ tục về thuế và các công việc tính toán số liệu liên quan đến nghĩa vụ thuế để hỗ trợ Luật sư tranh tụng tại tòa án... <i>Hoạt động trợ lý pháp lý về thuế:</i> Là hoạt động đưa ra ý kiến pháp lý của Đại lý thuế liên quan đến các vấn đề về thuế tại tòa nhưng sẽ không có hiệu lực khi Luật sư mà Đại lý thuế hỗ trợ thu hồi và sửa chữa những ý kiến đó.	

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
Điều 38	Eurofins Việt Nam	Dự thảo Luật bổ sung quy định về trách nhiệm của các bên thứ ba (tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán, tổ chức bán đấu giá,...) trong việc nộp thay nghĩa vụ thuế của người nộp thuế. Kiến nghị: - Cần có hướng dẫn chi tiết và cụ thể về quy trình phối hợp, trách nhiệm của các bên liên quan để đảm bảo tính khả thi và giảm thiểu rủi ro pháp lý cho các tổ chức này. - Phát sinh trách nhiệm ngoài phạm vi: Các tổ chức này có thể phải thực hiện các trách nhiệm phát sinh ngoài hoạt động kinh doanh chính của họ, đối mặt với các rủi ro và chế tài xử phạt nếu không tuân thủ đúng quy định về trích nộp hoặc cung cấp thông tin.	Tại khoản 8 Điều 38 dự thảo Luật đã giao Chính phủ quy định “<i>Nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan thông tin, báo chí và tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán, tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán trực tuyến và nội dung, hình thức, phương thức và thời hạn cung cấp thông tin phục vụ quản lý thuế quy định tại Điều này;</i>” Sau khi luật được thông qua, Chính phủ sẽ ban hành ND để quy định chi tiết về các nội dung trên.
Điều 38	Đoàn ĐBQH tỉnh Nghệ An	Về nhiệm vụ, quyền hạn của tổ chức, cá nhân khác trong quản lý thuế (Điều 38) Tại điểm i khoản 3, đề nghị bổ sung trách nhiệm của bên thứ ba trong việc thi hành quyết định cưỡng chế, cụ thể viết lại như sau: “i) Bên thứ ba đang có khoản nợ hoặc giữ tiền, tài sản khác của đối tượng bị cưỡng chế cung cấp thông tin về khoản nợ hoặc khoản tiền, tài sản khác đang nắm giữ của đối tượng thuộc diện cưỡng chế và có trách nhiệm nộp tiền thuế nợ thay cho đối tượng bị cưỡng chế;”	Tiếp thu, sửa điểm i khoản 3 Điều 38 như sau: “i) Bên thứ ba đang có khoản nợ hoặc giữ tiền, tài sản khác của đối tượng bị cưỡng chế cung cấp thông tin về khoản nợ hoặc khoản tiền, tài sản khác đang nắm giữ của đối tượng thuộc diện cưỡng chế và có trách nhiệm nộp tiền thuế nợ thay cho đối tượng bị cưỡng chế”
Điều 39	Đoàn ĐBQH tỉnh Cà Mau	1. Khiếu nại, tố cáo, giải quyết tranh chấp về thuế (Điều 39) Về hạn chế: - Theo quy định tại khoản 1 Điều 39, nhận thấy chưa làm rõ trách nhiệm của cơ quan thuế trong việc thụ lý và	- Tại khoản 1 Điều 39 đã bổ sung quy định “<i>Người khiếu nại được biết trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại</i>”

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		công khai tiến độ giải quyết khiếu nại. Việc này làm suy giảm hiệu quả bảo vệ quyền lợi hợp pháp của người nộp thuế, đặc biệt trong môi trường quản lý thuế điện tử. - Theo quy định tại điểm c khoản 4 Điều này, quy định pháp luật hiện hành và hiệp định tránh đánh thuế hai lần chỉ quy định nguyên tắc chung về thủ tục thỏa thuận song phương, chưa có quy định chi tiết, rõ ràng. Việc này dẫn đến khó khăn trong việc triển khai thống nhất giữa cơ quan thuế và người nộp thuế. Đề xuất bổ sung: - Bổ sung cuối khoản 1: <i>“Cơ quan quản lý thuế có trách nhiệm thụ lý và thông báo việc thụ lý trong thời hạn theo Luật Khiếu nại; công khai tình trạng xử lý trên Cổng thông tin điện tử ngành Thuế để người khiếu nại tra cứu tiến độ, kết quả giải quyết”</i>. Việc nội luật hóa trách nhiệm công khai tiến độ vừa phù hợp với Luật Khiếu nại vừa tạo cơ sở pháp lý rõ ràng để triển khai cơ chế theo dõi điện tử, minh bạch và giảm khiếu kiện kéo dài. Nếu không quy định, quyền tra cứu điện tử của người nộp thuế sẽ chỉ mang tính hình thức. - Bổ sung cuối điểm c khoản 4: <i>“Trường hợp người nộp thuế đề nghị thực hiện thủ tục thỏa thuận song phương theo điều ước quốc tế về thuế, Bộ Tài chính hướng dẫn chi tiết trình tự, hồ sơ, thời hạn và cơ chế phối hợp”</i>. Việc bổ sung quy định này sẽ tạo cơ sở pháp lý đầy đủ, bảo đảm tính minh bạch, thống nhất và khả thi trong quá trình áp dụng. Đồng thời, giúp cơ quan thuế và người nộp thuế có căn cứ rõ ràng khi thực hiện, hạn chế vướng mắc và tranh chấp phát sinh, qua đó nâng cao hiệu quả thực thi các hiệp định quốc tế về thuế.	<i>trên Hệ thống thông tin điện tử của Chính phủ theo quy định của pháp luật”</i>. - Tại khoản 2 Điều 31 đã quy định <i>“Việc áp dụng cơ chế thỏa thuận trước về phương pháp xác định giá tính thuế được thực hiện trên cơ sở đề nghị của người nộp thuế, sự thống nhất giữa cơ quan thuế và người nộp thuế theo thỏa thuận đơn phương, song phương và đa phương giữa cơ quan thuế, người nộp thuế và cơ quan thuế nước ngoài, vùng lãnh thổ có liên quan thực hiện do thủ trưởng cơ quan thuế quyết định theo quy định của Bộ Tài chính”</i>. Sau khi Luật được thông qua, Bộ Tài chính sẽ ban hành thông tư để quy định chi tiết về <i>trình tự, hồ sơ,</i>

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			<i>thời hạn và cơ chế phối hợp</i> trong thực hiện APA.
Khoản 1 Điều 39	UBND tỉnh Hà Tĩnh (Sở Tài chính)	Tại khoản 1 Điều 39 của Dự thảo, đề nghị cơ quan soạn thảo sửa đổi: <i>“Điều 39. Khiếu nại, tố cáo, giải quyết tranh chấp về thuế</i> <i>1. Người nộp thuế có quyền khiếu nại với cơ quan có thẩm quyền đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính của cơ quan quản lý thuế, người có thẩm quyền của cơ quan quản lý thuế khi có căn cứ cho rằng quyết định hoặc hành vi đó là trái pháp luật, xâm phạm trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp của mình. Người khiếu nại được biết trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại trên Cổng thông tin điện tử ngành Thuế theo quy định của pháp luật.”</i> Lý do đề nghị: Tại khoản 1 Điều 2 của Luật đã quy định đầy đủ khái niệm người nộp thuế bao gồm toàn bộ tổ chức, cá nhân có nghĩa vụ nộp thuế. Vì vậy, nên việc lặp lại <i>“tổ chức, cá nhân”</i> tại khoản này là không cần thiết	Đề nghị để lại cụm từ “tổ chức, cá nhân” để phù hợp với Luật Khiếu nại đồng thời để NNT phân biệt giữa chủ thể được khiếu nại với chủ thể được tố cáo + Người nộp thuế, tổ chức, cá nhân có quyền khiếu nại + Công dân có quyền tố cáo Phù hợp quy định giữa điểm 1, điểm 2 Điều 39
Điều 40	Đoàn ĐBQH tỉnh Cà Mau	Trách nhiệm và quyền hạn của cơ quan quản lý thuế trong việc giải quyết khiếu nại về thuế (Điều 40) Về hạn chế: - Theo quy định tại khoản 2 chỉ dừng ở việc cơ quan quản lý thuế hoàn trả số tiền, tiền chậm nộp, tiền phạt thu không đúng mà không kèm lãi, gây bất công bằng. Trong khi người nộp thuế chậm nộp thì bị tính lãi, còn cơ quan quản lý thuế giữ tiền thu không đúng lại không phải trả lãi.	- Về ý kiến bổ sung tính lãi: trước đây tại Luật quản lý thuế số 38/2019/QH14 đã có quy định <i>“Quá thời hạn quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, nếu việc chậm ban hành quyết định hoàn thuế do lỗi của cơ quan quản lý thuế thì ngoài số tiền thuế phải hoàn trả, cơ quan quản lý</i>

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		- Theo quy định tại khoản 3 về Hội đồng tham vấn chưa quy định rõ thành phần chuyên môn và cơ chế kiểm soát xung đột lợi ích, dễ dẫn đến thiếu khách quan, minh bạch. Đề xuất sửa đổi, bổ sung: - Sửa khoản 2: “Cơ quan quản lý thuế phải hoàn trả đầy đủ số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt thu không đúng và tiền lãi tính trên số tiền bị thu không đúng cho người nộp thuế, bên thứ ba trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được quyết định xử lý của cơ quan có thẩm quyền; phương pháp tính lãi do Bộ Tài chính hướng dẫn.” Theo nguyên tắc bình đẳng trước pháp luật đòi hỏi cơ quan quản lý thuế cũng phải chịu nghĩa vụ tương tự người nộp thuế, theo cơ chế của Bộ luật Dân sự hiện hành cũng hiểu rằng người chiếm hữu, sử dụng tài sản, được lợi về tài sản không có căn cứ pháp luật phải hoàn trả tài sản cho chủ sở hữu; nếu là tiền thì phải trả cả gốc lẫn lãi theo quy định, nếu Luật Quản lý thuế không ghi nhận sẽ tạo ra sự bất tương xứng. - Bổ sung cuối khoản 3: “Hội đồng tham vấn gồm đại diện pháp chế, nghiệp vụ, công nghệ thông tin (trong trường hợp tranh chấp liên quan đến hệ thống điện tử); thành viên có quan hệ lợi ích với vụ việc phải từ chối tham gia; biên bản họp, ý kiến đa số và thiểu số phải được lưu vết trên hệ thống điện tử, công khai cho đương sự tiếp cận.” Việc bổ sung cơ chế kiểm soát Hội đồng tham vấn không làm phát sinh thủ tục mới, chỉ nâng chuẩn minh bạch, giảm rủi ro kiện tụng kéo dài, đồng thời giúp quyết định giải quyết khiếu nại tăng tính thuyết phục và khả năng chấp hành cao hơn.	<i>thuế còn phải trả tiền lãi với mức 0,03%/ngày tính trên số tiền phải hoàn trả và số ngày chậm hoàn trả. Nguồn tiền trả lãi được chi từ ngân sách trung ương theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước</i>”. Tuy nhiên, quy định này đã bị bãi bỏ tại khoản 13 Điều 6 Luật số 56/2024/QH15. - Về ý kiến thành phần Hội đồng tham vấn: Tại khoản 3 Điều 40 quy định “Đối với vụ việc khiếu nại phức tạp, thủ trưởng cơ quan quản lý thuế là người giải quyết khiếu nại thực hiện tham vấn các cơ quan, tổ chức có liên quan, bao gồm cả khiếu nại lần đầu. Khi thực hiện việc tham vấn, thủ trưởng cơ quan quản lý thuế phải ban hành quyết định thành lập Hội đồng tham vấn”. Theo đó, thành phần của hội đồng tham vấn sẽ được Thủ trưởng cơ quan quản lý thuế là người giải quyết khiếu nại quyết định cho phù hợp tính chất, sự phức tạp và nội dung của từng vụ việc. Việc quy định thành phần cứng tại Luật sẽ không bao quát được thực tế phát sinh.
khoản 6 Điều	UBND tỉnh Bắc	Đề nghị sửa đổi, bổ sung khoản 6 Điều 42 Dự thảo,	Tiếp thu, hoàn thiện tại khoản 7 Điều 42

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
42	Ninh	như sau: <i>“6. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính về quản lý thuế được thực hiện theo pháp luật về xử lý vi phạm hành chính. Đối với hành vi trốn thuế chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự, hành vi khai sai dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp hoặc tăng số tiền thuế được miễn, giảm, hoàn, không thu thì thời hiệu xử phạt là 5 năm kể từ ngày thực hiện hành vi vi phạm. Thời điểm thực hiện theo quy định của Chính phủ.”</i>	
Khoản 1 Điều 42	UBND TP HCM	về nguyên tắc xử phạt vi phạm hành chính tại Điều 42 Luật dự thảo Nguyên tắc xử phạt vi phạm hành chính “một lần”: - Theo dự thảo Luật (Điều 42), bãi bỏ khoản 2 Điều 136 Luật QLT năm 2019 <i>(vi phạm hành chính về sử dụng hóa đơn dẫn đến thiếu thuế, trốn thuế thì không xử phạt vi phạm hành chính về hóa đơn mà bị xử phạt vi phạm hành chính về quản lý thuế)</i>. Khi đó, NNT có hành vi sử dụng hóa đơn không hợp pháp, sử dụng không hợp pháp hóa đơn dẫn đến thiếu số thuế phải nộp <i>bị xử phạt cả về lĩnh vực thuế và lĩnh vực hóa đơn,</i> - Tuy nhiên, khoản 1 Điều 42 Luật dự thảo vẫn giữ nguyên tắc <i>“Việc xử phạt vi phạm hành chính về quản lý thuế được thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý thuế và pháp luật về xử lý vi phạm hành chính”</i>. Tại Điều 3 Luật Xử lý VPHC quy định nguyên tắc <i>“Một hành vi vi phạm hành chính chỉ bị xử phạt một lần”</i>. Đề xuất: Giữ nguyên như hiện hành nguyên tắc xử phạt VPHC “một lần”. Trường hợp bãi bỏ khoản 2 Điều 136 Luật QLT năm 2019, thì xem xét sửa đổi khoản 1 Điều 42	Điều 42 dự thảo Luật bãi bỏ khoản 2 Điều 136 Luật QLT năm 2019 về việc vi phạm hành chính về sử dụng hóa đơn dẫn đến thiếu thuế, trốn thuế thì không xử phạt vi phạm hành chính về hóa đơn mà bị xử phạt vi phạm hành chính về quản lý thuế. Lý do: - Hiện nay đang xảy ra các trường hợp bất cập, mâu thuẫn trong thực tế. Một số trường hợp NNT có vi phạm hành chính về sử dụng hóa đơn không hợp pháp, sử dụng không hợp pháp dẫn tới thiếu số thuế phải nộp (hành vi có tính chất nghiêm trọng hơn) bị xử phạt về hành vi trốn thuế với mức tiền phạt nhỏ hơn so với NNT có hành vi VPHC về sử dụng hóa đơn không hợp pháp, sử dụng không hợp pháp không dẫn tới thiếu số thuế phải nộp (hành vi có tính chất ít nghiêm trọng hơn) bị xử phạt về hành vi VPHC về hóa đơn. Nguyên tắc loại trừ này dẫn tới sự không công bằng trong xử phạt VPHC, phản ứng tiêu cực của NNT. Đồng thời, nhiều trường hợp, NNT cũng lợi dụng nguyên tắc loại trừ này để chuyển hành vi VPHC về hóa đơn sang hành vi trốn thuế (nếu mức phạt về hành vi VPHC về hóa đơn cao hơn mức tiền phạt về hành vi trốn thuế) gây ảnh hưởng đến sự nghiêm minh của pháp luật về xử phạt VPHC.

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		Luật dự thảo đề phù hợp.	- Để đảm bảo tính nghiêm minh và răn đe của pháp luật nên bãi bỏ nguyên tắc loại trừ này để trường hợp NNT có hành vi sử dụng hóa đơn không hợp pháp, sử dụng không hợp pháp hóa đơn dẫn đến thiếu số thuế phải nộp phải bị xử phạt nghiêm khắc cả về lĩnh vực thuế và lĩnh vực hóa đơn, sẽ phải chịu hình thức xử phạt cao hơn NNT sử dụng hóa đơn không hợp pháp, sử dụng không hợp pháp hóa đơn nhưng không gây ra hậu quả nghiêm trọng là thiếu thuế, trốn thuế. - Việc bãi bỏ nguyên tắc loại trừ này cũng không mâu thuẫn với nguyên tắc “một hành vi vi phạm hành chính chỉ bị xử phạt một lần”. Do hành vi sử dụng hóa đơn không hợp pháp, sử dụng không hợp pháp hóa đơn là hành vi VPHC thuộc lĩnh vực hóa đơn. Trong trường hợp hóa đơn này được NNT đưa vào kê khai thuế (GTGT, TNDN) dẫn đến tờ khai thuế của cá nhân, tổ chức bị sai sót và thiếu số thuế phải nộp, trốn thuế thì NNT đã có hành vi VPHC về thuế (khai sai hoặc trốn thuế) là hành vi khác với hành vi VPHC về hóa đơn và NNT sẽ bị xử phạt VPHC về thuế. Đây là 02 hành vi VPHC thuộc 02 lĩnh vực khác nhau (thuế và hóa đơn) và khi NNT bị xử phạt VPHC về cả 02 lĩnh vực thì không mâu thuẫn với nguyên tắc “một hành vi vi phạm hành chính chỉ bị xử phạt một lần”.
Điểm b khoản 2 Điều 42	UBND TP HCM	1.2 Tại điểm b khoản 2 Điều 42: “2. Việc áp dụng mức phạt tiền trong xử phạt vi phạm hành chính về quản lý thuế được thực hiện như sau: a) Phạt 10% tính trên số tiền thuế khai thiếu số tiền thuế phải nộp hoặc số tiền thuế khai tăng trong trường hợp được miễn, giảm, hoàn, không thu thuế về hành vi quy định tại điểm b khoản 2 Điều 43 của Luật này đối với	Dự thảo luật đã được hoàn thiện như sau: a) Phạt 10% tính trên số tiền thuế khai thiếu số tiền thuế phải nộp hoặc số tiền thuế khai tăng trong trường hợp được miễn, giảm, hoàn, không thu thuế về hành vi quy định tại điểm a khoản 3 Điều 43 của Luật này đối với trường hợp người nộp thuế tự phát hiện và khai bổ sung theo quy định trừ trường hợp phát hiện từ thời điểm ban

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		trường hợp người nộp thuế tự phát hiện và khai bổ sung theo quy định trừ trường hợp phát hiện trong quá trình thanh tra, kiểm tra đối với hàng hóa đã thông quan, kiểm tra sau thông quan; b) Phạt 20% tính trên số tiền thuế khai thiếu số tiền thuế phải nộp hoặc số tiền thuế khai tăng trong trường hợp được miễn, giảm, hoàn, không thu thuế đối với hành vi quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều 43 trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều này;" Đề xuất bổ sung sửa đổi: "b) Phạt 20% tính trên số tiền thuế khai thiếu số tiền thuế phải nộp hoặc số tiền thuế khai tăng trong trường hợp được miễn, giảm, hoàn, không thu thuế đối với hành vi quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều 43, trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều này;" * Lý do: khoản 2 Điều 43 chỉ có điểm a và điểm b, trong khi đó điểm b khoản 2 Điều 43 đã được quy định phạt 10% tại điểm b Khoản 2 Điều 42.	hành quyết định kiểm tra sau thông quan, thanh tra, kiểm tra đối với hàng hóa đã thông quan đến thời điểm ban hành kết luận kiểm tra sau thông quan, thanh tra, kiểm tra; b) Phạt 20% tính trên số tiền thuế khai thiếu số tiền thuế phải nộp hoặc số tiền thuế khai tăng trong trường hợp được miễn, giảm, hoàn, không thu thuế đối với hành vi quy định tại khoản 2, điểm b, c khoản 3 Điều 43 trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này;
Khoản 4 Điều 42	UBND TP HCM	1.3 Tại khoản 4 Điều 42 "4. Trường hợp người nộp thuế bị ấn định thuế theo quy định tại Điều 24 và Điều 25 của Luật này thì tùy theo tính chất, mức độ của hành vi vi phạm có thể bị xử phạt vi phạm hành chính về quản lý thuế theo quy định của Luật này." Đề xuất bổ sung sửa đổi: Bỏ cụm từ "<i>tùy theo tính chất, mức độ của hành vi vi phạm có thể</i>" tại khoản 4 Điều 42 thành "<i>bị xử phạt theo điểm b khoản 2 Điều 42</i>" "4. Trường hợp người nộp thuế bị ấn định thuế theo quy	Nội dung tại dự thảo Luật được giữ như quy định tại Luật 38 và nội dung này cũng đang được quy định cụ thể tại điểm c khoản 2 Điều 16 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP quy định: "(c) Trường hợp người nộp thuế bị ấn định thuế theo quy định thì cơ quan thuế xử phạt vi phạm hành chính và tính tiền chậm nộp tiền thuế theo quy định của pháp luật." Do vậy, tiếp thu ý kiến bỏ cụm từ "<i>tùy theo tính chất, mức độ của hành vi vi phạm có thể</i>"

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<i>định tại Điều 24 và Điều 25 của Luật này thì tùy theo tính chất, mức độ của hành vi vi phạm có thể bị xử phạt vi phạm hành chính về quản lý thuế theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 42 của Luật này”.</i> <u>Lý do:</u> Cụm từ “<i>tùy theo tính chất, mức độ của hành vi vi phạm có thể ...</i>” thực tiễn rất khó áp dụng để xử lý phạt hay không phạt.	
Khoản 6 Điều 42	UBND TP HCM	1.4 Tại Khoản 6 Điều 42 “6. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính về quản lý thuế được thực hiện theo pháp luật về xử lý vi phạm hành chính. Đối với hành vi trốn thuế chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự, hành vi khai sai dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp hoặc tăng số tiền thuế được miễn, giảm, hoàn, không thu thì thời hiệu xử phạt là 5 năm kể từ ngày thực hiện hành vi vi phạm.” Theo dự thảo Luật quy định thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính về quản lý thuế (ngoại trừ trốn thuế và khai sai dẫn đến thiếu số tiền thuế) được thực hiện theo pháp luật về xử lý vi phạm hành chính. Tuy nhiên, Luật 88 năm 2025 quy định thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính là 01 năm, trừ các trường hợp sau đây: (i) Vi phạm hành chính về kế toán; hóa đơn là 2 năm; (ii) Vi phạm hành chính về thuế, kiểm toán độc lập thì thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật về quản lý thuế, pháp luật về kiểm toán độc lập Nếu quy định tại dự thảo Luật (khoản 6 Điều 42), thời hiệu xử phạt các hành vi vi phạm hành chính khác về quản	Khoản 7 Điều 42 dự thảo Luật đã được hoàn thiện như sau: “5. Đối với hành vi vi phạm thủ tục thuế thì thời hiệu xử phạt là 02 năm. Đối với hành vi trốn thuế chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự, hành vi khai sai dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp hoặc tăng số tiền thuế được miễn, giảm, hoàn, không thu thì thời hiệu xử phạt là 5 năm. Thời điểm để tính thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính thực hiện theo quy định của Chính phủ.”

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		lý thuế là 1 năm (hóa đơn là 2 năm; trốn thuế và khai sai là 5 năm). Vì vậy đề xuất giữ lại quy định về thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm thủ tục thuế thì thời hiệu xử phạt là 02 năm kể từ ngày thực hiện hành vi vi phạm.	
Khoản 9 Điều 42	UBND TP HCM	1.5 Tại khoản 9 Điều 42: Bổ sung vào khoản 9 Điều 42 cụm từ <i>“và có văn bản xác định về hành vi khai sai”</i>: <i>“9. Không xử phạt vi phạm hành chính về quản lý thuế được áp dụng đối với trường hợp khai sai, người nộp thuế đã khai bổ sung hồ sơ khai thuế và đã tự giác nộp đủ số tiền thuế phải nộp trước thời điểm cơ quan thuế công bố quyết định kiểm tra thuế, cơ quan có thẩm quyền khác công bố quyết định thanh tra, kiểm tra tại trụ sở người nộp thuế hoặc trước thời điểm cơ quan thuế phát hiện không qua kiểm tra thuế tại trụ sở của người nộp thuế hoặc trước khi cơ quan có thẩm quyền khác phát hiện và có văn bản xác định về hành vi khai sai; người nộp thuế được gia hạn nộp hồ sơ khai thuế; cá nhân trực tiếp quyết toán thuế thu nhập cá nhân chậm nộp hồ sơ quyết toán thuế thu nhập cá nhân mà có phát sinh số tiền thuế được hoàn và các trường hợp quy định tại Luật này, Luật khác và các trường hợp bất khả kháng khác theo quy định của Chính phủ”.</i> <u>Lý do:</u> trong thực tiễn cơ quan thuế không thể xác định được thời điểm “cơ quan có thẩm quyền khác phát hiện” về hành vi khai sai của người nộp thuế. Mặt khác, so với khoản 2 Điều 141 Luật 38/2019, dự thảo Luật bỏ quy định không xử phạt đối với trường hợp	Trường hợp NNT được gia hạn nộp hồ sơ khai thuế thì đương nhiên NNT sẽ không có hành vi vi phạm về thời hạn nộp hồ sơ khai thuế và không bị xử phạt về hành vi vi phạm thời hạn nộp hồ sơ khai thuế trong thời gian gia hạn nên không cần thiết phải bổ sung trường hợp NNT được gia hạn nộp hồ sơ khai thuế tại khoản 9 Điều 42 tại dự thảo lấy ý kiến. Tại khoản 9 Điều 2 Nghị định số 125/2020/NĐ-Cp đã quy định <i>“9. Ngày phát hiện hành vi vi phạm là ngày người có thẩm quyền đang thi hành công vụ lập biên bản ghi nhận hành vi vi phạm hành chính của đối tượng bị xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn.”</i>. Theo đó, trường hợp trước khi cơ quan có thẩm quyền khác phát hiện cũng phải là trước khi cơ quan có thẩm quyền khác lập biên bản ghi nhận hành vi vi phạm của đối tượng bị xử phạt. Nội dung này Ban soạn thảo sẽ nghiên cứu, xem xét đề quy định chi tiết tại Nghị định xử phạt VPHC về thuế, hóa đơn.

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		“Người nộp thuế được gia hạn nộp hồ sơ khai thuế”. Vì vậy đề xuất bổ sung trường hợp “Người nộp thuế được gia hạn nộp hồ sơ khai thuế” cũng không bị xử phạt vi phạm hành chính.	
Khoản 9 Điều 42	Đoàn ĐBQH Khánh Hòa	Nguyên tắc xử phạt vi phạm hành chính về quản lý thuế (Điều 42) Tại khoản 9: Không xử phạt vi phạm hành chính về quản lý thuế được áp dụng đối với trường hợp khai sai, người nộp thuế đã tự giác bổ sung hồ sơ khai thuế và đã tự giác nộp đủ số tiền thuế phải nộp trước thời điểm cơ quan thuế công bố quyết định kiểm tra thuế, cơ quan có thẩm quyền khác công bố quyết định kiểm tra, thanh tra tại trụ sở người nộp thuế hoặc trước thời điểm cơ quan thuế phát hiện không qua kiểm tra thuế tại trụ sở người nộp thuế hoặc trước khi cơ quan có thẩm quyền khác phát hiện; cá nhân trực tiếp quyết toán thuế thu nhập cá nhân chậm nộp hồ sơ quyết toán thuế thu nhập cá nhân mà có phát sinh số tiền thuế được hoàn và các trường hợp quy định tại Luật này, Luật khác và các trường hợp bất khả kháng khác theo quy định của Chính phủ. Kiến nghị điều chỉnh thành: Không xử phạt vi phạm hành chính về quản lý thuế trong các trường hợp sau: - Người nộp thuế khai sai nhưng đã tự giác bổ sung hồ sơ khai thuế và đã tự giác nộp đủ số tiền thuế phải nộp trước thời điểm cơ quan thuế công bố quyết định kiểm tra thuế, cơ quan có thẩm quyền khác công bố quyết định kiểm tra, thanh tra tại trụ sở người nộp thuế hoặc trước thời điểm cơ quan thuế phát hiện không qua kiểm tra thuế tại trụ sở người nộp thuế hoặc trước khi cơ quan có thẩm quyền khác phát hiện; - Cá nhân trực tiếp quyết toán thuế thu nhập cá nhân chậm nộp hồ sơ quyết toán thuế thu nhập cá nhân mà có phát sinh	Khoản 2 Điều 42 liệt kê các trường hợp không xử phạt vi phạm hành chính. Tuy nhiên, theo quy định về mẫu văn bản QPPL thì văn bản QPPL không sử dụng dấu gạch đầu dòng nên Ban soạn thảo sử dụng dấu “;” để ngăn cách các trường hợp không xử phạt vi phạm hành chính.

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<i>so tiền thuế được hoàn;</i> <i>- Các trường hợp quy định tại Luật khác và các trường hợp bất khả kháng khác theo quy định của Chính phủ.</i>	
Điều 42	UBND TP Hải Phòng (Thuế TP Hải Phòng)	6. Điều 42. Nguyên tắc xử phạt vi phạm hành chính về quản lý thuế Thuế thành phố Hải Phòng: Đề nghị Ban soạn thảo bổ sung quy định chuyển hành vi trốn thuế thành hành vi vi phạm thủ tục về thuế khi người nộp thuế tự giác khắc phục hậu quả khi nhận biết được mức độ vi phạm của hành vi sử dụng hóa đơn không hợp pháp và không hợp pháp hóa đơn. Lí do: Đề giảm hình sự hóa đối với người nộp thuế khi sử dụng hóa đơn không hợp pháp và không hợp pháp hóa đơn cũng như trách nhiệm của cán bộ thuế trong công tác quản lý thuế.	Đối với trường hợp của UBND TP Hải Phòng (Thuế TP Hải Phòng): người nộp thuế có hành vi sử dụng hóa đơn không hợp pháp và không hợp pháp hóa đơn và đã tự giác khắc phục hậu quả (khai bổ sung hồ sơ khai thuế trước khi cơ quan thuế, cơ quan có thẩm quyền khác phát hiện hoặc trước khi công bố quyết định kiểm tra) thì NNT không bị xử phạt vi phạm hành chính. Trường hợp người nộp thuế có hành vi sử dụng hóa đơn không hợp pháp và không hợp pháp hóa đơn và đã bị cơ quan thuế, cơ quan có thẩm quyền khác phát hiện thì sẽ bị xử phạt về hành vi trốn thuế nếu có số thuế trốn hoặc phạt về thủ tục thuế nếu không có số thuế trốn. Do đó, đề xuất về việc bổ sung quy định chuyển hành vi trốn thuế thành hành vi vi phạm thủ tục về thuế đối với trường hợp nêu trên là không phù hợp, đồng thời cũng không thuộc phạm vi điều chỉnh tại Điều 42.
Điều 43	UBND TP Hải Phòng (Thuế TP Hải Phòng)	7. Điều 43. Hành vi vi phạm trong lĩnh vực quản lý thuế 7.1. Điểm k khoản 3 Điều 43 <i>“Điều 43. Hành vi vi phạm trong lĩnh vực quản lý thuế</i> <i>3. Hành vi trốn thuế</i> <i>k) Người nộp thuế có hoạt động kinh doanh trong thời gian ngừng, tạm ngừng hoạt động kinh doanh nhưng không thông báo với cơ quan quản lý thuế;”</i> Thuế thành phố Hải Phòng đề xuất: Đề nghị Ban soạn thảo bỏ nội dung quy định tại điểm k khoản 3 Điều 43. Lí do: Do quy chiếu theo quy định tại Điều 200 Bộ	Hành vi trốn thuế này được bổ sung khi xây dựng Luật QLT 2019 và từ đó đến nay không gặp vướng mắc trong quá trình triển khai. Đề hình sự hóa hành vi vi phạm hành chính này và bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất, đề nghị bổ sung một Điều về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật có liên quan, trong đó có Bộ Luật Hình sự về bổ sung hành vi này tại Điều 200. Trường hợp thực hiện theo đề xuất của UBND TP Hải Phòng (Thuế TP Hải Phòng) v/v bỏ nội dung quy định tại điểm k khoản 3 Điều 43 sẽ dẫn đến bỏ sót hành vi vi phạm.

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG: TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		Luật hình sự số 100/2015/QH13 ngày 27/11/2015 về tội trốn thuế không nêu hành vi trên.	
Điều 43	UBND TP Hải Phòng (Thuế TP Hải Phòng)	7.2. Điểm 1 khoản 3 Điều 43 <i>“Điều 43. Hành vi vi phạm trong lĩnh vực quản lý thuế</i> 3. Hành vi trốn thuế <i>1) Người nộp thuế không bị xử phạt về hành vi trốn thuế mà bị xử phạt về hành vi vi phạm thủ tục thuế đối với trường hợp sau đây:</i> <i>1.1) Không nộp hồ sơ đăng ký thuế, không nộp hồ sơ khai thuế, nộp hồ sơ khai thuế sau 90 ngày nhưng không phát sinh số tiền thuế phải nộp;</i> <i>1.2) Nộp hồ sơ khai thuế, sau 90 ngày có phát sinh số tiền thuế phải nộp và người nộp thuế đã nộp đủ số tiền thuế, tiền chậm nộp vào ngân sách nhà nước trước thời điểm cơ quan thuế công bố quyết định kiểm tra thuế, hoặc trước thời điểm cơ quan thuế lập biên bản về hành vi chậm nộp hồ sơ khai thuế.”</i> Thuế thành phố Hải Phòng đề xuất: Đề nghị Ban soạn thảo sửa đổi như sau: 1) Người nộp thuế không bị xử phạt về hành vi trốn thuế mà bị xử phạt về hành vi vi phạm thủ tục thuế đối với trường hợp sau đây: 1.1) Không nộp hồ sơ đăng ký thuế, không nộp hồ sơ khai thuế, nộp hồ sơ khai thuế sau 90 ngày kể từ ngày hết thời hạn nộp hồ sơ theo quy định nhưng không phát sinh số tiền thuế phải nộp; 1.2) Nộp hồ sơ khai thuế, sau 90 ngày kể từ ngày hết thời hạn nộp hồ sơ theo quy định có phát sinh số tiền thuế phải nộp và người nộp thuế đã nộp đủ số tiền thuế, tiền chậm nộp vào ngân sách nhà nước trước thời điểm cơ quan thuế công bố quyết định kiểm tra thuế, hoặc trước	Tiếp thu ý kiến của UBND TP Hải Phòng (Thuế TP Hải Phòng), Ban soạn thảo đã bổ sung vào điểm 1 khoản 4 Điều 43 dự thảo Luật đề quy định rõ hơn như sau: <i>“1) Người nộp thuế không bị xử phạt về hành vi trốn thuế mà bị xử phạt về hành vi vi phạm thủ tục thuế đối với trường hợp sau đây: Không nộp hồ sơ đăng ký thuế; không nộp hồ sơ khai thuế; nộp hồ sơ khai thuế sau 90 ngày kể từ ngày hết thời hạn nộp hồ sơ khai thuế hoặc hết thời hạn gia hạn nộp hồ sơ khai thuế nhưng không phát sinh số tiền thuế phải nộp; Nộp hồ sơ khai thuế sau 90 ngày kể từ ngày hết thời hạn nộp hồ sơ khai thuế hoặc hết thời hạn gia hạn nộp hồ sơ khai thuế có phát sinh số tiền thuế phải nộp và người nộp thuế đã nộp đủ số tiền thuế, tiền chậm nộp vào ngân sách nhà nước trước thời điểm cơ quan thuế công bố quyết định kiểm tra thuế, hoặc trước thời điểm cơ quan thuế lập biên bản về hành vi chậm nộp hồ sơ khai thuế.”</i>

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		thời điểm cơ quan thuế lập biên bản về hành vi chậm nộp hồ sơ khai thuế.” Lí do: Luật Quản lý thuế cần quy định rõ ràng giúp cơ quan thuế địa phương thống nhất cách áp dụng.	
Điểm b, điểm c khoản 3 Điều 43	UBND TP HCM	2 Bổ sung vào điểm b, điểm c khoản 3 Điều 43 <i>“3. Hành vi trốn thuế</i> <i>b) Không ghi chép trong sổ kế toán các khoản thu liên quan đến việc xác định số tiền thuế phải nộp; không khai với cơ quan thuế dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp, số tiền thuế được miễn, số tiền thuế được giảm, số tiền thuế được hoàn trừ hành vi quy định tại khoản 2 Điều này;</i> <i>c) Không xuất hóa đơn khi bán hàng hóa, dịch vụ theo quy định của pháp luật hoặc ghi giá trị trên hóa đơn bán hàng thấp hơn giá trị thanh toán thực tế của hàng hóa, dịch vụ đã bán;”</i> Đề xuất sửa đổi, bổ sung: <i>“b) Không ghi chép trong sổ kế toán các khoản thu liên quan đến việc xác định số tiền thuế phải nộp và không khai với cơ quan thuế đối với các khoản thu liên quan này dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp, số tiền thuế được miễn, số tiền thuế được giảm, số tiền thuế được hoàn trừ hành vi quy định tại khoản 2 Điều này;</i> <i>c) Không xuất hóa đơn và không kê khai thuế khi bán hàng hóa, dịch vụ theo quy định của pháp luật hoặc ghi giá trị trên hóa đơn bán hàng thấp hơn giá trị thanh toán thực tế của hàng hóa, dịch vụ đã bán để khai thuế;”</i> Lý do: đề xuất bổ sung đề rõ nghĩa hơn khi xử lý, vì có trường hợp bán hàng hóa, dịch vụ không xuất hóa đơn (do	(i) Điểm b khoản 4 Điều 43 quy định hành vi: Không ghi chép trong sổ kế toán các khoản thu liên quan đến việc xác định số tiền thuế phải nộp; không khai với cơ quan thuế dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp, số tiền thuế được miễn, số tiền thuế được giảm, số tiền thuế được hoàn. Đây là hai hành vi độc lập nhau nên việc sử dụng từ “và” như ý kiến của UBND TP HCM là không phù hợp. (ii) Tiếp thu ý kiến của UBND TP HCM về sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 4 Điều 43 “c) Không xuất hóa đơn và không kê khai thuế khi bán hàng hóa, dịch vụ theo quy định của pháp luật hoặc ghi giá trị trên hóa đơn bán hàng thấp hơn giá trị thanh toán thực tế của hàng hóa, dịch vụ đã bán để khai thuế;”

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		người mua không cung cấp thông tin đề xuất hóa đơn), nhưng người nộp thuế có kê khai thuế đối với doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ này. Trường hợp này chỉ bị xử phạt về hóa đơn.	
Điểm i khoản 3 Điều 43	Tập đoàn Công nghiệp-Viện thông quân đội	Tại Dự thảo Luật: 3. <i>Hành vi trốn thuế</i> i) <i>Sử dụng hàng hóa thuộc đối tượng không chịu thuế, miễn thuế, xét miễn thuế không đúng mục đích quy định mà không khai báo việc chuyển đổi mục đích sử dụng với cơ quan quản lý thuế;</i> ... 4. <i>Chính phủ quy định chi tiết Điều này.</i> Nội dung đề xuất sửa lại như sau: "3. Hành vi trốn thuế i) Sử dụng hàng hóa thuộc đối tượng không chịu thuế, miễn thuế, xét miễn thuế không đúng mục đích <u>quy định giấy phép/quyết định miễn, giảm thuế của cơ quan có thẩm quyền và/hoặc kế hoạch sản xuất kinh doanh của Người nộp thuế</u> mà không <u>khai thông báo việc chuyển đổi mục đích sử dụng với cơ quan quản lý thuế có thẩm quyền cấp giấy phép/ ra quyết định miễn - giảm thuế và/hoặc không có văn bản điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh để chứng minh được tính hợp lý, hợp pháp của việc thay đổi mục đích sử dụng hàng hóa so với ban đầu;</u> ... 4. <i>Chính phủ quy định chi tiết Điều này."</i> Lí do: Trong quá trình SXKD, các DN thường tổ chức song song hoạt động SXKD có ưu đãi và không có ưu đãi về thuế, và có thể có sự luân chuyển các nguồn lực đã mua mà còn dư thừa sao cho tiết kiệm. Theo đó nếu DN thay đổi mục đích so với dự kiến ban đầu một cách chính đáng,	Hành vi trốn thuế chỉ phát sinh khi doanh nghiệp khai báo hàng hóa thuộc đối tượng không chịu thuế, miễn thuế với cơ quan quản lý thuế (theo quy định của Luật này bao gồm cơ quan thuế và cơ quan hải quan) nhưng sau đó thay đổi mục đích sử dụng mà không khai báo với cơ quan quản lý thuế. Việc thông báo với cơ quan có thẩm quyền cấp phép thay đổi mục đích sử dụng hàng hóa so với ban đầu nếu cần thì quy định thống nhất trong văn bản quy định quản lý chuyên ngành đối với hàng hóa đó. Ngoài ra, cơ quan quản lý thuế không tham gia vào các thông báo cấp phép nội bộ của các đơn vị. Đây chỉ là 1 điều kiện cần để làm hồ sơ miễn thuế. Điều kiện đủ hồ sơ miễn thuế phải thực hiện khai báo chuyển đổi mục đích (bằng tờ khai hải quan) với cơ quan hải quan.

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		có cơ sở thì DN nên được coi là tuân thủ pháp luật, không có động cơ và phân loại là hành vi trốn thuế với phần thuế phát sinh tăng từ sự thay đổi. Bên cạnh đó, việc xét miễn thuế, không chịu thuế không phải luôn liên quan đến cơ quan thuế quản lý mà liên quan đến nhiều CQ có thẩm quyền như Hải quan, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an,... Do vậy Dự thảo nên sửa lại nội dung để bao hàm nhiều trường hợp trong thực tiễn.	
Điều 43	Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam	Đề xuất sửa đổi: <i>“Điều 43. Hành vi vi phạm trong lĩnh vực quản lý thuế:</i> ... 3. <i>Hành vi trốn thuế:</i> <i>Sử dụng hóa đơn, chứng từ không hợp pháp trừ trường hợp không thuộc lỗi của người mua, sử dụng không hợp pháp hóa đơn để hạch toán hàng hóa, dịch vụ mua vào trong hoạt động phát sinh nghĩa vụ thuế làm giảm số tiền thuế phải nộp hoặc làm tăng số thuế được miễn, số tiền thuế được giảm hoặc tăng số tiền thuế được khấu trừ, số tiền thuế được hoàn, số tiền thuế không phải nộp.</i> Lý do: Việc sử dụng hóa đơn, chứng từ không hợp pháp, không thuộc lỗi người mua đã được quy định tại Điểm, Khoản 2, Điều 43, tức là thuộc <i>“Hành vi khai sai dẫn đến thiếu số thuế phải nộp hoặc tăng số tiền thuế được miễn, giảm, hoàn thu, không thu”</i>. Do đó cần làm rõ để hành vi này không bị coi là hành vi trốn thuế.	Hành vi sử dụng hóa đơn, chứng từ không hợp pháp không thuộc lỗi của người mua đã được quy định tại điểm a khoản 2 Điều 43 dự thảo Luật QLT. Theo đó nếu thuộc trường hợp này thì NNT chỉ bị xử phạt về hành vi khai sai, dẫn đến thiếu số thuế phải nộp và không bị xử phạt về hành vi trốn thuế.
Điều 43	Đoàn ĐBQH Khánh Hòa	Hành vi vi phạm trong lĩnh vực quản lý thuế (Điều 43) - Tại khoản 1: Hành vi vi phạm thủ tục thuế, hóa đơn, chứng từ điện tử.	(i) Đối với kiến nghị xem xét bổ sung thêm quy định trong lĩnh vực phí, lệ phí: Do đã có Luật phí, lệ phí quy định riêng cho lĩnh vực

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		Hiện nay, công tác xử lý vi phạm hành chính về quản lý thuế theo pháp luật về xử lý vi phạm hành chính được thể hiện trong 2 lĩnh vực: Thuế, hóa đơn (Nghị định số 125/2020/NĐ-CP) và Phí, lệ phí (Nghị định số 09/2013/NĐ-CP). Tuy nhiên, các quy định về áp dụng mức phạt tiền (khoản 2), quy định về hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý thuế (Điều 43) của dự thảo Luật hiện chỉ quy định liên quan đến lĩnh vực thuế, chưa quy định các nội dung tương tự trong lĩnh vực phí, lệ phí làm cơ sở cho Chính phủ quy định chi tiết. Vì vậy kiến nghị xem xét bổ sung thêm về nội dung này. - Tại điểm d khoản 3: Kiến nghị bổ sung thêm cụm từ “chứng từ”. - Tại điểm i khoản 3: i) Người nộp thuế không bị xử phạt về hành vi trốn thuế mà bị xử phạt về hành vi vi phạm thủ tục thuế đối với trường hợp sau đây: i.1) Không nộp hồ sơ đăng ký thuế, không nộp hồ sơ khai thuế, nộp hồ sơ khai thuế sau 90 ngày nhưng không phát sinh số tiền thuế phải nộp; i.2) Nộp hồ sơ khai thuế, sau 90 ngày có phát sinh số tiền thuế phải nộp và người nộp thuế đã nộp đủ số tiền thuế, tiền chậm nộp vào ngân sách nhà nước trước thời điểm cơ quan thuế công bố quyết định kiểm tra thuế, hoặc trước thời điểm cơ quan thuế lập biên bản về hành vi chậm nộp hồ sơ khai thuế.” Kiến nghị điều chỉnh thành: i) Người nộp thuế không bị xử phạt về hành vi trốn thuế mà bị xử phạt về hành vi vi phạm thủ tục thuế đối với trường hợp sau đây: i.1) Không nộp hồ sơ đăng ký thuế, không nộp hồ sơ khai thuế,	phí, lệ phí nên việc bổ sung quy định các nội dung trong lĩnh vực phí, lệ phí vào Luật Quản lý thuế theo đề xuất của Đoàn ĐBQH Khánh Hòa là không cần thiết. (ii) Đối với kiến nghị bổ sung thêm cụm từ “chứng từ” tại điểm d khoản 4 Điều 43: Tiếp thu và sửa điểm d khoản 4 dự thảo như sau: “<i>d) Sử dụng hóa đơn, chứng từ không hợp pháp, sử dụng không hợp pháp hóa đơn, chứng từ để hạch toán hàng hóa, dịch vụ mua vào trong hoạt động phát sinh nghĩa vụ thuế làm giảm số tiền thuế phải nộp hoặc làm tăng số tiền thuế được miễn, số tiền thuế được giảm hoặc tăng số tiền thuế được khấu trừ, số tiền thuế được hoàn, số tiền thuế không phải nộp;</i>” (iii) Đối với kiến nghị điều chỉnh điểm i khoản 3, Ban soạn thảo tiếp thu và đã bổ sung vào điểm i khoản 4 Điều 43 dự thảo Luật để quy định rõ hơn như sau: <i>“1) Người nộp thuế không bị xử phạt về hành vi trốn thuế mà bị xử phạt về hành vi vi phạm thủ tục thuế đối với trường hợp sau đây: Không nộp hồ sơ đăng ký thuế; không nộp hồ sơ khai thuế; nộp hồ sơ khai thuế sau 90 ngày kể từ ngày hết thời hạn nộp hồ sơ khai thuế hoặc hết thời hạn gia hạn nộp hồ sơ khai thuế nhưng không phát sinh số tiền thuế phải nộp; Nộp hồ sơ khai thuế sau 90 ngày kể từ ngày hết thời hạn nộp hồ sơ khai thuế hoặc hết thời hạn gia hạn nộp hồ sơ khai thuế có phát sinh số tiền thuế phải nộp và người nộp thuế đã nộp đủ số tiền thuế, tiền chậm nộp vào ngân sách nhà nước trước thời điểm cơ quan thuế công bố quyết định kiểm tra thuế, hoặc trước thời điểm cơ quan thuế lập biên bản về hành vi chậm nộp hồ sơ khai thuế.”</i>

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<i>nộp hồ sơ khai thuế sau 90 ngày kể từ ngày hết thời hạn nộp hồ sơ khai thuế hoặc ngày hết thời hạn gia hạn nộp hồ sơ khai thuế nhưng không phát sinh số tiền thuế phải nộp;</i> <i>i.2) Nộp hồ sơ khai thuế, sau 90 ngày kể từ ngày hết thời hạn nộp hồ sơ khai thuế hoặc ngày hết thời hạn gia hạn nộp hồ sơ khai thuế có phát sinh số tiền thuế phải nộp và người nộp thuế đã nộp đủ số tiền thuế, tiền chậm nộp vào ngân sách nhà nước trước thời điểm cơ quan thuế công bố quyết định kiểm tra thuế, hoặc trước thời điểm cơ quan thuế lập biên bản về hành vi chậm nộp hồ sơ khai thuế. ”</i> Lý do: Nhằm phù hợp với việc mô tả hành vi quy định tại điểm a khoản 3 Điều 43 dự thảo Luật.	
Điều 43	Bộ Công An	- Đối với nội dung Điều 43 đề nghị: Nghiên cứu thiết kế, chỉnh sửa lại nội dung cho phù hợp điểm a khoản 3 Điều 43 quy định “không nộp hồ sơ đăng ký thuế; không nộp hồ sơ khai thuế; nộp hồ sơ khai thuế sau 90 ngày kể từ ngày hết thời hạn nộp hồ sơ khai thuế hoặc ngày hết thời hạn gia hạn nộp hồ sơ khai thuế theo quy định của luật này” là chưa rõ hậu quả của hành vi này. Đề nghị quy định bổ sung cụm từ “dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp, tăng số tiền thuế được miễn, giảm, hoàn” sau cụm từ “quy định của luật này”; tại điểm b khoản 3 đề nghị bỏ cụm từ “trừ hành vi quy định tại khoản 2 Điều này” do hành vi quy định tại khoản 2 Điều 43 là hành vi khai sai và hành vi trốn thuế là hai hành vi khác nhau nên việc loại trừ khoản 2 là chưa phù hợp. Bên cạnh đó, một số nội dung tại quy định tại khoản 3, Điều 43 không thống nhất với các hành vi quy định tại Điều 200 - Bộ Luật hình sự. Vì vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát để đảm bảo tính thống nhất.	Tiếp thu hoàn thiện tại Điều 43 dự thảo Luật.

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
khoản 1 Điều 44	UBND tỉnh Thái Nguyên (Thuế tỉnh Thái Nguyên)	khoản 1, Điều 44: "1. Tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán không thực hiện trách nhiệm trích chuyển tiền từ tài khoản của người nộp thuế vào tài khoản của ngân sách nhà nước đối với số tiền thuế nợ phải nộp của người nộp thuế theo yêu cầu của cơ quan quản lý thuế thì bị phạt số tiền tương ứng với số tiền không trích chuyển vào tài khoản của ngân sách nhà nước, trừ trường hợp các tài khoản của người nộp thuế không còn số dư hoặc đã trích chuyển toàn bộ số dư tài khoản của người nộp thuế vào tài khoản của ngân sách nhà nước nhưng vẫn không đủ số tiền thuế nợ mà người nộp thuế phải nộp." Đề xuất bổ sung quy định: 1. Tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán phải thông báo cho cơ quan thuế sau khi đã phong tỏa, đã thực hiện trích toàn bộ hoặc một phần số tiền bị cưỡng chế. 2. Chế tài xử phạt trong trường hợp không thực hiện trách nhiệm phong tỏa tài khoản của người nộp thuế khi nhận được quyết định cưỡng chế của cơ quan thuế. Lý do: - Hồ sơ dự án Luật Quản lý thuế chưa có quy định về việc tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán phải thông báo cho cơ quan thuế sau khi đã phong tỏa và đã thực hiện trích toàn bộ hoặc một phần số tiền bị cưỡng chế. Đồng thời cũng chưa có quy định về chế tài xử phạt trong trường hợp tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán không	(i) Đối với đề xuất bổ sung quy định: "<i>Tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán phải thông báo cho cơ quan thuế sau khi đã phong tỏa, đã thực hiện trích toàn bộ hoặc một phần số tiền bị cưỡng chế.</i>" Nội dung này quy định trách nhiệm của tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán nên không thuộc phạm vi quy định tại Điều 44 dự thảo Luật do Điều 44 dự thảo Luật quy định Xử lý hành vi vi phạm của tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán, người bảo lãnh nộp tiền thuế, tổ chức, cá nhân có liên quan trong lĩnh vực quản lý thuế. (ii) Đối với đề xuất bổ sung quy định: "<i>Chế tài xử phạt trong trường hợp không thực hiện trách nhiệm phong tỏa tài khoản của người nộp thuế khi nhận được quyết định cưỡng chế của cơ quan thuế</i>": Do Luật chỉ quy định những vấn đề khung, mang tính nguyên tắc nên cơ quan soạn thảo sẽ nghiên cứu đề hướng dẫn tại Nghị định quy định xử phạt VPHC trong lĩnh vực thuế, hóa đơn.

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		thực hiện trách nhiệm phong tỏa tài khoản của người nộp thuế khi nhận được quyết định cưỡng chế của cơ quan thuế.	
Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính về quản lý thuế (Điều 45)	UBND TP Hà Nội (Thuế TP Hà Nội)	Về việc thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính về quản lý thuế Đề nghị bổ sung quy định về thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính về quản lý thuế bao gồm các phó trưởng thuế tỉnh/thành phố, phó trưởng thuế cơ sở. Đề nghị bổ sung quy định cơ quan quản lý thuế được quyền xử phạt đối với những vi phạm trong lĩnh vực kế toán. Do trước đây, có những hành vi vi phạm về kế toán gây ảnh hưởng đến NSNN nhưng phải chuyển cho UBND xử lý theo thẩm quyền, gây nên sự chậm trễ trong việc xử phạt hành vi vi phạm.	Thẩm quyền xử phạt VPHC là của cấp trưởng. Luật Xử lý vi phạm hành chính đã quy định cấp trưởng có quyền giao cho cấp phó xử phạt VPHC bằng văn bản giao quyền xử phạt VPHC. Thẩm quyền xử phạt VPHC của cơ quan thuế trong lĩnh vực kế toán phải được Luật Kế toán và Nghị định xử phạt VPHC trong lĩnh vực kế toán quy định, nội dung này không thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Quản lý thuế.
Điều 46	Đoàn ĐBQH Khánh Hòa	Trường hợp bị cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế (Điều 46) Tại khoản 1: <i>Người nộp thuế có nợ tiền thuế quá 90 ngày kể từ ngày hết thời hạn nộp theo quy định.</i> Kiến nghị điều chỉnh thành: <i>Người nộp thuế có nợ tiền thuế quá 90 ngày kể từ ngày hết thời hạn nộp theo quy định hoặc quá 90 ngày kể từ ngày hết thời hạn gia hạn nộp tiền thuế.</i> Lý do: Để công bằng đối với những người nộp thuế được gia hạn nộp tiền thuế ít hơn 90 ngày.	Đối với các trường hợp được gia hạn nộp tiền thuế thì NNT được lùi thời hạn nộp thuế và không bị tính tiền chậm nộp trong thời gian gia hạn để tạo điều kiện cho NNT có thời gian thu xếp nguồn nộp thuế. Trong khi đó đối với các trường hợp khác thì vẫn bị tính tiền chậm nộp kể từ ngày hết thời hạn nộp thuế. Do đó, việc quy định người nộp thuế thuộc trường hợp bị cưỡng chế khi có nợ tiền thuế quá 90 ngày kể từ ngày hết thời hạn nộp theo quy định và khi hết thời hạn gia hạn nộp tiền thuế là đã phù hợp (thực tế các trường hợp được gia hạn thường có thời gian gia hạn lớn hơn 90 ngày)
Điều 47	Công ty TNHH kể	Mười hai, Biện pháp cưỡng chế nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản tại Điều 47 Dự thảo luật quản lý thuế	Biện pháp này được áp dụng khi không đủ điều kiện áp dụng biện pháp cưỡng chế khác hoặc đã áp dụng

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	toán và tư vấn thuế Trọng Tín	Chúng tôi cho rằng quy định biện pháp cưỡng chế nợ thuế tại Điểm g Khoản 1 Điều 47 Dự thảo Luật quản lý thuế là chưa phù hợp và chưa khả thi trong bối cảnh hiện nay bởi những nguyên nhân sau: Một là, Nợ thuế bản chất không phải là khoản nợ không có đảm bảo “thuần túy”. Theo quy định khi doanh nghiệp nợ thuế thì Nhà nước do cơ quan thuế đại diện là chủ nợ không có đảm bảo hoặc có đảm bảo một phần theo Khoản 4, Khoản 6 Điều 4 Luật phá sản 2014, theo đó cơ quan thuế có quyền nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản theo quy định tại Khoản 1 Điều 5 Luật phá sản 2014. Tuy nhiên, về mặt lý thuyết nợ thuế là nợ không có đảm bảo hoặc có đảm bảo một phần nhưng về bản chất thì cơ quan thuế có nhiều quyền năng hơn cả các chủ nợ có đảm bảo thông qua các biện pháp cưỡng chế nợ thuế trước đó như: <i>trích tiền từ tài khoản, khấu trừ một phần thu nhập, kê biên, bán đấu giá, thu tiền, tài sản từ bên thứ ba đang nắm giữ và các biện pháp cưỡng chế về mặt pháp lý khác như ngừng sử dụng hóa đơn, thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp...</i> theo quy định tại Khoản 1 Điều 47 của Dự thảo Luật quản lý thuế. Như vậy, về bản chất cơ quan thuế có ưu thế và được ưu tiên thu hồi tài sản của người nộp thuế khi nợ thuế thông qua các công cụ cưỡng chế nợ thuế trong khi các chủ nợ có đảm bảo, bên thứ ba đang nắm giữ tài sản của người nộp thuế đang có nợ thuế cũng không có các quyền năng và ưu thế này. Hay nói cách khác về bản chất nợ thuế “không phải là một khoản nợ không có đảm bảo thuần túy” bởi lẽ cơ quan thuế có quyền thu hồi tài sản để cưỡng chế nợ thuế bằng nhiều biện pháp.	nhưng chưa thu hồi đủ tiền thuế nợ bị cưỡng chế. Thực tế, biện pháp kê biên tài sản là biện pháp thu hồi nợ trực tiếp tuy nhiên trên thực tế biện pháp này chưa phát huy được hiệu quả, tại dự thảo luật cũng đã đề xuất việc thực hiện biện pháp kê biên sẽ do UBND thực hiện nhằm đảm bảo khả năng thực thi. Đồng thời, theo quy định của Luật phá sản, cơ quan thuế đại diện cho nhà nước với tư cách là chủ nợ có quyền nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản, khi đó việc kê biên tài sản để xử lý các khoản nợ của NNT sẽ do cơ quan chuyên trách là cơ quan thi hành án thực hiện. Theo đó đảm bảo hiệu quả của việc thu hồi nợ thuế, dự thảo Luật đề xuất bổ sung biện pháp nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản là phù hợp với quy định của pháp luật và tăng hiệu quả của công tác thu hồi nợ thuế.

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		Hai là, Biện pháp cưỡng chế nợ thuế nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản là chưa có hiệu quả và khả thi trong thực tế. Về cơ bản, Cơ quan thuế có nhiều biện pháp để thu hồi nợ thông qua các biện pháp cưỡng chế nợ thuế trước khi doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản và như vậy nếu các biện pháp cưỡng chế nợ thuế khác trước đó được thực hiện hiệu quả thì đã thu hồi được nợ thuế trừ trường hợp doanh nghiệp không còn tài sản để thu hồi. Hay nói cách khác nếu doanh nghiệp còn tài sản thì các biện pháp cưỡng chế nợ thuế trước đó đã thu hồi được nợ thuế cho ngân sách nhà nước không cần phải thực hiện thủ tục yêu cầu tòa án mở thủ tục phá sản. Trường hợp DN buộc phải mở thủ tục phá sản thì thứ tự phân chia tài sản theo Điều 54 Luật phá sản 2014 bao gồm: <i>Nợ có đảm bảo, chi phí phá sản, khoản lương và bảo hiểm... nghĩa vụ tài chính của nhà nước trong đó có nợ thuế và khoản nợ không có đảm bảo, khoản nợ có đảm bảo chưa được thanh toán.</i> Như vậy, theo quy định thì nợ thuế vẫn được ưu tiên thanh toán trước so với nợ không có đảm bảo hoặc nợ có đảm bảo mà chưa đủ thanh toán điều này cũng cho thấy bản chất của nợ thuế không phải là một khoản nợ không có đảm bảo thuần túy. Mặt khác, khi DN không còn tài sản thì thứ tự ưu tiên nợ thuế nêu trên là không có ý nghĩa, nếu còn tài sản thì các biện pháp cưỡng chế nợ thuế thực hiện hiệu quả đã thu hồi được nợ thuế. Bên cạnh đó mặc dù khi cơ quan thuế yêu cầu mở thủ tục phá sản không tốn kém chi phí tố tụng nhưng thực tế cơ quan thuế và cơ quan khác có liên quan như tòa án, doanh nghiệp có liên quan (chủ nợ) và người có liên quan vẫn phải tốn kém thời gian, chi phí dẫn đến lãng phí chi phí của xã hội trong khi hiệu quả đem lại là	

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		chưa khả thi và chưa cao. Hay nói cách khác biện pháp yêu cầu mở thủ tục phá sản là chưa khả thi và khó đem lại hiệu quả và có thể gây ra nhiều hệ lụy chưa tốt cho doanh nghiệp, nền kinh tế và xã hội. Tóm lại, để thể hiện tính nhân văn Chính phủ kiến tạo cũng như hỗ trợ doanh nghiệp giải quyết khó khăn nhà nước không nên yêu cầu doanh nghiệp mở thủ tục phá sản bởi bản chất nợ thuế không phải là khoản nợ không có đảm bảo thuần túy cũng như hiệu quả của biện pháp này chưa cao trong khi có thể thực hiện tốt các biện pháp cưỡng chế nợ thuế trước đó. Vì vậy, chúng tôi kiến nghị tạm thời không nên đưa vào Luật quản lý thuế biện pháp cưỡng chế nợ thuế bằng việc nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản mà thay bằng việc đẩy mạnh và thực hiện hiệu quả các biện pháp cưỡng chế nợ thuế khác trước đó để hỗ trợ doanh nghiệp và giảm chi phí xã hội. Theo đó, bãi bỏ Điều g Khoản 1 Điều 47 đồng thời hiệu chỉnh các quy định có liên quan đến biện pháp cưỡng chế nợ thuế này trong Dự thảo luật quản lý tại Điều 48 và các Điều khoản có liên quan trong Dự thảo luật.	
Khoản 1 Điều 47	Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam	Trích tiền từ tài khoản của đối tượng bị cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế (Khoản 1 Điều 47) ❖ Điều a Khoản 1 Điều 47 Dự thảo: "<i>a) Trích tiền từ tài khoản của đối tượng bị cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế tại ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức tín dụng khác; phong tỏa tài khoản;</i>" ❖ Ý kiến, đề xuất của Vietinbank: Căn cứ một số Luật chuyên ngành (Luật du lịch, Luật lao động,...) và theo một số quy định đặc thù (Quy định liên quan đến	Nội dung đề xuất này sẽ được nghiên cứu khi xây dựng Nghị định hướng dẫn Luật Quản lý thuế. Luật chỉ quy định nguyên tắc.

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		quản lý ngoại hối), TCTD không được phép chủ động trích tiền theo yêu cầu của Cơ quan quản lý thuế đối với tất cả các loại tài khoản của khách hàng. Cụ thể như sau: - Tài khoản ký quỹ: Các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh đặc thù (Ví dụ như dịch vụ lữ hành, hoạt động cho thuê lại lao động...) để được phép kinh doanh dịch vụ phải ký quỹ một khoản tiền nhất định và TCTD nơi mở tài khoản ký quỹ phải thực hiện quản lý và sử dụng tiền ký quỹ theo quy định của pháp luật chuyên ngành. Hơn nữa theo Khoản 3 Điều 17 Thông tư 17/2024/TT-NHNN về mở và sử dụng tài khoản thanh toán tại tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán cũng quy định: “Việc sử dụng tài khoản thanh toán được mở để phục vụ việc theo dõi các khoản tiền ký quỹ, đảm bảo khả năng thanh toán và các mục đích khác theo quy định pháp luật phải đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật có liên quan. Ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài không được chủ động trích Nợ đối với các khoản tiền ký quỹ, số tiền trên tài khoản đảm bảo thanh toán, các khoản tiền để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp khoản tiền ký quỹ, khoản tiền để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ cho chính ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đó”. Theo đó, TCTD không được phép chủ động trích tiền theo yêu cầu của Cơ quan quản lý thuế đối với các tài khoản ký quỹ này do việc thực hiện các giao dịch chi đối với các tài khoản này chỉ trong giới hạn phạm vi các giao dịch được phép theo quy định của Chính phủ, pháp luật chuyên ngành đối với giao dịch ký quỹ bắt buộc của từng lĩnh vực kinh doanh cụ thể, trong đó không bao gồm giao dịch trích tiền theo yêu cầu của cơ quan quản lý thuế (Nghị định 145/2020/NĐ-CP Quy định chi tiết một số điều Luật Lao động; Nghị định 168/2017/NĐ-CP về Quy	

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		định chi tiết một số điều của Luật Du lịch). - Một số tài khoản thanh toán vốn chuyên dùng như tài khoản vốn đầu tư trực tiếp/tài khoản vốn đầu tư gián tiếp/tài khoản vay trả nợ nước ngoài/...: Việc thực hiện các giao dịch chỉ đối với các tài khoản này phải đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật liên quan về quản lý ngoại hối và chỉ trong giới hạn phạm vi các giao dịch được phép theo quy định của NHNN về quản lý ngoại hối đối với từng mục đích cụ thể, trong đó không bao gồm giao dịch trích tiền theo yêu cầu của cơ quan quản lý thuế (Thông tư 06/2019/TT-NHNN ngày 26/06/2019 hướng dẫn về quản lý ngoại hối đối với hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam; Thông tư 12/2022/TT-NHNN hướng dẫn về quản lý ngoại hối đối với việc vay, trả nợ nước ngoài của doanh nghiệp...). - Ngoài ra thực tế còn phát sinh trường hợp số dư tài khoản của khách hàng không đủ (nhỏ hơn) số tiền trên quyết định của cơ quan thuế. Các tổ chức tín dụng chưa rõ chỉ phong tỏa số tiền thực tế có trong tài khoản thanh toán hay phải phong tỏa/trích Nợ tài khoản thanh toán cho đến khi đủ số dư theo yêu cầu của Cơ quan thuế. Theo đó, NHCT đề xuất Dự thảo cần quy định rõ nội dung này theo hướng đảm bảo thống nhất với các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành và phù hợp với thực tiễn triển khai. Cụ thể: chỉ áp dụng cưỡng chế thuế đối với loại tài khoản thanh toán thông thường, bổ sung quy định <i>"không áp dụng với các tài khoản đặc thù có quy định pháp luật hướng dẫn riêng"</i> và có hướng dẫn cụ thể với các trường hợp tài khoản của khách hàng không đủ số dư theo quyết định của cơ quan thuế.	

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
Thẩm quyền cưỡng chế nợ thuế (Điều 48)	UBND TP Hà Nội (Thuế TP Hà Nội)	<i>Về việc thẩm quyền cưỡng chế nợ thuế</i> Đề nghị bổ sung quy định giao thẩm quyền cưỡng chế nợ thuế cho các phó trưởng thuế tỉnh/thành phố, phó trưởng thuế cơ sở.	Điều 48 dự thảo Luật quy định thẩm quyền quyết định cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế: “1. Thủ trưởng cơ quan quản lý thuế, Chi cục trưởng Chi cục Điều tra chống buôn lậu thuộc Cục Hải quan có thẩm quyền: a) Ban hành quyết định cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế đối với biện pháp cưỡng chế quy định tại điểm a, b, c, d và e khoản 1 Điều 47 Luật này; b) Nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản quy định tại điểm g khoản 1 Điều 47 Luật này thực hiện theo quy định của Luật Phá sản; c) Đề nghị cơ quan có thẩm quyền thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, giấy phép thành lập và hoạt động, giấy phép hành nghề, giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh, đăng ký hoặc giấy phép hoạt động kinh doanh nền tảng thương mại điện tử. 2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp ban hành quyết định cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế đối với biện pháp cưỡng chế quy định tại điểm d khoản 1 Điều 47 của Luật này theo đề nghị của cơ quan quản lý thuế. 3. Cơ quan thuế khi nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản đối với người nộp thuế thuộc trường hợp bị cưỡng

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			<i>chế theo quy định không phải nộp lệ phí phá sản, tạm ứng chi phí phá sản"</i> <i>4. Chính phủ quy định chi tiết điều này".</i> Khoản 2 Điều 87 Luật Xử lý vi phạm hành chính về thẩm quyền quyết định cưỡng chế quy định: "<i>Người có thẩm quyền cưỡng chế quy định tại khoản 1 Điều này có thể giao quyền cho cấp phó. Việc giao quyền chỉ được thực hiện khi cấp trưởng vắng mặt và phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó xác định rõ phạm vi, nội dung, thời hạn được giao quyền. Cấp phó được giao quyền phải chịu trách nhiệm về quyết định của mình trước cấp trưởng và trước pháp luật. Người được giao quyền không được giao quyền, ủy quyền tiếp cho bất kì cá nhân nào khác.</i>" Theo đó, đề nghị bổ sung một khoản mới tại Điều 48 dự thảo Luật như sau: "<i>Người có thẩm quyền cưỡng chế quy định tại khoản 1 và 2 Điều này có thể giao quyền cho cấp phó. Việc giao quyền được thể hiện bằng quyết định, trong đó xác định rõ phạm vi, nội dung, thời hạn giao quyền. Cấp phó được giao quyền phải chịu trách nhiệm trước cấp trưởng và trước pháp luật về việc thực hiện quyền được giao. Người được giao quyền không được giao quyền cho người khác.</i>" Đề nghị cân nhắc quy định bổ sung giao quyền trong nội dung xóa nợ, miễn giảm, hoàn khác để bảo đảm tính đồng bộ về thẩm quyền. Ngoài ra, đề nghị chuyển khoản 3 Điều 48 dự thảo Luật thành một khoản tại Điều 47 do nội dung khoản 3

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			không phù hợp đặt tại Điều 48 về thẩm quyền.
Khoản 4 Điều 49	Công ty TNHH kế toán và tư vấn thuế Trọng Tín	Mười ba, Các vấn đề khác có liên quan đến việc xã hội hóa các dịch vụ công về thuế nhằm hỗ trợ người nộp thuế theo quy định tại Nghị quyết 68 và Nghị quyết 198 Chúng tôi đánh giá cao sự ghi nhận của Ban soạn thảo đối với ý kiến của Chúng tôi về việc dành tỷ lệ ngân sách (0.1% thu thuế VAT nội địa của năm trước) để thực hiện các chính sách hóa đơn may mắn tại Khoản 6 Điều 26 Dự thảo Luật quản lý thuế. Tuy nhiên, theo ý kiến của Chúng tôi Luật quản lý thuế cần quy định cụ thể các cơ chế, nguồn hình thành đối với các chương trình hỗ trợ, ưu đãi cho người nộp thuế cũng như công tác hiện đại hóa ngành thuế là yếu tố then chốt quan trọng trong việc nâng cao hoạt động quản lý thuế hiện đại, chuyên nghiệp và khoa học phù hợp với sự phát triển của khoa học, công nghệ. Theo đó, Khoản 4 Điều 49 Dự thảo Luật quản lý thuế cần bổ sung mức chi ngân sách hàng năm cụ thể để có cơ sở hoạch định chi ngân sách cũng như dự toán đầu tư cho khoa học công nghệ hiện đại trong quản lý thuế. Ngoài ra, Luật cũng cần có quy định về mức chi, nguồn hình thành đối với cơ chế sử dụng kết quả của doanh nghiệp kiểm toán, kế toán, đại lý thuế để giải quyết thủ tục giải thể cũng như quy định cụ thể mức chi, nguồn hình thành cho các hoạt động đầu tư trang thiết bị, máy móc, phần mềm kế toán, phần mềm khai thuế dùng chung... miễn phí cho doanh nghiệp vừa và nhỏ, siêu nhỏ và hộ kinh doanh theo tinh thần của Nghị quyết 68 và Nghị quyết 198	Việc quy định một tỷ lệ nhất định tại dự thảo Luật có thể sẽ không phù hợp trong thực tiễn do vậy, tiếp thu tại khoản 4 Điều 9 theo hướng : <i>“4. Nhà nước bảo đảm các nguồn lực tài chính cho chuyển đổi số trong quản lý thuế trong đó ưu tiên bố trí ngân sách nhà nước hằng năm để xây dựng và vận hành hệ thống công nghệ thông tin, hóa đơn điện tử, cơ sở vật chất, thu nhập, phúc lợi, đào tạo, trang thiết bị và các nhiệm vụ chuyên môn phục vụ công tác để nâng cao hiệu quả quản lý thuế”</i> Về hỗ trợ công nghệ: các nội dung hỗ trợ người nộp thuế đang được ngành thuế thực hiện trong Kế hoạch hành động triển khai thực hiện NQ 138/NQ-CP ngày 16/5/2025, NQ 139... ban hành kèm theo QĐ số 2456/QĐ-CT ngày 08/7/2025.

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		nhằm đảm bảo đồng bộ với các quy định của pháp luật cũng như có cơ chế, hành lang pháp lý để thực hiện từ đó sớm đưa các chính sách nào vào cuộc sống nhằm phát huy hiệu quả cao nhất của chính sách mà Đảng, nhà nước ta đã đề ra.	
Khoản 4 Điều 49	UBND TP HCM; UBND tỉnh Quảng Ninh; UBND tỉnh Bắc Ninh, UBND TP Hà Nội	- ý kiến UBND TP. Hồ chí Minh: Đề xuất sửa đổi, bổ sung như sau: <i>“4. Nhà nước bảo đảm các nguồn lực tài chính cho chuyển đổi số trong quản lý thuế trong đó bố trí ngân sách nhà nước hằng năm tối đa 0,8% dự toán thu ngân sách nhà nước được Quốc hội giao để xây dựng và vận hành hệ thống công nghệ thông tin, hóa đơn điện tử, cơ sở vật chất, thu nhập, phúc lợi, đào tạo, trang thiết bị và các nhiệm vụ chuyên môn phục vụ công tác để nâng cao hiệu quả quản lý thuế.”</i> - Ý kiến UBND tỉnh Quảng Ninh: Đề nghị sửa nội dung khoản 4 Điều 49 dự thảo như sau: <i>“4. Nhà nước bảo đảm các nguồn lực tài chính cho chuyển đổi số trong quản lý thuế trong đó bố trí ngân sách nhà nước hằng năm tối đa 1% dự toán thu ngân sách nhà nước được Quốc hội giao để xây dựng và vận hành hệ thống công nghệ thông tin, hóa đơn điện tử, cơ sở vật chất, thu nhập, phúc lợi, đào tạo, trang thiết bị và các nhiệm vụ chuyên môn phục vụ công tác để nâng cao hiệu quả quản lý thuế.”</i> Lý do: Để triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, cần đầu tư mua sắm trang thiết bị, hiện đại hóa hệ thống công nghệ thông tin chuyển đổi số; xây dựng vận hành, quản trị, nâng cấp cơ sở dữ liệu, đảm bảo an ninh mạng; Qua đó nâng cao	Việc quy định 1 tỷ lệ nhất định tại dự thảo Luật có thể sẽ không phù hợp trong thực tiễn do vậy, tiếp thu tại khoản 4 Điều 9 theo hướng : <i>“4. Nhà nước bảo đảm các nguồn lực tài chính cho chuyển đổi số trong quản lý thuế trong đó <u>ưu tiên</u> bố trí ngân sách nhà nước hằng năm để xây dựng và vận hành hệ thống công nghệ thông tin, hóa đơn điện tử, cơ sở vật chất, thu nhập, phúc lợi, đào tạo, trang thiết bị và các nhiệm vụ chuyên môn phục vụ công tác để nâng cao hiệu quả quản lý thuế”</i>

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		hiệu quả quản lý thuế, tuyên truyền hỗ trợ người nộp thuế, nâng cao trình độ, tính chuyên nghiệp của đội ngũ cán bộ công chức thuế, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế và bảo đảm nguồn thu bền vững cho ngân sách. - Ý kiến UBND tỉnh Bắc Ninh, UBND TP. Hà Nội: Đề nghị sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 49 Dự thảo, như sau: <i>“4. Nhà nước bảo đảm các nguồn lực tài chính cho chuyển đổi số trong quản lý thuế trong đó bố trí ngân sách nhà nước hằng năm tối đa 0,6% dự toán thu ngân sách nhà nước được Quốc hội giao cho cơ quan quản lý thuế để xây dựng và vận hành hệ thống công nghệ thông tin, hóa đơn điện tử, cơ sở vật chất, thu nhập, phúc lợi, đào tạo, trang thiết bị và các nhiệm vụ chuyên môn phục vụ công tác để nâng cao hiệu quả quản lý thuế.”</i>	
Điều 50	Đoàn ĐBQH tỉnh Cà Mau	3. Hệ thống thông tin quản lý thuế (Điều 50) Về hạn chế: Điều này quy định khá chi tiết về kỹ thuật công nghệ nhưng lại thiếu những nguyên tắc cốt lõi như: bảo mật và an toàn dữ liệu cá nhân, cơ chế kiểm tra và giám sát hệ thống tự động, chuẩn kết nối mở để bảo đảm liên thông và quyền tiếp cận - giải trình của người nộp thuế. Việc “ghi cứng” các quy định kỹ thuật vào Luật trong khi chưa làm rõ các nguyên tắc trên dễ dẫn đến khoảng trống pháp lý, đồng thời khó thích ứng trước sự thay đổi nhanh chóng của công nghệ. Đề xuất bổ sung khoản 5: <i>“Chính phủ quy định chi tiết Điều này”</i>. Việc giao Chính phủ quy định chi tiết sẽ giúp bổ sung nguyên tắc bảo mật và bảo vệ dữ liệu cá nhân, phù hợp với chuẩn mực an ninh mạng quốc tế; thiết lập cơ chế kiểm toán, giám sát, giải trình khi hệ thống ra quyết định hành chính tự động, tránh lạm dụng hoặc sai sót; ban hành	Đã tiếp thu và điều chỉnh nội dung tại Điều 49 mới đề quy định về mặt nguyên tắc kết cấu hệ thống, cơ sở dữ liệu và nguyên tắc sử dụng hệ thống. Việc bảo mật, bảo vệ dữ liệu cá nhân cũng như cơ chế giám sát, giải trình và giao thẩm quyền Chính phủ quy định chi tiết đã được tiếp thu tại Điều 50 về Bảo đảm an toàn thông tin và quản lý rủi ro công nghệ.

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		bộ chuẩn kết nối mở để bảo đảm tính liên thông, tránh bị khóa bởi nhà cung cấp công nghệ; bảo đảm quyền của người nộp thuế trong việc truy cập, đối chiếu, yêu cầu giải trình và chỉnh sửa thông tin. Luật chi quy định nguyên tắc, còn những vấn đề kỹ thuật và chi tiết sẽ do Chính phủ quy định, bảo đảm tính ổn định của Luật và linh hoạt trong thực thi.	
Chương IX	Đoàn ĐB QH tỉnh Vĩnh Long	- Nội dung về ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong quản lý thuế đã được quy định cụ thể tại Chương IX trong dự thảo luật và giao Chính phủ hướng dẫn chi tiết. Tuy nhiên, để các quy định này đi vào thực tiễn đạt hiệu quả, cần có chính sách đầu tư nguồn lực, nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ, an toàn, bảo mật tuyệt đối dữ liệu thông tin. Bên cạnh đó, cần có chính sách hỗ trợ đối với các doanh nghiệp vừa và nhỏ, hộ gia đình, hộ kinh doanh, cá nhân ở vùng nông thôn, vùng khó khăn trong việc tiếp cận các quy định mới, đặc biệt liên quan đến nội dung ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong quản lý thuế. - Đồng thời, quy định về việc tổ chức các khoá đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ chuyên sâu, kỹ năng phân tích dữ liệu cho đội ngũ cán bộ thuế nhằm phát huy hiệu lực, hiệu quả trong thực thi nhiệm vụ.	- Khoản 4 Điều 9 về xây dựng lực lượng quy định: về “<i>bảo đảm nguồn lực tài chính cho chuyển đổi số trong quản lý thuế</i>” là cơ sở để đầu tư nguồn lực, nâng cấp hạ tầng CNTT và các giải pháp ứng dụng khác đáp ứng yêu cầu. Đồng thời, Điều 51 đã quy định về trách nhiệm của các bên liên quan trong việc đảm bảo an toàn, an ninh mạng và bảo mật thông tin người nộp thuế. - Về chính sách hỗ trợ đối với DNVVN, hộ, cá nhân khó khăn trong việc tiếp cận quy định mới (ứng dụng CNTT): nội dung hỗ trợ nhóm đối tượng này đang được ngành thuế thực hiện trong Kế hoạch hành động triển khai thực hiện NQ 138/NQ-CP ngày 16/5/2025, NQ 139... ban hành kèm theo QĐ số 2456/QĐ-CT ngày 08/7/2025. - Khoản 3 Điều 9 về Xây dựng lực lượng quản lý thuế đã quy định “<i>Cơ quan quản lý thuế có trách nhiệm đào tạo, xây dựng đội ngũ công chức quản lý thuế để thực hiện chức năng quản lý thuế theo quy định của pháp luật.</i>” Do đó, cơ quan quản lý thuế có trách nhiệm tổ chức đào tạo, bồi dưỡng về cả nghiệp vụ, kỹ năng để thực hiện các chức năng quản lý thuế.
Các ý kiến đóng góp khác			

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
Bản so sánh, thuyết minh dự thảo Luật Quản lý thuế (sửa đổi)	Đoàn ĐBQH tỉnh Ninh Bình	Đối với bản so sánh, thuyết minh dự thảo Luật Quản lý thuế (sửa đổi) và Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH15 Đề nghị ban soạn thảo nghiên cứu bổ cục lại bản so sánh, thuyết minh theo hướng thể hiện các điều luật của dự thảo Luật Quản lý thuế (sửa đổi) liền mạch để dễ dàng, thuận tiện trong việc nghiên cứu các nội dung trong dự thảo Luật Quản lý thuế (sửa đổi); việc bổ cục như trong bản so sánh, thuyết minh hiện hành theo hướng thể hiện liền mạch các điều luật của Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH15 rất bất tiện trong việc nghiên cứu, so sánh.	Tiếp thu hoàn thiện hồ sơ dự thảo Luật
Tăng cường kiểm tra, xử phạt đối với hóa đơn điện tử và chứng từ	Eurofins Việt Nam	Dự thảo Luật bổ sung quy định về xử phạt vi phạm hành chính đối với các hành vi sử dụng hóa đơn, chứng từ không hợp pháp hoặc sử dụng không hợp pháp hóa đơn, chứng từ. Ý kiến của DN: - Rủi ro vi phạm từ bên bán: Doanh nghiệp có thể bị xử phạt nếu vô tình sử dụng hóa đơn không hợp pháp từ bên bán, dù đã ghi nhận trên sổ kế toán và kê khai đầy đủ. Quy định này có thể tạo ra Rủi ro cho người mua ngay cả khi không có lỗi - Áp lực về hệ thống kỹ thuật: Doanh nghiệp phải đầu tư vào hệ thống hạ tầng kỹ thuật để đáp ứng yêu cầu kết nối, lưu trữ, bảo mật và truy xuất dữ liệu hóa đơn điện tử, gây phát sinh chi phí. Kiến nghị: - Cần làm rõ trách nhiệm của người mua khi sử dụng hóa đơn không hợp pháp, đặc biệt là trong trường hợp không có lỗi, để đảm bảo tính công bằng. Đồng thời, cần có lộ trình rõ ràng và hỗ trợ kỹ thuật để giúp doanh nghiệp thích ứng với các yêu cầu về hạ tầng công nghệ	Dự thảo Luật QLT chỉ quy định khung, quy định nguyên tắc chung đối với xử phạt vi phạm hành chính. Các hành vi vi phạm hành chính cụ thể về thủ tục thuế, hóa đơn được giao Nghị định quy định chi tiết. Do đó các hành vi vi phạm hành chính về sử dụng hóa đơn, chứng từ không hợp pháp hiện nay đang được quy định tại Nghị định số 125/2020/NĐ-CP. Theo đó, trường hợp bên mua sử dụng hóa đơn không hợp pháp mà chứng minh được lỗi thuộc về bên bán thì bên mua không bị xử phạt về hành vi trốn thuế mà chỉ bị xử phạt về hành vi khai sai dẫn tới thiếu số thuế phải nộp. - Việc doanh nghiệp phải đầu tư vào hệ thống hạ tầng kỹ thuật để đáp ứng yêu cầu kết nối, lưu trữ, bảo mật và truy xuất dữ liệu hóa đơn điện tử là theo yêu cầu quản lý về hóa đơn điện tử quy định tại Nghị định số 123/2020/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 70/2025/NĐ-CP). Nguyên tắc về xác định thời điểm phải xuất hóa đơn cũng được quy định cho từng trường hợp cụ thể tại Nghị định số 123/2020/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 70/2025/NĐ-CP).

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		- Nêu rõ cụ thể chứng từ chứng minh tính có thật của dịch vụ hay hàng hoá, hiện nay chưa có hướng dẫn cụ thể, từng cục thuế có quan điểm khác nhau dẫn đến khó thống nhất quy trình quản lý - Thời điểm xuất hóa đơn bên bán: khi dịch vụ hoàn thành, không phải thời điểm nhận tiền. Nguyên tắc "xuất hóa đơn khi dịch vụ hoàn thành" rất phù hợp với xu hướng chuyển đổi số và tự động hóa trong quản lý thuế. Hệ thống hóa đơn điện tử được thiết kế để tự động ghi nhận và chuyển dữ liệu về cơ quan thuế ngay khi hóa đơn được lập. Điều này cho phép cơ quan thuế áp dụng các công nghệ như AI và dữ liệu lớn để phân tích rủi ro, kiểm tra thuế một cách hiệu quả hơn, thay vì phải can thiệp thủ công. Ngoài ra, cần xác định chính xác định nghĩa: Như thế nào là sai thời điểm? Bộ quy tắc về việc xuất hoá đơn sai thời điểm? Cũng như mức phạt đã tuân thủ pháp luật về hành chính chưa? Tránh tình trạng chồng chéo. Mức phạt cho 1 hành vi (tương ứng 1 hoá đơn là quá lớn, vì nguyên tắc DN luôn mong muốn tuân thủ, nhưng số lượng hoá đơn của mỗi DN là khác nhau, do đó không thể áp dụng phạt chung theo từng hành vi như vậy) Khi tất cả các DN đều tuân thủ nguyên tắc này, sẽ tạo ra một sân chơi công bằng hơn. Các DN làm ăn chân chính sẽ không bị thiệt thòi so với những doanh nghiệp lợi dụng kẽ hở của pháp luật để trì hoãn nghĩa vụ thuế. Điều này sẽ củng cố niềm tin vào hệ thống pháp luật, khuyến khích đầu tư và thúc đẩy sự phát triển bền vững của nền kinh tế dịch vụ.	
Thủ tục kê khai thuế	Eurofins Việt Nam	Đối với hoá đơn điều chỉnh được lập trong trường hợp để điều chỉnh cho hoá đơn điện tử có sai sót thì hoá đơn điều chỉnh này cả người bán và người mua đều kê khai bổ	Dự thảo Luật chỉ quy định trường hợp và thời gian NNT được khai bổ sung hồ sơ khai thuế, không quy định cụ thể NNT thực hiện kê khai vào kỳ nào. Việc kê khai

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		sung vào kỳ phát sinh hoá đơn bị điều chỉnh. Kiến nghị: Theo quy định này kế toán phải quay lại các tờ khai các kỳ trước để kê khai bổ sung làm phát sinh thêm công việc hành chính và khó kiểm soát khi một tháng có thể có nhiều tờ khai bổ sung. DN đề xuất nếu trong cùng năm tài chính thì kê khai hoá đơn điều chỉnh luôn trong tháng phát sinh.	đối với hóa đơn điều chỉnh được thực hiện theo quy định tại Luật GTGT để đảm bảo tính thống nhất giữa các Luật.
Một số ý kiến khác	Eurofins Việt Nam	Dự thảo cũng nên bổ sung quy định bảo vệ người nộp thuế trong trường hợp hệ thống thông tin gặp sự cố kỹ thuật. Cụ thể, người nộp thuế sẽ không bị xử phạt vi phạm hành chính và không bị tính tiền chậm nộp trong thời gian xảy ra sự cố. Điều khoản này không chỉ giảm rủi ro cho doanh nghiệp mà còn củng cố niềm tin vào các công thông tin điện tử của ngành thuế	Tại khoản 2 Điều 51 dự thảo luật đã quy định “2. Trường hợp phát sinh sự cố kỹ thuật của hệ thống thông tin quản lý thuế khi người nộp thuế thực hiện giao dịch điện tử dẫn đến người nộp thuế không thể thực hiện được nghĩa vụ thuế theo đúng thời hạn quy định thì người nộp thuế không bị xử phạt vi phạm hành chính về thuế, không tính tiền chậm nộp tiền thuế và không tính vào thời gian giải quyết hồ sơ thuế của cơ quan quản lý thuế trong thời gian xảy ra sự cố”
	Eurofins Việt Nam	Xử lý hồ sơ khoanh nợ: Người có thẩm quyền phải ra quyết định xóa nợ trong vòng 60 ngày kể từ khi nhận đủ hồ sơ	Trình tự thủ tục khoanh nợ giao cho Bộ Tài chính hướng dẫn (khoản 6 Điều 20 Dự thảo), trình tự xóa nợ giao cho Chính phủ quy định (khoản 5 Điều 21 Dự thảo). Sau khi luật được thông qua, Bộ Tài chính sẽ ban hành thông tư quy định về trình tự thủ tục khoanh nợ trong đó có thủ tục, hồ sơ, thời gian và thẩm quyền khoanh nợ.
	Eurofins Việt Nam	Dự thảo Luật Quản lý thuế (sửa đổi) đã đặt ra nguyên tắc về việc hoàn thành nghĩa vụ thuế khi người nộp thuế thay đổi địa chỉ trụ sở, dẫn đến thay đổi cơ quan thuế quản lý, trừ trường hợp do thay đổi địa giới hành chính theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, để đầy nhanh hơn nữa, có thể cân nhắc các giải pháp sau: Tự động hóa hoàn toàn quy trình chuyển đổi: Khi người nộp thuế thông báo thay đổi địa chỉ với cơ quan đăng ký	Dự thảo Luật quy định NNT phải hoàn thành nghĩa vụ thuế khi có thay đổi địa chỉ trụ sở dẫn đến thay đổi cơ quan thuế quản lý. Đồng thời, tại Dự thảo Luật cũng quy định về chuyển đổi số trong quản lý thuế, theo đó việc liên thông với cơ quan đăng ký kinh doanh, xử lý nghiệp vụ quản lý thuế cũng sẽ được tự động tối đa trên hệ thống CNTT.

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		kinh doanh, các hệ thống công nghệ thông tin liên thông sẽ tự động chuyển đổi CQT quản lý mà không cần người nộp thuế phải làm thêm thủ tục với CQT cũ. CQT cũ và CQT mới tự phối hợp: CQT cũ và CQT mới sẽ tự động phối hợp để xác nhận nghĩa vụ thuế đã hoàn thành và bàn giao hồ sơ điện tử, giúp giảm thiểu đáng kể các thủ tục giấy tờ và thời gian chờ đợi của người nộp thuế.	
Đề xuất khác	UBND tỉnh Bắc Ninh	Với việc sắp xếp tinh gọn bộ máy của cơ quan quản lý thuế các cấp thì cần xây dựng và củng cố lực lượng quản lý thuế cũng như phát triển hệ thống công nghệ thông tin hiện đại nhằm thực đạt được mục tiêu ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số toàn diện trong quản lý thuế thì tại Dự thảo Luật này cần quy định rõ lực lượng quản lý thuế được áp dụng chế độ đãi ngộ phù hợp với tính chất đặc thù của công tác quản lý thuế cũng như phải được Nhà nước bảo đảm nguồn lực tài chính để thực hiện nâng cao tính hiệu lực hiệu quả của công chức quản lý thuế và cơ quan quản lý thuế. Qua nghiên cứu Luật Thanh tra năm 2025 tại Điều 59 “3. Cơ quan thanh tra được trích một phần từ các khoản tiền thu hồi, phát hiện qua thanh tra sau khi nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định của Ủy ban Thường vụ Quốc hội để chi cho hoạt động và nâng cao năng lực của cơ quan thanh tra.”. Do vậy, đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung quy định về cơ quan quản lý thuế được thường vượt thu (trên cơ sở số giao thu NSNN vượt so với dự toán thu hằng năm được Quốc hội giao cho cơ quan thuế thực hiện) để chi cho hoạt động và nâng cao năng lực cho cơ quan	Qua nghiên cứu Luật Thanh tra năm 2025 tại Điều 59 quy định: “3. Cơ quan thanh tra được trích một phần từ các khoản tiền thu hồi, phát hiện qua thanh tra sau khi nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định của Ủy ban Thường vụ Quốc hội để chi cho hoạt động và nâng cao năng lực của cơ quan thanh tra.”. Đồng thời, tiếp thu ý kiến của UBND tỉnh Bắc Ninh bổ sung quy định tại khoản 5 Điều 9 dự thảo Luật như sau: “5. Cơ quan quản lý thuế thực hiện thu ngân sách nhà nước vượt so với dự toán thu ngân sách nhà nước hằng năm được Quốc hội giao cho cơ quan quản lý thuế thì được bố trí dự toán chi ngân sách nhà nước để chi thường, bổ sung thu nhập cho công chức, người lao động và phải lập dự toán hằng năm báo cáo Quốc hội theo quy định.

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		quản lý thuế và công chức quản lý thuế. Chính phủ sẽ quy định cụ thể tỷ lệ được trích và phân trích vượt thu phải được lập dự toán hằng năm và phải được Quốc hội thông qua.	
Về nội dung liên quan đến quản lý thuế đối với hợp đồng hợp tác kinh doanh	UBND TP Hà Nội (Thuế TP Hà Nội)	Về nội dung liên quan đến quản lý thuế đối với hợp đồng hợp tác kinh doanh Đề nghị bổ sung quy định về đăng ký thuế, nghĩa vụ lập hóa đơn, nghĩa vụ kê khai thuế GTGT, TNDN và các nghĩa vụ khác đối với hợp đồng hợp tác kinh doanh (ví dụ đối với các trường hợp hợp đồng hợp tác kinh doanh theo hình thức liên doanh). Lý do: Hiện nay, dự thảo Luật chưa quy định nội dung này. Đồng thời, cần có quy định nhằm đảm bảo thống nhất thực hiện.	Luật chi quy định mang tính nguyên tắc. ý kiến của Thuế Hà nội sẽ được nghiên cứu tiếp thu khi xây dựng văn bản dưới Luật do nội dung đề xuất cần quy định chi tiết.
Công tác kiểm tra thuế	UBND TP Hà Nội (Thuế TP Hà Nội)	1. Đối với công tác kiểm tra thuế Hiện nay, CQT có 02 hình thức kiểm tra: + Kiểm tra tại trụ sở cơ quan thuế; + Kiểm tra tại trụ sở người nộp thuế; Đề xuất: Việc kiểm tra tại trụ sở cơ quan thuế hiện tại là việc rà soát thường xuyên qua hồ sơ khai thuế của NNT, các thông tin trong công tác quản lý thuế,... (không được coi là công tác kiểm tra thuế). Khi phát hiện rủi ro, cơ quan thuế có quyền yêu cầu NNT giải trình. Trường hợp NNT không giải trình hoặc giải trình không rõ ràng, không đầy đủ, cơ quan thuế ra quyết định kiểm tra thuế:	Cơ quan soạn thảo hoàn thiện và bỏ khoản 2 điều 22 về hình thức kiểm tra.

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		+ Kiểm tra tại trụ sở cơ quan thuế; + Kiểm tra tại trụ sở người nộp thuế; Lý do: Phân định rõ việc rà soát thường xuyên của CQT và công tác kiểm tra thuế để phù hợp với các quy định về kiểm tra	
Về thẩm quyền ban hành VBQPPL	Đoàn ĐBQH tỉnh Điện Biên	Tại khoản 8 Điều 4 Luật ban hành VBQPPL hiện hành quy định thẩm quyền ban hành Thông tư là Bộ trưởng, do đó đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, rà soát toàn bộ nội dung dự thảo Luật, sửa đổi quy định về thẩm quyền ban hành VBQPPL hướng dẫn là “Bộ Tài chính” thành “Bộ trưởng Bộ Tài chính” để đảm bảo thống nhất với Luật Ban hành VBQPPL.	Theo yêu cầu tại Công văn số 481 ngày 8/5/2025 của Ban Chỉ đạo tổng kết thực hiện Nghị quyết 18 của Chính phủ về đẩy mạnh phân cấp thẩm quyền cho chính quyền địa phương, có chỉ đạo rất rõ là không phân quyền tiếp cho Bộ trưởng.
Về hoạt động thanh tra thuế	Đoàn ĐBQH tỉnh Điện Biên	So với Luật Quản lý thuế hiện hành, tại khoản 2 Điều 5 dự thảo Luật quy định về các nội dung quản lý thuế đã bỏ quy định về thanh tra thuế, điều này là phù hợp với Luật Thanh tra hiện hành vì đã không còn quy định về hoạt động thanh tra chuyên ngành. Tuy nhiên, trong một số điều, khoản của dự thảo Luật vẫn còn quy định về hoạt động thanh tra thuế như: Điều 7, Điều 12, Điều 16, Điều 22, Điều 34, Điều 35... Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát toàn bộ dự thảo Luật để lược bỏ các quy định liên quan đến hoạt động thanh tra thuế để đảm bảo thống nhất, tránh chồng chéo với quy định của Luật Thanh tra hiện hành.	Tại một số điều, khoản của dự thảo Luật vẫn còn quy định về hoạt động thanh tra thuế vì quy định tại điều, khoản đó liên quan đến hoạt động thanh tra của cơ quan nhà nước khác, không phải cơ quan thuế.
Thể thức, kỹ thuật trình bày văn bản	Đoàn ĐBQH tỉnh Điện Biên,	Để đảm bảo đúng quy định theo mẫu số 02, phụ lục II tại Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP, đề nghị: Sửa nội dung căn cứ: “Căn cứ	Tiếp thu hoàn thiện dự thảo Luật

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	UBND tỉnh Cà Mau, UBND tỉnh Đồng Tháp	Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;” thành “ <i>Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 203/2025/QH15;</i> ”	
	UBND tỉnh Cà Mau (Thuế tỉnh Cà Mau)	Đề nghị Ban soạn thảo điều chỉnh tên của mục từ chữ in thường thành chữ in hoa tại các Mục 1,2,3,4,5,7 tại Chương II; Mục I, Mục 2 tại Chương VIII và thay thế cụm từ “Mục I” thành cụm từ “Mục 1” tại Chương VIII. Lý do: theo quy định tại Phần III, Mục 2, Phụ lục I, ban hành kèm theo Nghị định 187/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ: “- Từ “Mục”, “Tiểu mục” và số thứ tự của mục, tiểu mục được trình bày chữ in thường, cỡ chữ 13-14, kiểu chữ đứng, đậm, trên một dòng riêng, đặt canh giữa theo chiều ngang của văn bản. Số thứ tự của mục, tiểu mục dùng số Ả Rập. Tên của mục, tiểu mục được trình bày phía dưới, bằng chữ in hoa, cỡ chữ 13-14, kiểu chữ đứng, đậm, đặt canh giữa theo chiều ngang của văn bản”.	Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo Luật đảm bảo đúng thể thức, kỹ thuật trình bày VB QPPL quy định tại Nghị định 78/2025/NĐ-CP.
	Bộ Công An	- Tại Điều 22, Điều 35, Điều 36 và Điều 38 đề nghị nghiên cứu tách riêng các điều quy định về kiểm tra thuế tại trụ sở cơ quan quản lý thuế; kiểm tra thuế tại trụ sở của người nộp thuế; thẩm quyền của cơ quan quản lý thuế trong kiểm tra thuế; kiểm tra lại trong hoạt động kiểm tra thuế; quyền của người nộp thuế; nghĩa vụ của người nộp thuế; nhiệm vụ của cơ quan quản lý thuế; quyền hạn của cơ quan quản lý thuế; nhiệm vụ của tổ chức, cá nhân khác trong quản lý thuế quyền hạn của tổ chức, cá nhân trong quản lý thuế đề	Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo đảm bảo đúng quy định tại Luật ban hành văn bản QPPL

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		đảm bảo đúng thể thức văn bản (không có điểm a.1; a.2; b.1; b.2; c.1; c.2 ;...).	
	UBND tỉnh Đồng Tháp (Sở Tài chính	Các bộ cục sau điểm a) là a.1; a.2; a.3; . . . ; đồng thời bộ cục sau điểm c) là điểm g); h) tại khoản 1 Điều 16, nhưng tại khoản 2 Điều 24 bộ cục sau điểm c) là điểm f); g); h) chưa đồng bộ theo quy định về bảng chữ cái	Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo đảm bảo đúng quy định tại Luật ban hành văn bản QPPL
Về việc xóa bỏ hình thức thuế khoán đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh	UBND tỉnh Quảng Ngãi (Thuế tỉnh Quảng Ngãi)	Về việc xóa bỏ hình thức thuế khoán đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh: Việc áp dụng đồng loạt trong thời gian ngắn có thể tạo ra gánh nặng lớn cho hàng triệu hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh trên cả nước cũng như cơ quan quản lý thuế. Nhiều hộ kinh doanh nhỏ lẻ không có đủ năng lực về tài chính và kế toán để tự kê khai, nộp thuế, dẫn đến nguy cơ tăng chi phí tuân thủ, thậm chí chuyển sang hoạt động kinh tế phi chính thức để né tránh nghĩa vụ thuế không nên áp dụng đồng loạt việc xóa bỏ thuế khoán vào năm 2026. Lộ trình này cần bao gồm giai đoạn thí điểm tại các khu vực có hạ tầng phát triển và xây dựng các chính sách hỗ trợ cụ thể, thiết thực cho hộ kinh doanh trong giai đoạn đầu chuyển đổi, như cung cấp miễn phí các công cụ phần mềm kế toán đơn giản hoặc dịch vụ tư vấn thuế.	Tại nghị quyết số 198/2025/QH15 đã quy định từ ngày 01/1/2026 xóa bỏ hình thức khoán thuế do vậy tại Luật quản lý thuế sẽ phải sửa đổi quy định về chính sách quản lý thuế đối với hộ kinh doanh để thực hiện theo phương pháp tự kê khai từ ngày 01/1/2026. Tại Dự thảo Luật sẽ quy định mô hình quản lý thuế hộ kinh doanh cho phù hợp với đặc thù của đối tượng này.
Kiểm tra thuế	UBND tỉnh Quảng Ngãi (Thuế tỉnh Quảng Ngãi)	Trong công tác kiểm tra thuế có phát sinh trường hợp người nộp thuế không ký biên bản kiểm tra. Tuy nhiên, hiện nay chưa có quy định cụ thể về việc xử lý các kết luận tại biên bản kiểm tra trong trường hợp người nộp thuế không ký biên bản và đã bị xử phạt về hành vi không ký biên bản kiểm tra theo quy định. Để nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra thuế, đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật, đề nghị bổ sung quy định về xử lý các nội dung	Theo quy định tại Nghị định hướng dẫn Luật xử phạt vi phạm hành chính: <i>Trường hợp người vi phạm, đại diện tổ chức vi phạm không có mặt tại nơi vi phạm hoặc cố tình trốn tránh hoặc vì lý do khách quan mà không ký, điểm chỉ vào biên bản hoặc có mặt nhưng từ chối ký, điểm chỉ vào biên bản hoặc trường hợp không xác định được đối tượng vi phạm hành chính, thì biên bản phải có chữ ký của đại diện chính quyền cấp xã nơi xảy ra vi</i>

VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		được kết luận tại biên bản kiểm tra trong trường hợp người nộp thuế không ký biên bản.	<i>phạm hoặc của ít nhất một người chứng kiến xác nhận việc cá nhân, tổ chức vi phạm không ký vào biên bản; trường hợp không có chữ ký của đại diện chính quyền cấp xã hoặc của người chứng kiến, thì phải ghi rõ lý do vào biên bản.</i> Cơ quan thuế căn cứ quy định của Nghị định hướng dẫn Luật xử phạt vi phạm hành chính để xử lý các hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật.